



chính văn

Bán nguyệt san của những suy tư và xúc động trẻ

Chủ nhiệm

NGUYỄN MẠNH - CÔN

Chủ bút

TRẦN PHONG - GIAO

Thư ký Tòa soạn

NGUYỄN KIÊN - TRUNG

Quản trị viên

NGUYỄN ĐỨC - NHUẬN

Quản lý

ĐỖ - THỊ HẢI

○

Tòa soạn

215-B/34 đường Chi Lăng
Phú-nhận — Đ.t. 41723
Hộp thư 2498 Sài-gòn.

☆

Trị sự và Ấn loát
133, Võ Tánh — Sài-gòn-2
Điện thoại 25644

○

Biên lai chính thức số
394 / BTT - NBC - HCBC
ngày 25 tháng 3 năm 1971

VIẾT VỀ PHAN CHU TRINH :

Phan Châu Trinh, nhà thơ đen trắng
phân minh **NGUYỄN-VĂN XUÂN** 9
Phan Châu Trinh, bậc đại hào kiệt
của nước Nam **LÊ-VĂN SIÊU** 18
Thử phân biệt lẽ phải trái giữa hai họ Phan :
Phan Sào-Nam và Phan Tây-Hồ
NGUYỄN MẠNH-CÔN 29
Tưởng niệm cụ Phan Tây-Hồ
VŨ HẠNH 47

SỬ LIỆU :

Ngô Đình Diệm, Ông là ai ?
NGUYỄN-VĂN XUÂN 51

THƠ, VĂN, MỤC THƯỜNG XUYÊN :

Sắc luật số 007-72, tham luận
ĐẲNG-VĂN HẦU 2
Cháy giữa hư không ; Xin người chút lửa
đêm nay ; Mưa vang mặt đường, thơ
HẠC-THÀNH HOA 68
Thương nhớ chiến tranh, truyện dài,
NHÃ-CA 71
Chém treo ngành, thơ trào phúng
TỬ KẾU 79

Một người điên, truyện dịch,
Kahlil GIBRAN 81
Giải đáp thắc mắc **THƯ-TRUNG** 91

● Tranh bìa : R.BEZOMBES (tranh sơn dầu).

★ Bìa : VĂN-THANH — Tranh vẽ : DUY-
THANH, NGỌC-DŨNG, RỪNG, NGUYỄN
TRUNG, NGUY CAO UYÊN, ĐẲNG-GIAO,
HỒ ĐẮC NGỌC, NAM-TIẾN, THẾ-DŨNG.

Số 3 — Tập III — Ngày 16-8-1972 — Giá 90 đồng.

SẮC LUẬT SỐ 007-72

ĐANG-VAN HAU

Trừ trường hợp có sự kiện đặc biệt xảy ra, hơi khó tin, tờ Chính Văn này chỉ còn đến tay bạn đọc trong 2 số của tháng 8-1972. Ở địa vị chủ nhiệm một tờ báo sắp đóng cửa mà phê bình luật ấy, người viết có thể sẽ tỏ ra thiên lệch. Nhưng đó là một điều kiện cần được chấp nhận vì người viết, cất quân bút lên tay nặng như ngàn cân, không vì mình mà lo lắng...

PHƯƠNG DIỆN CHỦ QUAN

Nguyễn Mạnh-Côn là người suy tư và viết văn, không phải người hoạt động, làm báo. Tạp chí Chính Văn ra đời từ 1971 cộng đến nay mới được 16 số, mà đã thay đổi thể tài đến 3 lần. Đó là một nhược điểm, nhất là 13 số đầu không số nào ra đúng kỳ hạn. Tờ báo đáng lẽ đã tự đóng cửa từ lâu, nếu không có sự giúp đỡ của bạn hữu : người chạy quảng cáo, người lo giấy lo in, người thu thập bài vở và tính ngày cho kịp — đến nay, với sự tận tâm của Trần Phong-Giao, tờ báo này ra đều được đến số 3. Thì còn một số nữa là vĩnh biệt.

Cho nên, thiết tưởng như vậy, cũng cần nói đến cái nguyên nhân vì sao mà tờ Chính Văn cổ bảm lấy sự sống.

Nguyên nhân thứ nhất thuần tình cảm. Nhiều người bạn của NMC nhớ rằng hân đã hơn 50 tuổi và không còn bao nhiêu sinh lực. Rất có thể hân còn viết được 3 năm, 5 năm để kiếm ăn, nhưng nếu qua thời hạn đó mà hân còn sống thì hân sẽ kiếm ăn bằng cách nào. Nhiều nhà văn đang kéo dài tuổi già trong túng đó; mà bạn hữu không ai làm gì để giúp họ được nhiều ngày. Nhiều nhà văn chết trong thiếu thốn cả manh quần tằm áo mà bạn hữu chỉ đành ứa lệ tiếc thương. Có người đã tự tìm đến cái chết để tránh sự tủi cực cho mình, sự khổ tâm cho bạn. Vì thế, nhiều người bạn đã cố giúp NMC để giữ kỳ được tờ báo, coi nó như một bảo đảm tuổi già cho hân.

(Xem tiếp trang 59)

NGUYỄN VĂN XUÂN

PHAN CHÂU TRINH

nhà thơ đen trắng phản mình

Bài viết dưới đây là một chương rút trong tác phẩm "Nhà thơ Phan Châu Trinh" đang được sửa soạn ấn hành.

Vì khuôn khổ có hạn nên chúng tôi rất tiếc chỉ giới thiệu được phần «Đen», và hi vọng sẽ có dịp khác, ngày gần đây, trình bày tiếp phần «Trắng» của thiên khảo luận.

Tòa soạn CHÍNH VĂN

Phan Châu Trinh, người xướng thuyết Dân quyền trước tiên ở Việt Nam cũng là người đôi khi bị ghép vào loại «Pháp việt đề huề» và nhiều người đã căn cứ trên một vài sự thỏa hiệp nào đó của ông với Pháp trong một giai đoạn lịch sử để vội rút ra một lời kết luận mà không chịu xét kỹ tư tưởng hành động của ông.

Thật ra, trên thế giới, bất kỳ nơi nào có một thế lực mạnh với một thế lực yếu (mà muốn mạnh) thì thế nào trong quá trình tranh đấu, chiến thuật của họ cũng phải có một thời kỳ lấy một số điểm nào đó để bắt tay, thỏa hiệp, nhượng bộ đối phương để tìm đất dung thân rồi sau đó mới có thể cựa mình vùng vẫy.

Không nên lầm lẫn chiến thuật này trong chiến lược toàn bộ mà dở sử tranh đấu của gần như bất kỳ chính đảng, phong trào, có khi cả quốc gia nào đang tìm đường sống ta cũng thấy trải qua với những hạng tiêu cực, cầu an, đầu hàng nhưng rồi cứ lớn tiếng dương oai, diệu võ !

Phan Châu Trinh có những lúc nào đó phải bắt tay với Pháp thực sự ai cũng phải thấy ngay chỉ là chiến thuật trong toàn bộ sự nghiệp kiến tạo dân quyền để mưu toan cứu nước của ông. Điều này chắc hẳn đã làm cho một số người phải nghi ngại nhiều, thắc mắc lắm và tôi đoán là không thiếu những vị đồng thời với ông có lúc chau mày lắc đầu không hiểu hành vi của ông

Thông thường người ta chỉ hiểu một cách giản dị: hễ muốn đánh Tây thì làm cách mạng, tổ chức lực lượng giải phóng, hù dọa dân chúng cầm vũ khí vùng lên. Nếu bị bắt thì cam chịu tù tội, xử tử. Còn đã không làm cách mạng như thế nổi thì hãy trốn tránh hoặc tìm cách thủ khẩu như bình, giả ngu, giả dại cho qua thời qua thế. Chứ không thể nói cách mạng mà bắt tay với giặc mà lại bắt tay ngang nhiên giữa chỗ trăm nghìn cặp mắt dồn vào! Cũng như nói làm cách mạng mà lại công kích, phản đối, phủ nhận những lực lượng, tổ chức, nhân vật khác cũng đang tìm cách tiến tới cùng mục đích với mình.

Suốt cuộc đời chính trị của Phan Châu Trinh, ông có mấy hoạt động đã làm cho bao nhiêu người, kể cả các đồng chí của ông phải ngạc nhiên, có khi sửng sốt hoặc ngao ngán... Thứ nhất là ông đã « không chịu » quan điểm chính trị của Phan Bội Châu khi ông này tiếp tục sự nghiệp *Cần vương* theo lối mới. Nghĩa là Phan Bội Châu và Tiểu-La Nguyễn Thành văn một chí hướng tôn quân khi tổ chức lực lượng giải phóng dân tộc. Ông cũng sang tới Nhật đề khuyên Phan Bội Châu khoan tính chuyện đánh Pháp mà cần nhất là đặt vấn đề giáo dục nhân tài lên trên hết. Điểm thứ hai là khi tổ chức phong trào Duy Tân, ông cổ động quốc ngữ một cách thành khẩn và lúc mở Công ty ở Hội-an, ông đã mời người Pháp hùn vốn vào công ty ấy, ông hù dọa mặc đồ Tây, hớt tóc, ông còn vào Hội Nhân-quyền của người Pháp. Điểm thứ ba là lúc ở Côn-đảo, khi những đồng chí của ông đang bị tù đầy thì ông chịu ở người Pháp tha ông rồi ông lại sang

ở nước họ, cái nước thù không đội trời chung. Điểm thứ tư là khi Khải Định sang Pháp ông đã chặn đường hạch tội. Người ta cũng biết ông vua hèn kém này thực sự sang Pháp không phải để ngao du mà cốt yếu là để xin trở lại hiệp ước cũ và sự phần nộ của nhà chí sĩ lớn này là một trong những nguyên do khiến nhà vua chịu thất bại trước chính quyền và dư luận Pháp (1).

Đó là bốn tiếng sét ông cho nổ giữa trời xanh. Suốt mấy chục năm bốn ba hoạt động. Nhưng ngày nay, dù không đồng ý hoàn toàn với ông, chúng ta cũng có thể hiểu cái lý do đã khiến ông cho nổ và trước sau cá tính cùng chủ trương, chính sách của ông cũng do đó mà thêm thấy rõ tính chất nhất trí minh bạch, đàng hoàng. Ông chống Phan Bội Châu, nhà đại ái quốc trước kia, cũng như chống Khải Định nhà vua hèn kém sau này, đều cơ sở trên chủ nghĩa Dân quyền mà ông theo đuổi. Vì chủ nghĩa ấy, ông không chấp nhận một cuộc giải phóng dân tộc tiến tới việc thiết lập chính thể mới lại còn mang nặng những ông vua vô giá trị theo ông chưa chấp nhận việc thiết huyết (đánh Tây bằng súng đạn) ngay vì sự thật tất cả lực lượng ái quốc, các kho tàng, các mặt khu, các hậu phương, các lân quốc đều hoàn toàn bị tiêu diệt hoặc bao vây; nếu không gây dựng minh lực, thực lực thì không hòng làm gì nổi mà cái lực ấy chỉ có thể tự ta tạo dựng nên chứ không thể mượn của người

(1) Xem « Ngô Đình Diệm, ông là ai ? » của ông tác giả, trên cùng một báo này.

viện trợ được. Ông chống Khải Định vì thực tế, ông biết Khải Định đang bị lừa dối hoặc tự lừa dối mang vàng bạc sang đồ bên Pháp chứ nhà vua ấy còn làm nên trò trống gì. Mà dẫu Pháp có nhượng bộ thì rốt cuộc chỉ nặng bộn vua quan phong kiến hường thụ, còn nhân dân thì càng thống khổ hơn khi bọn này phát triển quyền lực chúng ra. Lựa lại hai điểm kia, điểm thứ hai là điểm Duy Tân, chúng ta đã thông cảm sâu xa với tác giả (2). Còn điểm thứ ba, khi ở Côn-đảo về, ông đi thẳng sang Pháp thì thật lạ lùng. Trong quyển *Thi tù từng thời* của Huỳnh Thúc Kháng (3), tác giả cũng có trình bày qua thái độ của một số tù nhân chính trị đã có phản ứng trước sự kiện này và ông Huỳnh Thúc Kháng nghĩ là họ chưa hiểu ông Phan Châu Trinh. Thật, kể ra ít có những đồng chí nào thông cảm nhau đến thế. Người lãnh tụ (Phan Châu Trinh) chỉ phải ở Côn-đảo khoảng ba năm trời, mà ở theo lối tù chính trị, còn mình (Huỳnh Thúc Kháng) chỉ là phụ tá mà ở những mười mấy năm, như tù thường phạm, thế mà khi bạn được ra trước đã không hờn giận, ganh ghét (vẫn là thái độ thường có trong đám tù nhân) mà còn hết lòng bênh vực thì hỏi mấy Quản Trọng, Thúc Nha hơn được. Quả nhiên, ông Phan qua Pháp vừa đề học hiểu tới nơi nền chính trị Âu châu mà đồng thời cũng hết lòng tìm cách bênh vực, biện hộ, tranh đấu cho những người bị tù tội trong Phong trào bằng những cuộc vận động riêng và nổi tiếng nhất là bản « Trung kỳ Dân biểu Thủy mạc ký » gửi

cho Toàn quyền Đông Pháp và Thượng thư Thuộc địa Pháp (Hội Nhân quyền Dân quyền Ba-lê cũng có bản dịch thứ hai khác bản trên — của Trung tá Roux — tên là *Manifestations de 1908 en Annam*) khi mới sang tới Pháp.

Trên đây chỉ là những hoạt động đã làm ngạc nhiên các nhà ái quốc đương thời khi họ quan niệm chỉ có « cách mạng », có « thiết huyết » tức là đổ máu và đổ máu trong mục đích giải dị là thấu hời lại nền độc lập mà không cần đề ý tới chính thể, chế độ. Nhưng tại sao Phan Châu Trinh làm cho họ ngạc nhiên mà vẫn không làm họ mất lòng kính trọng và tuy đôi khi họ vẫn thầm nghĩ ông thỏa hiệp với Pháp mà không bao giờ họ liệt ông vào bè phái *Pháp Việt để huê* bị đi của những Trương Vinh Ký, Tôn Thọ Tường, rồi sau này Nguyễn Văn Vinh, Phạm Quỳnh ? Người ta cũng không liệt ông ngang hàng với cả Phan Bội Châu khi ông này chủ trương *Pháp Việt để huê* vì bị bọn Việt gian lừa gạt mà sau này, khi về Huế, các tầng lớp thanh niên trí thức đã dám đi thẳng vào nhà của Nguyễn Bá Trắc, Thị lang Bộ binh, làm ầm cả lên đề nhục mạ vị đại thần : «... Thừa cụ, đối với bọn vô liêm sỉ mãi quốc cầu vinh, phản bầy phản bạn thì dẫu có cho chúng một phát súng cũng chỉ dơ bẩn súng mà thôi... » (4), đề lời kéo cụ thoát khỏi đôi tay « *Pháp Việt để huê* » kia !

(2) Xin xem : « *Phong trào Duy tân* » cũng một tác giả, Lê Bội xuất bản,

(3) Tân Việt xuất bản, 1957.

(4) « *Cụ Sào Nam 15 năm giam lỏng ở Huế* » Anh Minh xuất bản, 1956.

Thế mà với cái lối *thỏa hiệp* của Phan Châu Trinh ai cũng thấy ngay (có thể đúng hay sai theo quan niệm mỗi thế lực) chỉ là một tiến hành chính trị. Nói cho rõ ra là người ta chỉ có thể bảo chiến thuật ấy không đúng, không cần thiết, có hại chứ không có thể bảo nó là một đầu hàng, một tiêu cực, một cầu an, một tà nguy. Bởi trước hết trên căn bản tư tưởng Phan Châu Trinh bao giờ cũng là một người tận trung với nước, hết lòng ái quốc (hình như cái tên Nguyễn Ái Quốc cũng chính ông đặt cho ông Nguyễn Tất Thành lúc ở Pháp để rồi sau sẽ biến thành Hồ Chí Minh), và không ai nghi ngờ gì điều đó. Đã có lòng tận trung và triệt để yêu nước, lại có một lý tưởng mới mẻ, thích hợp với quốc dân trong thế giới mới, lãnh tụ nó phải thật sáng suốt mới lãnh đạo được. Vì chỉ cần một sơ hở kỹ thuật lãnh đạo và thiếu lòng thiết tha nhiệt thành thì chủ thuyết kia tan ngay thành mây khói trong buổi ban đầu! Có người sẽ bảo: Một trào lưu đã tới thì tự nó sẽ phải tới, không có người này mang về thì có kẻ khác. Điều đó thường đúng nhưng không phải không có ngoại lệ mà đôi khi ngoại lệ lại quá nhiều là khác. Và vai trò lý thuyết gia, lãnh tụ, thường có ảnh hưởng sâu xa, nhiều khi quyết định cả sự tồn vong của trào lưu ấy. Phan Châu Trinh đưa được chủ thuyết dân quyền về phát động sâu rộng trong giới sĩ phu và đại quần chúng bằng *Phong trào Duy Tân* đã là bước tiến nhảy vọt từ ý thức hệ phong kiến sang ý thức hệ dân quyền (có đặc tính tư sản dân chủ). Thật là một việc làm tối

nguy hiểm, khó khăn, phức tạp. Vì, như ta thấy: chủ trương *thiết huyết* (sắt máu) còn sôi động và phương thức ám xạ (làm việc trong bí mật) rất được tán dương xem như đó là lối đường đường chính chính, nay bỗng nhiên có người chủ trương hòa hoãn để giáo hóa, để tuyên truyền, mở mang các thế lực giáo dục, văn hóa, kinh tế và làm việc theo lối minh xã, công khai trước mắt mọi người thì làm sao tin cậy nhau, công nhận nhau, tán thành nhau? Quả thật trong bước đầu chưa có sự tán thành nhưng họ đã công nhận, đã tin cậy nhau, nương tựa vào nhau. Sở dĩ như thế là chỉ vị chính lãnh tụ của nó, Phan Châu Trinh có đủ lòng chí thành, niềm tin sắt đá vào lý tưởng và lòng ái quốc chặt sắt chém đinh mà đâu ai phê phán gì về hành động cũng không thể hoài nghi về chí hướng ấy được.



Bài này không có mục đích khảo sát về chính trị mà cốt yếu là giới thiệu một phương diện khác của ông để chứng tỏ ông quả là nhà đại ái quốc và luôn luôn ông tìm hết cách để biện minh cho lý tưởng cao cả của mình bằng cách đề cao những nhà ái quốc chân chính cũng như phi nhõ, chà đạp, công kích không tiếc lời những kẻ nguy tà, mang danh phục vụ lý tưởng Pháp Việt để huê mà thật sự là đầu hàng giặc Pháp để kiểm bả hư danh và đời sống no đủ.

Mỗi nhọn ông nhắm trước tiên là vào hạng giá áo túi com, chỉ biết có quyền lợi địa vị, không cần biết gì đến dân đến nước hoặc chỉ biết bán dân bán nước mà phục vụ cho mình sau khi triều đình đầu hàng :

*Đồng la, trống chiến đánh vang rầy.
Oà oà trông ra cũng lũ này.
Ba lão kếp già ngồi vếch mỗ;
Mấy thằng hiệu đối đứng khoanh tay.
Áo xiêm lượt lượt tuồng anh khách;
Dùi gậy nghênh ngang khác chú tây.
Lạy kiểm ít đồng rồi rượu thịt,
Hết, còn nhà chủ biết gì đây.*

HÁT BỘI

(năm Giáp-thìn)

Nhưng hạng quan lại kiểu chung chung này chúng ta tạm lướt qua vì chúng quá nhiều trong thơ của ông và vì chúng không có sắc thái đặc biệt gì đáng kể. Đáng kể chính là cái bọn quan lại trẻ hơn, còn nhiều sinh lực, có nhiều mưu trí, quyền biến đã đứng ra phục vụ cho Pháp lại tự phong cho mình những là Pháp Việt đề huề, những là tân triều... Tiêu biểu cho hạng này lúc bấy giờ khét tiếng nhất là Tôn Thọ Tường. Không phải Tôn Thọ Tường có tiếng tăm lớn bằng những Trần Bá Lộc, Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải; thực sự bọn này chỉ có tiếng tăm như là những tên đồ tề khát máu không còn ve vãn ai được. Nhưng mà Tôn Thọ Tường trước rồi Phạm Quỳnh sau này rất dễ ve vãn những người nhẹ dạ, những kẻ chưa lịch lãm chính trường nên ông đã tập trung mũi dùi vào họ. Có thể nói chắc chắn chưa bao giờ ông

công kích ai dữ dội và nhiều bằng Tôn Thọ Tường. Số lượng bài này có thể đã lên tới con số kỷ lục chăng? (tất cả đến 23 bài)? Từ xưa nay người ta ít nói tới những bài này vì tác giả giấu nhẹm các tiêu đề mà chỉ ghi những là Nói láo, Cu ngoài trách cu trong, Thi xưa v.v... Sở dĩ tôi biết đó là những bài công kích Tôn Thọ Tường vì giản dị : hầu hết đều là bài họa đúng những thơ văn của họ Tôn và họa sát sần sạt từng ý, từng lời và đặc biệt nơi 10 bài tự thuật của họ Tôn, ông đã họa đến hai lần (20 bài) đủ để nói hết những tư tưởng, phản ứng của ông đối với Tôn, những người mang ảo tưởng của Tôn đang sắp lạc đường (5).

Tôn Thọ Tường là một thi sĩ tài ba ít khi thấy xuất hiện ở miền Nam. Có lần, tôi nghe thi sĩ Quách Tấn khen ông là nhà thi sĩ vịnh sử hay nhất của nước ta và tôi ngờ lời khen đó không quá đáng. Thành thật mà nói, thơ ông nhất là những bài tự thuật, tôi đọc dễ có đến đôi, ba chục lần và bao giờ cũng bị huyền hoặc bởi lời thơ, giọng thơ uyển chuyển, tha thiết, chân thành tài tình ít khi thấy ở một tâm hồn tà ngụy. Phải nói ngay là tất cả những kẻ họa thơ ông đều chừa có người nào, bài nào có đủ tài năng của ông dù họ vượt ông vạn lần vì lòng ái quốc. Tôi không hiểu khi ông hành động sai lầm và tai hại như thế, ông có ý thức rõ ràng tội lỗi của mình không? Có và không ! Ở Tôn Thọ Tường, tôi nhận thấy lời giải đáp đó mới đúng. Vì tâm hồn ông thực sự là một thi sĩ nên sự phát biểu cũng rất chân thành

(5) Phong trào Duy tân, Sách đã dẫn.

nên dễ nhận thấy: khi ông đau đớn xót xa, khi ông tự hào tự đắc, khi ông buồn về dĩ vãng, khi ông hi hi về tương lai, khi ông nghĩ mình ngu, khi ông cho mình khôn, khi ông ngại mình phản quốc, khi ông tưởng mình thật sự yêu nước giúp dân...

Nhưng dưới con mắt chính trị gia Phan Châu Trinh không dễ tâm trí phân tích tình tự đối phương. Chúng ta dù ghét họ Tôn tới đâu mà đọc bài thơ *Từ Thứ quý Tào*, với bao nhiêu bện rịn của kẻ quay lưng lại đất nước, còn nhỏ giọt lệ thương tâm thì cũng phải động lòng:

.....
*Muối xót lòng ai nấy mặn môi.
 Ở Hán còn nhiều rường cột cả;
 Về Tào chỉ sá cỏ cây còi.
 Mắng nghe tin mẹ khôn nâng chén;
 Ngồi tưởng ơn vua biếng dỡ roi.*

Tưởng trong chúng ta khó mấy ai có đủ cảm tình nồng hậu như thế với đất nước huống chi họ Tôn còn hứa hẹn:

*Chẳng dặng khôn Lưu đánh đại nguy;
 Thân này xin gác ngoài vòng thoi.*

Vậy mà, dưới con mắt Phan Châu Trinh, ông thấy tất cả lời tâm tình cao đẹp kia chỉ là:

NÓI LÁO

(Dụng nguyên vận: *Tổng Từ Thứ quý Tào*)
*Nói láo ai tin sự trắng voi,
 Láo cho có sách mới ra mời.
 Nhò phăng cánh phụng vanh nên quạt;*

Bẻ trốc sừng lân tiện được ch.
*Hậu Nghệ bắn trời xương lút sỏ;
 Thấy Hoàng đánh đá máu theo roi.
 Không tin thử hỏi ông Bành Tồ
 Chẳng thiệt, xin đoan ngọc mấy thoi.*

Tiếp liền theo bài « Nói Láo » là hai bài m. ын lời chim cu đề công kích. Sự thật, hai bài này không họa thơ ông Tường, nhưng vì có mấy lẽ khiến phải tin là: chúng nằm tiếp liền với bài « Nói Láo »; tác giả làm khi còn ở Mỹ-tho (vừa ra Côn-đảo), lúc ấy tuy ông chết đã lâu (1877), mà thơ ca của ông vẫn còn được những nhà ái quốc đem ra thảo luận. Nhưng chắc nhất là nội dung, dù không đã kích đúng tên ông Tường thì cũng đúng những nhữn vật Tôn Thọ Tường, hạng người đã lỗi lầm theo Pháp, còn bày điều, đặt chuyện, đem mưu mô, văn tài ra giúp Pháp bẫy các bạn bè, các nhà trí thức để « còn đem cả ò giùm vào lồng » ! Thật là tàn nhẫn. Cũng nên nói sơ qua về lối đánh cu: người ta dùng con cu mồi (cu trong) thật tốt tiếng, tốt hơi đặt vào lồng cho nó gáy, dưới gài một cơ quan (cái bẫy) để cu ngoài vào đá. Thế là bẫy chụp lấy cu ngoài. Phan Châu Trinh dùng chữ cu-trong là để chỉ bọn nhảm tâm theo Tây mà còn dùng lối huyền truyền độc ác kiểu Tôn Thọ Tường đó:

CU NGOÀI TRÁCH CU TRONG

*Dạ chuốt, lòng chim găm chẻ xong;
 Nghỉ ra mà góm chú cu trong !
 Đã hay ghét chắc giây gù gáy;
 Cũng phải thương nhau năm máu lông.
 Trót bước vô lồng xoang lấy lưới,
 Còn đem cả ò giùm vào lồng.*

*Nước ve, lán nhăm bao nhiêu đó ?
Độc miệng nào ai có kẻ công.*

Trong bài sau, giả mượn tiếng
Cu trong họa lại đối đáp cu ngoài đề tự
biện hộ, song thật là đề giáng thêm
những đòn chí tử vào bè phái phản
động này :

CU TRONG HỌA LẠI

*Sa chân sầy bước trót vào trong,
Nương náu tay người phải gắng
công !*

*Lướt rập vì đau sanh máy mợc,
Gáy gù đành chịu tiếng không lông*

*.
.*

*Nồi giống thương nhau tăng mấy
thuở ?*

Điều gà, thịt chó thấy tha vung.



Những bài trên nếu còn có người
ngại chưa phải bắn thẳng vào Tôn Thọ
Tường (6) thì những bài sau đây không
còn phải nghi ngờ gì nữa dù nó chỉ
mang cái tựa *Thi xưa*. Tôi dám quyết
đoán, không chút hồ nghi vì tác giả
họa nguyên vận đủ mười bài *Tự thuật*
của họ Tôn mà họa đến hai lần và sát
sàn sạt đánh vào từng tư tưởng, từng
tình cảm, từng ý nghĩ nhỏ nhặt, khôn
ranh. Tôi không nói là thơ ông Phan
Châu Trinh hay bằng thơ Tôn Thọ
Tường (thực sự, như nói trên kia, thơ
Tường về nghệ thuật không nhà thơ nào
bắt kịp khi họa vận) tôi cũng không nói
đúng về phương diện *họa thơ*, ông lẫn
nổi Phan Văn Trị, với lối phát biểu

đanh thép, chém đĩnh, chặt sắt. Nhưng
phải nhìn nhận là sau mấy mươi năm
sinh hoạt chính trị thăng trầm, ông đã
rút ra được nhiều luận cứ khác và với
tư cách kẻ tạo dựng dân quyền đầu
tiên, ông cũng có những lối suy tư khác.
Nói cho rành rẽ, nhà ái quốc Phan Văn
Trị khi họa vận xo bài *Tự thuật* của
Tôn Thọ Tường đã đứng trên cương
vị *Tôn quân cứu nước*, còn Phan Châu
Trinh đứng trên cương vị *Dân quyền*
cứu nước nên có nhiều điểm gặp nhau
(tình tự dân tộc, chống đối mặt sát kẻ
thù dân tộc) mà cũng có nhiều điểm
không gặp nhau (tư tưởng lấy dân làm
gốc, tư tưởng *Dân ước Lư Thoa*, « Dân
quyền »). Tôi tưởng không trình bày rõ
điểm này là có lỗi đối với sự tiến hóa
mau chóng và lớn lao của tư tưởng Việt
Nam ta trong vòng cuối thế kỷ XIX.

(6) Vì loại bài vận *Từ thứ* (voi, mồi, còi,
roi, thoi) đôi khi người ta mượn đề vịnh
chuyện khác chứ không hẳn đề chống thẳng
Tường.

Và bài sau đây, ở trang 78, tôi cũng ngờ
là bài công kích ông Tường nhân cảm hứng
do câu thơ họa của Phan Văn Trị « *Đừng
mượn hơi hùm rung nhất khí, Lòng ta sắt
đổ hổ lung lay* », trong bài 1 họa lại mười bài
« *Tự thuật* » của Tôn Thọ Tường :

RUNG CÂY NHẤT KHÍ

*Chú khỉ dù đưa chót ngọn cây.
Hỡi ai rung đấy, nhất ai đây.
Lung lay rần sức chèo tay vượn.
Dọa dẫm nương hơi giả mặt rầy.
Trối kẻ trên này ngồi giở dúi,
Mặc bay dưới đó đứng hành thầy.
Thôi đi cho khỏe, đừng trơ tráo,
Nói lắm thêm mang tiếng rút giây.*

đầu thế kỷ XX và làm nghèo đi nền văn học bút chiến của ta, cuộc bút chiến kéo dài trong vòng mấy mươi năm đã kẻ xướng đã chết queo từ lâu (1877) mà người họa (khoảng từ 1911 đến 1914) vẫn chưa tha, vẫn lấy đó làm phương tiện quát ngã kẻ thù dân tộc, biện minh chỉ hướng của mình và giúp nhân dân, chiến sĩ nuôi lòng ái quốc nhiệt thành. Đọc những bài *Thi xưa* này rồi đọc lại mười bài *Tự thuật* của Tôn Thọ Tường, ta có cảm tưởng rõ rệt tác giả như một người thợ săn vác súng lùng theo con ác thú khôn ngoan, thủ đoạn; Nhưng dù nó tài tình tới đâu, người thợ săn ấy cũng nhất quyết đuổi, vì cho tới tận cùng — tận cùng tư tưởng.

Trong bài 1, Tôn Thọ Tường than vãn thở dài tuyệt vọng và đề cao kỹ thuật vũ khí tối tân của Pháp, đến chỗ tuyệt vời:

*Giang sơn ba tỉnh hầy còn đây,
Trời đất xui chi đến nỗi này?
Chớp nháng thẳng bom giầy thép kéo,
Mây tuân đen kịt khói tàu bay.*

thì Phan Châu Trinh trích thượng trở cho Tường thấy không có gì phải than thở với ai cả. Đừng tuyệt vọng và hầy tự tin, hầy hi vọng:

*Việc chi van vái với ai đây?
Cớ rờ sao người đến thế này?
Biết rộng mặc dầu cho cá nhảy,
Trời cao chưa dễ hạp chân mây.*

Và khi Tường tỏ ra thương hại những lực lượng kháng chiến chưa biết địch, chưa biết ta, cứ chiến đấu bừa bãi (mà Tường biết chắc sẽ thất bại từ lâu):

*Xắn vẫn chậm tình thương đời chớ
Khấp khởi riêng lo biết những ngày*

thì Phan Châu Trinh không chút xót thương, ném vào mặt Tường những lời sắt đĩnh mà thực tế như soi vào gan, vào ruột của Tường:

Tìm thầy học đạo còn mong thưởng.

Kiểm chủ thuê công để mấy ngày?

Thật là những lý lẽ của một tâm hồn cao cả: Nước mất thì phải học đạo (7) mới mong cứu nước. Chớ nước mất, làm bộ kêu rêu để nhảy làm đầy tớ cho người thì khó khăn gì!

Trong bài II, sau khi tỏ ra hoàn toàn thất vọng vì biết không còn phép gì cứu nước mà mình lại đại đột khuyến khích người kháng chiến một cách vô vọng «*Trẻ đại, giềng sâu, lòng chẳng nở*», Tôn Thọ Tường tự hận là mình mang lấy danh như vì lo những việc bá vơ (nhưng thâm tâm ông ta vẫn cho là đích đáng: không nên chống Pháp, sẽ thất bại) và kết luận như một người thương xót đời mà đời còn nở tiếng bắc tiếng chi bội bạc với mình:

*Áo xiêm chán thấy xắn tay thợ,
Xe ngựa nào toan gỡ nước cờ?
Rủi rủi, may may, đâu đã chắc?
Nhẹ chì, nặng bắc hầy tai nạn.*

Phan Châu Trinh nặng lời chỉ trích:

*Vững chân mà đề thiếu nhà phố
Uớt mặt làm thêm bí nước cờ.*

(7) Âm chỉ Phong trào Duy tân lấy Dân quyền làm chủ thuyết.

và ông đặt câu hỏi cho lương tâm Tôn Thọ Tường :

*Đất cát ông cha còn để đấy,
Vì ai xui giục mới nên ngờ.*

Còn ai xui giục nếu không phải là thực dân Pháp ? chỗ này thật đã đầy Tường đến đúng chân tường !

Trong bài III, Tôn Thọ Tường chưa chịu cúi đầu dưới 'danh' như còn vùng lên đề tỏ ra ta cũng là kẻ đọc hết sách Thánh hiền, ta đã làm hết sức mình mà đành thúc thủ đấy thôi !

*Nghĩ việc đời thêm hồ việc mình,
Nghĩ ngất tro tàn nền đạo nghĩa;
Lờ mờ bụi đóng cửa tâm anh.
Hai bên vai gánh ba giềng nặng,
Trăm tạ chuông treo sợi chỉ mảnh.*

Văn chương thật đầy những ưu tư, khắc khoải. Ôi ! nếu Tường là một chí sĩ, những lời này thật đáng người đọc có ý thức phải sa giọt lệ. Nhưng Tường không thể qua mặt chí sĩ tọ Phan. Ông phanh phui một sự thật phũ phàng :

[.]

*Cắc cớ xe dây trở buộc mình,
Múa miệng còn dối câu đạo nghĩa;
Cúi đầu thêm thẹn tiếng tâm anh.
Nỡ lòng đá ném con sa giếng,
Tốt mặt bìm leo lúc ngã thành.*

Trong bài IV, Tường mới vùng tay múa ngón để bày tỏ cái hùng khí ngấm ngấm của mình. Không, Tường chẳng tầm thường như ai đâu. Vào cái « lúc tan hoang » hết cả, không ai còn có thể làm gì này Tường đã dám ra tay :

*Lên núi bắt hùm, chưa dễ lão,
Vào hang đánh cá há rằng ngoan ? (8)*

Bao nhiêu kẻ thức giả căm hận vì không hiểu Tường :

*Người trông mắt ngáo đôi tròng bạc,
Kẻ ưa gan trung bảy lá vàng.*

Nhưng Tường biết làm sao ! Bởi vì Tường không chịu nổi trước cảnh nhân dân đổ máu :

*Chịu chút thương bày gà mất mẹ,
Cũng là gắng gở, dám khoe khoang ?*

Phan Châu Trinh không ngăn được một tiếng cười, tiếng cười dài, ha ha ha ! Có thể nào như thế hay sao ? Bọn danh lợi tầm thường ấy mà cũng lo việc nước hay sao ?

*Danh lợi đua bơi một lũ hoang,
Cùng lo việc nước gớm ghê càng.
Ép hùm ngoài nội chê rằng lão !
Day khi trên cây thế mới ngoan.
Quái nổi chắt đầy quân mặt bạc
Làm cho bề nát cái đầu vàng.
Thôi đừng khôn khéo, thôi đừng giỏi,
Trông ống dòm beo để một khoang,*

Trong bài V, Tường phát lời chê bai tất cả những ai chê Tường. Họ chỉ là hạng người thiên cận, tầm thường, chậm tính, những thứ cánh con chồn, oai con chồn, chưa biết gì sự thật, đường xa :

(8) Có bản đề là oan, nhưng xem Phan Chu Trinh, qua hai bài họa đều viết là ngoan. Và chữ oan nghe rất ngang nghĩa, khó hiểu — Câu này ý tưởng chỉ việc tầm thường của hạng tầm thường.

*Khoe khoang sức giỏi cậy tài khôn,
Bán dạng khua môi cũng một phần
(phường).*

*Tơ vắn cánh chuẩn kinh tri nhận,
Gió đưa hơi cốp khiếp oai chồn.
Siêng lo há đợi cơm kê miệng,
Vụng tinh nào dè nước đến trôn ?
Hay dở chuyện đời còn rối rắm,
Mùa men khuyên hãy chớ bốn chồn.*

Phan Châu Trinh vẫn cười, cười nhiều, cười ngửa nghiêng nhưng ông không giữ được nổi sự lễ độ quen thuộc của nhà nho trước cái giọng khinh thị ngu si hỗn xược kia. Ông chữ thề :

*Một khoang trông thấy gọi rằng khôn.
Đéo ỏ (g) tao đây chấp cả phần.*

Ông tiếp tục vạch thẳng sự khiếp nhục, sự vô dụng trắng trợn của Tường:

*Giả cáo giềng giàng hơi mượn cốp,
Bất gà lếu lảo thói quen chồn.
Génh vàng khôn cậy quang sồn gié
Khát nước đường mong ẩm lũng trôn.
Ông kết thúc một cách quyết liệt :
Sách ấy trò này thêm khuấy rối
Cũng đánh đốit hất, cũng nên chồn !*

Trong bài VI, trước cái giọng lừng khừng của Tường nào lo xa, chuyện nhà cửa, chuyện đời, chuyện "tính thiệt so hơn cũng gọi là", Phan Châu Trinh quyết liệt tiếp tục trình bày tư tưởng của mình :

*Nên chôn cho rảnh lủ tan nhà,
Sống khuấy hơi tường găm xấu xa.
Nếu muốn mang rêu, mang cả cốp,
Sao không hỏi trẻ, hỏi ông già ?*

9) Tác giả bài này nhấn mạnh

Muốn cứu nước, không phải ngồi đó mà than thở. Cũng không phải việc cứu nước chỉ dành cho một số người riêng nào mà đã đến lúc gọi tất cả các tầng lớp nhân dân đứng dậy :

*Đồng xương nghĩa sĩ đôi lần chết,
Giọt lụy anh hùng lắm lúc sa.
Phải dựng đồng tay nâng vạc ngã,
Non sông may cũng hạ chướng là.*

Trong bài VII, Tường tỉ tê trình bày sự cố gắng, sự nhẫn nại vô biên của mình khi dám dấn thân vào các hoạt động khác mọi người mà Tường cho mình là kẻ tiền phong. Thật vậy, trên biển cả mênh mông, ai dám bắc cầu, trong cõi trời xanh vô tận ai dám lấy thước đo :

*Bạc mệnh mông liên cầu toàn bắc
Xanh mặt mù trời thước rắp đo.*

Vậy mà Tường, hiền ngang như chiến sĩ, coi thường mọi khó khăn gian khổ, dám thực hiện một thứ « mission impossible » sứ mạng khó thực hiện nổi) và muốn thế, Tường phải vất hết tất cả những kinh sách đã lỗi thời lưu lại từ xưa trước cao trào mới đề :

*Nước ngược chống lên thuyền một chiếc,
Gác cao bỏ lại sách trăm pho !*

Phải nhìn nhận, nếu Tường là một nhà tiền phong Duy Tân đúng nghĩa, những câu trên phải được khắc bằng chữ vàng treo cao. Nhưng Tường không phải hạng người ấy dù vẫn có ảo tưởng kia,

Lòng này đâu hỏi mà không hỏi,
Lặng xét thăm soi đã biết cho.

Phan Châu Trinh vẫn tiếp tục vạch
mặt nạ của Tường :

Quái gở tưởng chỉ khéo vẽ trò.
Mượn tiếng ham rồng toan lừa lão,
Dường thấy nuôi cò hết so đo.

Ông cũng đồng ý là phải bỏ sách cũ lại, nhưng không phải để đi vào đêm tối đen đặc của tư tưởng mà cần nhất phải biết mở những pho sách mới, những phương lược cứu nước mới, cụ thể chủ nghĩa Dân quyền :

Quần như mao sắt (?) thường ngàn khâu,
Dân nước Lư Thoa sách một pho.

Ở trong mười bài họa tiếp theo, cuối bài II, ông cũng nhắc lại tư tưởng này và trách Tường đã lặn lội sang tới Âu châu mà còn bịt mắt, bịt tai trước trào lưu mới mẻ, hợp thời ấy :

Muôn dặm châu Âu thân lặn lội,
"Dân quyền" hai chữ để làm ngơ.

Trong bài VIII (cũng phần họa sau) ông vẫn trách Tường cò lỗ, hẹp hòi, thiên cận và ông còn dựng đứng xác Tường lên để mắng :

Hai chục kỳ rồi chưa mở mắt,
Sáu mươi năm trước dám trêu người.

Và ông có niềm tin tuyệt đối là khi đã có một học thuyết đúng, con người chỉ còn hăng hái hy sinh và nhất định chiến thắng về vang :

Trời máu vết thây thề đất nước,
Lòng người đã muốn ất trời cho.

Trong bài VIII, Tôn Thọ Tường dừng lại với tất cả hân hoan, hí hứng của một người thắng thế.

Tôn Thọ Tường mở đầu một cách trịch thượng :

Đã biết cho chưa ? hỏi những người.
Xin đừng tích hận chớ chê cười.

Cái gì họ Tôn muốn tất cả những ai công kích ông hãy bùm miệng lại. Đừng cười ! Tường không phải kẻ tầm thường, chỉ dám nghĩ, dám nói mà không dám làm đầu. Tường đúng là kẻ "nước ngược chống lên thuyền một chiếc" kia mà. Ta hãy bình tĩnh nghe Tường :

Ví dầu vật ấy còn rơi đầu
Bao quân thần này chịu dễ người.

Vật ấy ? Vật gì ghê gớm vậy ? Người ta bảo là hình như Tường có đưa cho chính phủ Pháp một lá thư có lẽ đề xin những cải cách cần thiết, nhưng rồi không hiểu vì lẽ gì dầu vết bực thư cũng biết tằm. Tường tin nếu thư được đáp ứng, nào ai dám công kích, xem thường Tường ? Tuy vậy, đã dám làm một việc phi thường như thế rồi, dầu không thành công, Tường vẫn hiêu hiêu tự đắc :

Trăng giữa ba thu mây cũng tỏ.
Hoa trong chín hạ nắng còn tươi.

Và Tường tự thân phục chính mình :

Khó lòng mình biết lòng mình khó,
Lòn lỏi công trình dễ mấy mươi

Phan Châu Trinh, người đã từng hoạt động một vòng Đông Nam Á, đã ngênh ngang đưa "Đầu Pháp chính phủ

thor đã cười lớn trên đường từ đây-tới chết-mới-thôi vì *lưỡi vẫn còn*, đã sang tận Âu châu hồ hào chính giới trả tự do cho những nhà ái quốc Việt Nam, suy nghĩ thế nào về thái độ lớn lời đó của Tường :

*Muốn đất trời cho cũng bởi người.
Dễ đâu tran chuốt việc mua cười.
Ếch ngồi đáy giếng nên khinh mặt.
Chim sầy ra lông đám dễ người.
Tuyết mặc dầu cưa, tảng vẫn cứng,
Sương hao nhiều nhuộm, các thêm tươi.
Đời non, tốt bề chưa rằng khó.
Mấy tình con con dễ mấy mười.*

Trong bài IX, Tôn Thọ Tường đang băng băng trên đường tự hào, «*Lái đã vững vàng cơn sóng lượn*» qua bao nhiêu thử thách, tự mãn về nhân cách, hoài bão, chỉ hướng đặc biệt của mình thì bây giờ gần như co rúm lại trong cái dây buộc vô hình của Định mệnh. Còn đâu những lời lớn lối phô trương mới đây ? Còn đâu cái khí phách «*nước ngược chống lên thuyền một chiếc*». Đứng ra vẫn còn đấy, nhưng thuyền chống lên bị gió lớn và kẻ lái thuyền đánh buồng tay phó mặc cho trời. Tư tưởng này sẽ là tư tưởng chỉ đạo suốt bài thứ XIX : đầu hàng định mệnh (Trời) được nhắc tới hai lần : «*Trời đã xui thế, thế khôn ngăn*», và «*Hết sức người theo trời chẳng kịp*». Trong khi đó, Phan Châu Trinh như một nhà đứng si, một thứ Võ Tòng dả hồ, càng đánh càng hăng, càng đánh càng hay, không chỉ đánh với cốp, không chỉ đánh với người, mà còn quyết chiến thẳng cả trời «*Người định hơn trời*

nghe đã chắc». Đánh một người không nổi thì đánh với toàn dân ! Có lẽ không gì thú vị hơn là so sánh sát-sàn-sạt hai bài thơ để thấy rõ tư tưởng, chỉ hướng một ái quốc giả hiệu, nguy tà với một ái quốc chân thành, trung chính :

Tường :

*Kề mấy mươi năm nước lẻ vắn,
Trời đã xui thế, thế khôn ngăn.*

Trinh :

*Mấy mươi ta hỡi chớ xấn vắn,
Cốp tới nhà đây thế phải ngăn.*

Tường :

*Bốn đời chung đội ơn nuôi dạy,
Ba tình riêng lo việc ở ăn.*

Trinh :

*Xám lại kinh tay ra sức chống,
Thôi đừng trảy máu kẻ phần ăn.*

(Chê Tường làm ra cách yêu nước đề xi phầ cứu nước một cách vô đạo, phi nghĩa, tàn nhẫn.)

Tường :

*Hết sức người theo trời chẳng kịp,
Hoài công chim lấp biển khôn bằng,*

Trinh :

*Xoang mưu trí Bá Thành chưa
ngập,
Hết sức Nga công núi phải bằng.*

Tường :

*Phải sao chịu vậy, thôi thì chớ,
Nhắm mắt đưa chân lối đạo hăng.*

Trinh :

*Người định hơn trời nghe đã chắc,
Xưa nay lẽ ấy vẫn hằng hằng.*

Đã đến nước này mà Tôn Thọ Tường vẫn còn trịch thượng. Mở đầu bài X, bài cuối cùng, Tường vẫn còn làm ra vẻ đàng bệ, ra điều ta đây đã cư xử rất đúng mực nho gia. Mặc dầu Tường đã bảo «*Gác cao bỏ lại sách trăm pho*», nhưng Tường vẫn không bao giờ chịu lùi trước hai chữ trung hiếu, đạo hăng, ngay thảo rút gọn trong chữ *mặt thầy* tức là bậc sĩ phu chân chính, kẻ lãnh đạo tinh thần quốc dân. Bởi thế, ông dương dương tuyên bố :

*Đạo hăng chỉ trước thảo cùng ngay,
Lỗi đạo, sao cho đáng mặt thầy ?*

Phan Châu Trinh, người thợ săn đuổi con thú đến chỗ tận cùng không nhịn nữa. Ông đã phải bảo thẳng vào mặt kẻ bạc bẽo (bất trung, phản quốc) rằng :

*Hăng hăng xin giữ vẹn lòng ngay,
Bạc bẽo như ai chữa đáng thầy.*

và trong đoạn cuối của bài X, phần họa sau, ông không chỉ dùng chữ *thầy* mà còn trắng trợn dùng một danh từ khác xứng đáng với kẻ :

*Khôn khéo nhờ to hai lỗ miệng, (11)
Mai chiều sắp ngủa một bàn tay.*

Đó là danh từ : đi già. Chúng ta đều biết Tôn Thọ Tường có bài «*Đi già đi tu*» và Phan Châu Trinh đã khéo mượn sự kiện kia để kết thúc cuộc phản kích này :

Đi già biết kiếp tu thì muộn.

Tôn Thọ Tường «con đi già» muốn tu cũng không xong, chết xuống dưới ba thước đất vàng rồi mà vẫn không yên giấc ngàn thu !

Trên đây, tôi chỉ mới trình bày 10 bài họa thứ nhất, thỉnh thoảng có xen đôi câu của 10 bài họa thứ hai. Tôi tưởng như thế đã quá dài dề chúng ta suy tư hai thái độ của hai kẻ được người đời lồng vào cái khuôn Pháp Việt dễ huề.

Có người sẽ tọc mạch đặt câu hỏi : «*Nhưng tại sao phản đối Tường đến thế, họa thơ Tường kỳ thế, mà Phan Châu Trinh không một lần nhắc đến tên của Tường.*» Điều này có nhiều bí ẩn khiến ta phải nghi ngại : có thể vì Tường đã chết, có thể ông không muốn nhắc đến một cái tên đáng phỉ nhổ dơ ngời bút, có thể ông không thực sự vì Tường mà công kích — vì cần gì phải công kích một hồn ma — mà chỉ vì những thứ Tường khác mỗi ngày một sinh sôi, nảy nở trên đất nước. Tôi muốn nói đến những hạng Pháp việt dễ huề mới sau lớp Trương Vĩnh Ký, Tôn Thọ Tường, ấy là : Nguyễn Văn Vinh, Phạm Quỳnh, nhất là Phạm Quỳnh mà ông khinh thị ra mặt. Ông có viết một bức thư gọi là «*Bức thư trả lời cho một người học trò tên là Đông*» ở Paris, ngày 23 tháng giêng 1925. (*Nhân Loại*, số 11 và 12 năm 1939). Nguyên người học trò này ở bên Pháp có quen ông, sau có viết một lá thư đề nghị với ông một số việc và ông căn kẻ trả lời với lời rào trước «*Đây, tôi chỉ nói tóm lại cho anh em hiểu rằng : trong*

(10) Tác giả bài này nhấn mạnh.

(11) Tôn Thọ Tường làm quan lớn, và chữ quan vốn có hai chữ khẩu tức hai miệng, nói sao cũng được.

14 năm (ở Pháp) tôi hết lòng cam khổ, xem xét so sánh từng phần từng li, mang trong lòng chẳng còn một tí gì hồ nghi nữa. Ông bàn nhiều vấn đề và bày tỏ quan điểm của ông rõ ràng (chính đảng, chính trị, nhân vật (Khải Định, Nguyễn Ái Quốc, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, Phạm Quỳnh) việc giáo dục, việc cứu nước v.v.. Chúng ta sẽ chưa dừng lại trên nhiều vấn đề, chỉ đề cập tới Phạm Quỳnh, người đang được thanh niên ái mộ nhiệt thành lúc bấy giờ. Ông cần vạch rõ sự lầm lạc của ngôi sao sáng chói một cách nguy hiểm đó :

“Còn về cái thơ sau của anh, thì tôi xem đi, xem lại thì biết rằng : Lúc anh ở bên ta, họ đã làm lầm lạc cái trí khôn của anh đi xa quá rồi, anh đã bị cái bệnh chung của những người thiếu niên tôi vừa nói trên, và lại bị cảm nhiễm những bệnh mới người ta truyền bá trong Nam Phong (12) bảy tám năm nay, may thay tôi đã gặp anh trước, và có nói chuyện với anh, tôi biết anh là người có lòng yêu nước thực, ham học thực, chỉ vì ít tuổi nên hiểu lầm thôi.”

Không rõ những ý tưởng gì của trò Đông đã khiến ông nhìn thấy ngay là anh ta mắc bệnh truyền nhiễm Nam Phong. Và bệnh ấy nó tai hại ra sao, chúng ta không được tác giả nói rõ. Nhưng trong phần sau, con người của Phạm Quỳnh và những tai hại của tư tưởng và hoạt động của Phạm Quỳnh thì ông trình bày rất rõ, có thể nói quyết liệt là khác :

“Anh lại sợ tôi tranh dành tiếng, tranh công cạnh với các đảng thiếu niên

như Phạm Quỳnh vân vân, nên anh khuyên tôi đừng lo mất danh tiếng, công cán mà đề huề với các anh ấy đề lo việc công ích (...) Tôi không biết anh nghĩ tôi là người thế nào mà anh dám hạ bút mà biên những câu như thế ? (...) Nếu chưa hiểu thì xin anh đem những người nào mà anh gọi là có lòng với nước, anh so đi, sánh lại cho kỹ, để cho thấy thực sẽ nói (...)

Người có lòng với nước chẳng khi nào bắt cá hai tay, được cả công cả lợi, và cả danh tiếng nữa (13), nếu thế thì là quân giả dối cả. Vì người có lòng với nước là chỉ biết có nước mà thôi, sự lợi cho nước thì làm, sự hại cho nước thì tránh, sự sống chết, lợi hại là bỏ ra ngoài vòng cả (...) còn nếu nói ngược lại, gặp những người lơ dờ, đen không ra đen, trắng không ra trắng, bên nào cũng chẳng mất lòng ai cả, nói trăm điều trượt đến chín mươi chín, anh bảo tôi lại đề huề với những người đó để nhận những 20 triệu đồng bảo xuống địa ngục sao ?

Ấy là tôi cắt nghĩa cho anh hiểu đấy thôi, còn như các anh như Phạm Quỳnh thì tôi thấy một hai bài trong nhật trình, không những là giả dối về vờ mà lại nói lảm đầu hại cho thanh niên nhiều lắm (14).

(12) Không rõ ông Phan Chu Trinh hay ông Ngô Đức Kế, người sao lục và giới thiệu thơ này trong tập “Phan Tây Hồ Di Thảo, văn tập cụ Phan Chu Trinh” (Lương Văn Can xuất bản, 1926) đã nhận mạnh. (?)

(13) và (14) Không rõ ai đã nhận mạnh,

Đọc đoạn sau, ta có cảm tưởng ít liên hệ mật thiết với đoạn trên nhưng thực sự, cả đoạn rầy đều quy cả về Phạm Quỳnh hoặc «đàng» Phạm Quỳnh.

Nhân định này không sai vì chính trong phần đề hậu, Ngô Đức Kế có bàn :

«Còn bọn thiếu niên như anh Đông đó cũng không lạ gì. Đàng thương xót thay trong 4 điều nói với ông Tây Hồ đó có khuyên ông về nước thì đề huề với các nhân vật Hà Nội, là cánh anh ta đã sùng bái lâu nay, để khôi mất danh tiếng, công cán, vậy không những là không biết đánh giá cái danh tiếng, công cán Tây Hồ ra thế nào, mà đem việc tranh danh, tranh công nói với một bậc đại hiền. Cái kiến thức như thế đáng thương xót thiết nhưng không trách chi anh Đông, anh Đông chỉ là đại biểu cho một phần nhiều trong bọn thiếu niên ta trong khoảng mười năm nay, sinh trưởng trong vùng không khí không trong sạch, đi lầm phương lạc lối vì bọn giả dối đem đường, bị chìm ngậm chân sâu vì vật chất cảm dỗ, mới có

cái óc tư tưởng như thế, mà ông đã cho là «bệnh truyền nhiễm» đó.



Trên đây chúng ta đã biết một cách khái quát, quan điểm, ý tính Phan Châu Trinh đối với những kẻ tà nguy muốn «lấy vài sưa che mắt thánh» và ông đã cực lực công kích, cực lực bêu tỏ cho quốc dân thấy những sai lầm lớn lao, sâu xa và tối nguy hiểm của họ ra sao. Nhưng thơ văn ông chỉ biết đả phá không thôi ư ? Sự thực, như ta đã biết ông không phải hạng «người lơ dờ, đen không ra đen, trắng không ra trắng», mà là người đen trắng phân minh nên có công kích kẻ tà nguy, tất phải có đề cao kẻ trung chính, có đả phá cái này, tất có kiến tạo cái kia. Một lần khác, sau phần Đen này, tôi sẽ mời độc giả xem phần Trắng của ông. Tất nhiên phần này không thiếu cá tính bông bột nhiệt thành của con người như luôn luôn an ủi lo lắng mà nhà ái quốc lớn, sĩ phu hữu danh tức Tiến sĩ Ngô Đức Kế không ngần ngại gọi bậc đại hiền.

NGUYỄN VĂN XUÂN

ĐÃ PHÁT HÀNH

VŨ TRỤ THƠ

tập tiểu luận của ĐẶNG TIẾN

GIAO ĐIỂM xuất bản

LÊ VĂN SIÊU

PHAN CHÂU TRINH

bậc đại hào kiệt của nước Nam

Tôi không được hân hạnh thấy mặt cụ Phan Châu Trinh, vì khi tôi ra đời (1912) thì cụ đã được đưa từ Côn-đảo về trả tự do ở Mỹ-tho và đã qua Pháp. Đến năm cụ về Sài-gòn (1925) thì tôi mới 13, lại ở Hà-nội, nên chỉ được nghe những người lớn nói về cụ và chỉ được xem rất nhiều ảnh của cụ, nhất là ảnh đám tang ở Sài-gòn (tháng 3.1926).

Nhưng đã có một điều run rủi kỳ lạ cho tôi (và Trương Tửu). Chúng tôi chẳng biết nết gì hết, sáng sớm đi học thấy 1 anh sinh viên đứng ở cổng trường kêu gọi: "đi dự lễ truy điệu cụ Phan!" thế là chúng tôi ào ra theo mười mấy bạn khác, bải khóa. Còn tất cả các trò khác thì hiệu trưởng đóng cổng kịp và đuổi vào lớp học. Chúng tôi dắt nhau đi suốt ngày hôm ấy đến các nơi làm lễ truy điệu cụ Phan, lấy làm thú lắm. Đến chiều về nhà thì hai chúng tôi đều bị đòn, vì gia đình chúng tôi đều đã biết tin là vì bải khóa, chúng tôi đã bị đuổi.

Ngay lúc ấy chúng tôi có ân hận. Nhưng về sau và bây giờ thì lại chân thành thấy là may. Bởi điều run rủi ấy đóng chặt cửa nên học cử nghiệp lại với

chúng tôi, và đẩy hẳn chúng tôi về đường tự học để làm văn hóa. Vì vậy mà lúc nào tôi cũng cảm thấy có một món nợ tình thần đối với cụ, là người đã chết rồi mà vẫn còn dư lửa truyền cho đàn hậu tiến.

Ảnh chụp bức họa chân dung của cụ mới từ Côn-đảo về, (không thấy ghi tên họa sĩ) tôi trông như có lửa ở hai mắt nảy ra, và râu như những sợi thép giữa những nét mặt gân guốc cứng cỏi và ngang nhiên. Còn bức ảnh do nhà Khánh Ký Sài-gòn chụp hồi cụ ở Pháp về, thì tuy đẹp nhưng không biểu lộ được tinh thần tranh đấu của nhà chí sĩ.

TIỂU SỬ CỦA CỤ :

Nói về tiểu sử của cụ cũng như những dật sự trong đời cụ thì không còn ai đủ tư cách và thẩm quyền bằng bạn đồng chí, đồng hương của cụ là cụ Huỳnh Thúc Kháng. Cụ Huỳnh đã viết bài : *Phan Tây Hồ Tiên sinh lịch sử*, ngay khi bạn mình nằm xuống, năm 1926, rồi giao cho con rể và con gái cụ Phan cất giữ. Đến 30 năm sau, 1957, bài ấy mới

được thân nhân đưa cho tôi để in kèm vào sách « Giai Nhân Kỳ Ngộ », di bút của cụ Phan.

Vậy xin bạn đọc xem tiểu sử của cụ Phan trong sách ấy. (1) Ở đây tôi chỉ tự hạn vào chỗ nói về những điểm đặc biệt của cụ, những gì khác với những nhà nho ái quốc đồng thời.

NHÀ LÃNH ĐẠO HIẾM CÓ

Cụ có đầy đủ đức tính cần thiết cho một người lèo lái con thuyền quốc gia trong cơn nguy biến.

1.— **Đức độ.** Cụ có đức độ của một người quân tử theo đạo Khổng Mạnh cổ truyền, nó kết thành một vòng hào quang quanh đầu, cho ai trông thấy cũng phải kính trọng. Những kẻ thua thiệt quyền lợi địa vị, có thể thù, ghét, và sợ cụ, nhưng không thể có gì bịa đặt để khinh được cụ. Dẫu lấy kính hiên vi soi rọi vào các khe ngách ở chi tiết của cả đời công lẫn đời tư của cụ, người ta cũng chỉ thấy có toàn sự trong sạch, sự không biết sợ uy vũ (2) sự không đề chỗ lợi danh cảm dỗ, sự không đề tình cảm gia đình ràng buộc và sự cam phận nghèo khổ (3) đề dốc hết tâm trí vào lo việc nước.

(1) *Anh Hùng Ca* : Giai Nhân Kỳ Ngộ - Hướng Dương, 1958.

(3) *Khi ở Paris, quá nghèo túng, cụ đến thăm rác nhà người ta nhặt đầu, chân, và lòng gà mà người ta bỏ, đem về rửa sạch xào nấu lại ăn. Trong khi có thể nhờ các bạn Pháp giúp đỡ hoặc chịu nhún xin chính quyền Pháp thương tình trợ cấp, nhưng cụ đã nhất định không.*

(2) *Cụ không sợ tù. Khi bị giam trong ngục Santé ở Paris (1914) cụ làm thơ trong có câu :*

Mỗi ngày đúng bữa ba lần súp
Hai đĩa chung nhau một bánh mì
Tám kiếp trâu già chỉ sợ chết
Ngồi buồn lắc vế cử ngâm thi.

Khi bị đưa đi đày Côn-đảo (1908), cụ có câu :

Xiềng xích lang thang ra cửa Đòng
Ngâm nga ngời hát lữ còn không.
Giống nòi mòn mỏi non sông lặn
Ai dễ Côn Lôn ngã tấm lòng.

tỏ rằng chết cũng không sợ, mất đầu cũng không sợ, hễ còn lưỡi thì thấy giống nòi mòn mỏi, đất nước tan nát thì cụ còn nói được đề tìm đường cứu dân cứu nước.

Một lần ở ngục Santé cụ viết thơ cho viên chánh án trong có câu : *Thằng Phan Châu Trinh này thà chết, thì nó cầm cái đầu của nó, nó quăng xuống đất như chơi, chứ nó không thèm làm thân trâu ngựa cho người ta cỡi lên đầu lên cổ nó đâu.*

Một lần bị an trí ở làng An hải Côn-đảo, bọn hương chức muốn khuất phục cụ, thấy trong lao có dịch tả, bèn bắt cụ phải đúng lệ trình diện, nếu không thì trả về lao. Cụ nói : *« Con ma chuyên chế, con sát cường quyền, còn phải sợ ông thần tự do trong người tao, thì mấy con trùng dịch tả làm gì tao nổi ? »* Rồi không cần nhún mình van xin, cụ bằng lòng đi về ở trong lao.

Khi ở trong lao, lệ tất cả ra sân ăn cơm xong mới cùng vào, cụ ăn xong

Bất buộc phải có đức độ của bậc siêu nhân như thế, thì lời nói ra mới chính đại quang minh cho người người phải tuân phục, bề bạn phải nể vì, quân thù phải khiếp vía.

Còn gì để hiểu và dễ được nghe theo ở hồi đầu thế kỷ XX ấy, là nhờ cậy nước ngoài giúp, đem quân về dùng võ lực đánh Pháp, theo chủ trương của cụ Phan Bội Châu ? Vậy mà cụ viết trong bài Hiện trạng vấn đề đang trong tạp chí "Pháp Việt" : *"Không nên trông người ngoài, trông người ngoài thì chắc ngu. Không nên bạo động, bạo động thì chắc chết"*. Cụ viết như thế mà anh em không phiên trách, quốc dân không một niềm nghi ngờ cụ bị mua chuộc, kẻ thù vẫn không dám thờ ra vì được một đồng minh. Đủ rõ cái chân lý ai cũng có thể thấy được ấy, từ miệng kẻ khác nói ra thì không xuôi tai, nhưng từ nhà lãnh đạo có đức độ xuất chúng nói thì tất cả đều chịu nhận. Ấy là vì cụ nói *điều chính nghĩa chỉ là vì chính nghĩa*, không một hậu ý nào căn lợi cầu danh cho bản thân mình, và không một kẻ hèn hạ nào gieo rắc nổi những điều tiếng làm hoen ố tấm lòng trong sạch của cụ.

Khi vua Khải Định công du nước Pháp có về ám muội năm 1922, rồi làm

(2) tiếp theo

trước đời vào trước, lính ma-tà đưa roi lên dọa đánh, cụ giựt lấy roi bề gãy, hần lấy xương chìa khóa định đánh, cụ lạnh tay đoạt được và đánh ngay vào đầu hần chảy máu ra.

Tỏ rằng ở bất cứ cảnh ngộ nào cụ cũng vẫn không biết sợ.

nhiều việc nhục đến quốc thể, cụ viết thư đến hành tại, kể bảy tội (Sử gọi là *Thơ Thất Điều*) đuổi vua mau mau về nước, thoái vị đi, và *đặt* trả quyền chính cho quốc dân, nếu không thì : *"cái đầu của tôi, sẽ càng chính thể quân chủ chuyên chế cùng rơi xuống đất"*. Một người như vua Khải Định, thêm những cố vấn loại Phạm Quỳnh, làm gì mà không biết nhờ chính phủ Pháp bắt giúp kẻ bướng bỉnh ấy và dẫn độ về để xẻo da lột thịt ? Nhưng vua Khải Định đã cúp tai lại mà về, và về đến nước có lẽ còn không dám thở. Bởi lời nói của cụ công minh quá và không thể dùng mưu mẹo xảo trá hèn hạ nào để át được lời nói ấy.

2. *Sáng suốt* : Cụ không yêu nước thương dân một cách mù quáng. Cũng không mù quáng làm liều khi chống kẻ thù.

Cụ không chấp nhận lớp tuồng đảng Cẩn Vương với những lão nho thoái hóa, chỉ biết Trung với vua để đánh Tây và vì vua mà lấy lại nước, cho vua lại vững ngôi mà gieo tai họa cho dân. Cụ cũng không tán thành cái lối cứ hiềm của Hoàng Hoa Thám ở đất Phồn-xương để chỉ gây khó phiền nào cuộc binh định của Pháp chứ không có triển vọng phục quốc. Cụ cũng không chịu đại, chơi trò rước cọp đuổi lang để vọng ngoại mà bài ngoại và chỉ đồng ý với cụ Phan Bội Châu đưa thanh niên đi Đông Du mà học lấy những điều hay của nước người, hầu có lúc dùng đến.

Đó là điều sáng suốt hiếm có ở những nhà ái quốc thuộc thế hệ của cụ.

Mà sở dĩ cụ có được một thần trí linh mẫn và thông suốt như vậy, chính đã nhờ cụ đem ngày thành khấn suy nghĩ về việc nước, và tương lai của dân tộc. Chỉ cụ mới thành thực nhận rằng quốc dân chưa đủ tư cách độc lập. Chớ thói thường ai làm chính trị mà chẳng thói phồng dần lên tận mây xanh, rồi làm các trò mị dân mà lấy phiếu bầu cho nhiều? Đây không thể. Cụ đặt tất cả trọng tâm vào việc giáo hóa quần chúng, làm cho tất cả biết đoàn kết mà duy tân, khiến cho tất cả đều giác ngộ mà nóng lòng cùng lo việc nước, thì cái cơ khôi phục mới tới được.

Cụ có bài thơ cây đèn sáp thật cảm động và thật tiêu biểu cho chí hướng bình sinh của cụ :

*Một thân đứng xừng giữa đặng dài,
Đèn sáp sanh làm phận dèo dai,
Thẳng đuợng soi tìm trong mây tấc,
Lần tròn cái xác biết bao ngoài.
Cháy đầu dốc đội đêm tăm tối,
Nóng ruột vì lo sự sáng soi.
Hé cửa trách ai cho gió lọt,
Canh tàn nhỏ giọt tỏ cùng ai.*

Đọc bài thơ, ta tưởng tượng như trông thấy tác giả ngồi thúi trắng đêm một mình, rót nước mắt vậy. Ta đủ hiểu tại sao tất cả quốc dân ở mọi lứa tuổi, mọi giai cấp, mọi xu hướng chính trị, đều kính mến cụ.

CHỦ TRƯỞNG CHÍNH TRỊ

Chủ trương của cụ là chủ trương vượt mọi bức tường đảng phái, giai cấp,

địa phương, để chỉ nhắm một tiêu đích làm hay làm tốt cho dân cho nước mà thôi.

Xem trong sách *Giải nhân Kỳ ngộ* mới thấy cụ khinh bỉ, đầy đả đập lên trên những thứ chữ rỗng tuếch, nhãn hiệu của đảng này phái khác, chỉ để lừa đời, mà xây dựng địa vị và quyền lợi cho riêng mình, chớ cái đích làm việc thực cho dân được ích lợi thì không nhắm đến. Những kẻ làm chính trị ấy là những kẻ chỉ lo bảo toàn cái danh hào của mình mà quên cái sống thực của quốc dân.

Nào dân chủ, quân chủ, lập hiến, tự do, tiến bộ, cộng hòa v.v.. biết bao kẻ làm việc buôn bán về chính trị, đã khai thác những cái chữ vớ vẩn ấy cho mình có lợi trên những thống khổ của đồng loại, cả trên sinh mạng của người nữa. Ở đầu thế kỷ XX, chưa có những kinh nghiệm đảng tranh ở nước nhà như ngày nay, mà cụ Phan Châu Trinh đã trông suốt thấy, để đem những tấm gương ấy ở các nước Nhật, Tây-ban Nha, Ái-nhi-lan, Ba-lan, Á-rập v.v... ra mổ xẻ trong truyện, hầu cảnh cáo người đọc. Ta thấy lời dạy của cụ quý biết chừng nào !

Trong bài bình giải truyện này, tôi đã viết : « Cụ là người đề xướng dân chủ đầu tiên ở nước ta, mà xem trong chế độ dân chủ của các nước ở Âu châu, có điều gì lầm lẫn là cụ đã kích rất kịch liệt. » Tôi không thể trích dẫn những điều cụ viết ra đây vì quá dài, chỉ xin nhắc lại để các bạn tìm sách ấy mà đọc. (4)

Đây chỉ xin nói rõ điểm đặc biệt ở cụ Phan là không bao giờ thấy le lói cái tham vọng chính quyền ở cụ để rồi chia ghế cho cho kẻ này người nọ trong đảng của mình. Cụ làm việc không có tổ chức đảng, không có kỷ luật khắt khe trong nội bộ, cũng không dụng tâm vu cáo để đả kích chủ trương đảng phái khác cho mình nhoi lên, nhất là không có thói mượn tay địch hạ giúp những người cùng tranh đấu chống địch, nhưng theo đường lối khác.

Đối với bạn Phan Bội Châu, cụ luôn luôn nhận yà nhận ngay trước mặt Thống soái Sài Gòn : « Phan quân là bậc đại hào kiệt của nước Nam, đó chính là anh em bạn, là người cả nước này kính mến ». (5)

Tỏ rằng tất cả mọi người chống địch, nhưng theo bất cứ đường lối nào, cũng đều được cụ kể là bạn đồng hành cả. Đó là chủ trương chính trị quốc gia dân tộc bao trùm các chủ trương đảng phái và các xu hướng chính trị, của nhà lãnh đạo tối cao.

Cụ lại có điểm cao quý lắm, là không bao giờ nghĩ cho mình là người không thay thế được. Hồi ở Pháp về Sài Gòn, các anh em thanh niên hối thúc cụ hành động, cụ nói : « Tôi bây giờ già yếu, bệnh rề rề nằm đây, mà việc nước là việc chung, thì các ông phải làm đi chứ, đừng trông cậy nơi tôi ». Lời nói ấy, những lãnh tụ tầm thường không bao giờ có nổi. Bởi bọn người tầm thường ấy khi chưa làm được việc gì đã lo tạc tượng đồng bia đá cho mình, khi làm được một vài việc

đề gọi là có chút công lênh thì lo đúc kẻ khác xuống, không để cho làm được gì thành công hơn mình, hòng mình có chết nằm trong lòng đất rồi, thì sử vẫn phải chép mình là tay anh hùng duy nhất.

Như vậy, ta thấy chủ trương chính trị của cụ, rút gọn lại, chỉ là : nước độc lập phú cường, dân tự do no ấm và tiến bộ ; còn bằng chế độ chính trị nào, thì chỉ là phương tiện có thể tới mà cũng có thể không tùy theo yếu tố nhân sự có chân thành lo và hy sinh cho nước cho dân không, hay chỉ cố gắng vung đập cho danh dự cá nhân của mình.

Chắc độc giả đã nhận ra chủ trương chính trị ấy đến ngày hôm nay vẫn chưa đến nổi là lỗi thời hủ lậu.

(4) Sách này, do tôi xuất bản năm 1958, Nay ở Sài Gòn đã hết. Tôi mong tái bản sách này, nhưng không có tiền. Vậy bạn đọc nào sẵn tiền, lại thấy là sách có ích cho dân ta để chấn chỉnh lại học phong sĩ khí, như một chính kinh chỉnh sử dùng cho các cấp bậc ở học đường, thì xin vui lòng cho biết đề lo việc ấn loát. Xin chân thành cảm ơn trước. (L.V.S.)

(5) Trường hợp nhìn nhận này là trường hợp ít người có can đảm làm nổi. Vì Phan Sào Nam đã bị xử tử hình vắng mặt. Pháp định tha cụ Phan Châu Trinh ở Côn-đảo nếu cụ hối bỏ người tử tội ấy. Cụ đã được Babut báo cho biết trước rồi. Vậy mà khi Thống soái Sài Gòn ra Côn-đảo hỏi cụ có quen biết Phan Bội Châu không, thì cụ ngang nhiên nhận là anh em bạn, lại tôn thêm bạn mình là tay đại hào kiệt của nước Nam.

Cụ cứ nhận như thế, đề nó tha thì tha, mà không thì cũng không cần, chớ chẳng vì muốn thoát thân mà làm một việc hèn hạ.

LÒNG KIÊN QUYẾT

Chúng ta có thể nói rằng: nếu Trời không đoán mệnh cụ, mà chính quyền trao tay cụ, thì Dân nước này không đến nỗi bị điều linh như ngày nay.

Bởi cụ theo đuổi chủ trương chính trị của mình với một lòng kiên quyết sắt thép, không uy vũ nào dọa nạt lay chuyển được, không tiền tài danh vọng nào mua chuộc được (6). Như thế từ trẻ cho đến lúc già và lúc chết.

Cụ Huỳnh Thúc Kháng trong bài *Phan Tây Hồ tiên sinh lịch sử*, đã nói rõ kẻ thù từ bốn phương tám hướng chỉ nhìn thấy có cụ là người cần tiêu diệt đi, và chỉ thấy ăn ngon ngủ yên được khi có lập cụ; biết bao nhiêu mũi tên chỉ nhắm bắn vào cụ, bao nhiêu những điều vu khống chỉ sẵn sàng làm như danh cụ. Vậy mà trước sau ôm một cái chủ nghĩa cặm cặm cụi cụi một mình, càng ngã càng đứng lên, càng thua càng vùng dậy. Nếu chẳng phải là vĩ nhân thì sao lại thế được? Cho nên cụ đã viết:

"Làm một người chí sĩ đã khó, làm một người chí sĩ trong một nước đã mất đại còn khó hơn. Làm người chí sĩ trong một nước đã mất, đã khó hơn rồi. Mà làm chí sĩ trong một nước đã mất như nước Việt Nam ta lại càng khó hơn gấp bội nữa!"

Thật là một tiếng đàn tri kỷ đề giải cho nhau những đau thương uất kết trong lòng vậy.

Con trai duy nhất của cụ là Phan Châu Dật chết (7) cụ không vì buồn mà

sao lãng việc nước. Con gái và con rể tới hầu hạ cụ ở Sài Gòn ít ngày. cụ mới ở Pháp về, cụ cũng bảo về đi, bây giờ cụ chỉ còn có việc nước để lo thôi.

Như ta đã biết, cụ không lo nước một cách tầm mẩn như người thế hệ trước hay đa số người đồng thế hệ với cụ. Đa số người ấy thường chỉ nghĩ rằng làm chính trị lúc ấy thì chỉ có cách đánh Pháp, đả kích Pháp, hoặc ngược lại là làm tay sai cho Pháp. Khi được tin ở Côn-đảo tha về, cụ xin đi Pháp, thì đa số người ấy si sào cho là Phan Quân đã biến tiết. Thị quả đúng là họ đã tầm mẩn tính không ra được sự cần thiết phải hoạt động chính trị ở Pháp.

Nguyên hồi ấy, cái phủ Toàn quyền Đông-dương đã là tầm bình phong che đậy cho bọn quan lại Pháp liên kết với thực dân để tha hồ ức hiếp bóc lột dân mà chính quyền trung ương tại Pháp không hề hay biết gì cả. Nếu cứ ở trong nước mà kêu ca và tranh đấu thì không thể nào có kết quả thay đổi được chính sách thuộc địa để làm rầm lên. Đó

(6) Hồi 1920, nghèo đói, cụ được một việc làm trong sở đầu xảo Marseille. Khi biết việc chính quyền Pháp sẽ đưa vua Khải Định qua trường đầu xảo để quảng cáo cho chính sách thuộc địa, cụ viết bài đăng báo phản đối. Người Pháp đặt điều kiện với cụ: đừng viết lời phản đối việc ấy thì để cho làm việc, còn cứ viết thì sẽ bị sa thải. Cụ vui lòng được thất nghiệp nghèo đói; đề cứ viết nữa.

(7) Bị bệnh phổi ở Pháp năm 1919, vợ nước đi Sài Gòn, Hà-nội chữa bệnh không khỏi, đến 1921 thì chết ở Huế.

là một hành vi can đảm hiểm có ở thời ấy.

Và cụ đọc Tân Văn, Tân Thư của Khang Lương ở Tàu, cụ nghe người ta nói về những điều văn minh tiến bộ của Tây phương, mà chưa thực mắt thấy thì cũng phải sang Pháp để tìm hiểu cho đến nơi và học thêm lấy những điều hay của người, hòng có lúc phải dùng đến.

Thêm nữa, nước người ta có những kẻ tiêu nhân thì cũng có những người quân tử, có thể vì nghĩa mà giúp mình được trong nghị trường, trên dư luận báo chí, thì sao lại cứ ru rú ở nhà, không đến tận nơi mà tìm liên kết với những người ấy?

Cho nên không cần giải thích cho anh em, không cần thanh minh với quốc dân, cụ kiên quyết đi Pháp.

TÌNH THẦN CẦU HỌC

Từ ngày cụ Phan ra nước ngoài, cho đến ngày nay, người nước ta xuất dương du học kẻ có lẽ đến triệu người rồi. Nhưng thói thường người ta đi học lấy một nghề về sinh sống, hay học lấy dăm bảy mảnh bằng về đề yêu sách mồm cao cổ đẩy. Ta hỏi: đã có ai đi học chỉ mở to mắt xem cách trị nước của thiên hạ, để rồi đem những điều hay về dùng cho nước nhà? Thì ông cụ Tiến sĩ Phó bảng cổ đã là người duy nhất làm việc ấy.

Chúng ta có thể nói chắc được điều ấy, là vì có sách *Giai nhân Kỳ ngộ* của cụ còn lại để làm chứng.

Cụ tìm hiểu lịch sử tranh đấu giành độc lập của các nước Mỹ, Ái-nhĩ-

lan, Ai cập... lịch sử tranh đấu chống bất công xã hội của các nước Nhật, Tây ban-nha, Hung-gia-lợi... cả những mâu thuẫn quyền lợi quốc tế của Đức, Pháp Ý đề xen vào nội chính của Tây-ban-nha cả những nhân vật phi thường như Nham Xương Đả (Gambetta) của Pháp, Gi- Lý Ba Đích (Garibaldi) của Ý, Martinez Campos của Tây-ban-nha... cả những cuộc chiến xảy ra giữa Anh và Ai-cập về sông Tô-hà (Suez) Cũng có những mưu toan dùng đạo Hồi Hồi chống lại đạo Gia tô...

Cụ tìm hiểu đến cả chi tiết, đến cả niên biểu mà viết lại cho ta tra cứu các sách sử mới thấy là rất đúng.

Thì trước những sự việc hiển nhiên như vậy, ta không kính phục sao được.

Điều đáng phục hơn nữa là cụ vượt xa các nhà quốc đồng thể hệ khi họ chỉ lo đánh Pháp giành lại chủ quyền, mà không lo lúc được chủ quyền thì cách giữ chủ quyền ấy ra sao, cách kiến quốc phải thế nào, cách ngăn ngừa đảng tranh nội chiến ra sao? Cả một rừng kinh nghiệm ấy trong lịch sử các nước trên thế giới, người biết là n chính trị cần mở mắt đề học lấy (8). Không thể tự bùng mắt mình trong

(8) Trong thư Thất điều kết án vua Khải Định, cụ nói: "Nếu bảo rằng ra nước ngoài để học lấy những điều hay thì sao lại chỉ mò vào những nơi ăn chơi xa xỉ, còn viện bảo tàng, thư viện, nghị viện, nghị trường, cơ xưởng... của người ta thì không đến mà học." Tô rằng cụ có ý thức về việc học lấy những điều hay của người và cụ vẫn học như thế.

vòm trời chính trị hạn hẹp của mấy vị thánh nhân Nghiêu Thuấn Trung-hoa. Cho nên ta có thể luận rằng trong hàng ngũ các nhà ái quốc ở đầu thế kỷ XX, đa số đã có tinh thần cách mạng cao lắm, nhưng chỉ có mình cụ là kiêm chánh trị gia. Nói theo lối xưa là cụ có cái học đề kinh bang tế thế, chứ không phải chỉ động tình cảm nhất thời mà bốc đồng bằng say chiến đấu, rồi sau ra sao thì ra.

NHÀ CHÍNH TRỊ LỖ LẠC

Cụ tiến lui đúng lúc, biết thời cơ chẳng thuận thì nằm yên một xó, mà thấy có điều kiện thành công thì thừa dịp xông lên.

Ngay từ hồi nhỏ còn đi học, cụ đưa lễ thức tu đến thầy giáo thụ, nhưng lễ bạc gần linh hầu không chịu cho vào, cụ gây ồn ào mướm gạo lên đầu lẩn, rồi nhét quan tiền kèm đem về Giáo thụ nhờ Trị huyện bắt tên học trò vô lễ. Cụ theo lính huyện về huyện nha, mang sẵn đồ câu và nói cho anh em biết đến chiều sẽ ra câu tại bến nước. Quả nhiên huyện quan chỉ phát lạc qua loa rồi tha, không bắt giam như thường lệ. Cụ đã tính trước để biết tâm lý huyện quan không chịu làm tay sai cho giáo thụ, nên đoán trước đến chiều sẽ ra câu tại đó. Ấy là cụ có biểu tính toán về chính trị rất nhanh.

Nhờ tự tin đã quen, cụ mới dám một mình sang Pháp, độc lực chiến đấu chống bao nhiêu bè đảng của chính quyền nước địa.

Khi vua Khải Định qua Pháp, cụ viết thư Thất điều lại dịch ra Pháp văn, đăng trên các báo, cùng rải truyền đơn ở Paris, khiến dư luận cả nước xôn xao. Cụ dám làm việc ấy là vì đã tính trước tất chính quyền Pháp dân chủ không bao giờ vì ông vua ngu xuẩn và hèn ấy mà bắt giam cụ.

Lại đến năm 1925, vây cánh của cụ ở Pháp đã thành, mà quân quyền trong nước thì yếu kém, quan lại chán nản với chính sách thuộc địa, dân chúng đã giác ngộ quyền lợi của mình, nên cụ xin về nước (về là đề hành động); các quan lại ở bộ Thuộc địa nói rằng: Ông đừng về, vì về thì quan lại An Nam sẽ ăn thịt ông. Nhưng cụ nhất định về. Ấy là cụ biết thời cơ đã đến.

Điều quan trọng mà từ trước đến nay không ai luận ra, khiến người đời có thể nghĩ rằng cụ già và mệt mỏi, bao nhiêu năm chẳng thành việc gì cả, thì bây giờ về nước nghỉ ngơi. Không. Cụ mang theo về tác phẩm *Giai nhân Kỳ ngộ*, đề bây giờ, nghiên cứu, ta mới thấy rõ: cụ về với mục đích rõ ràng lắm là để hành động.

Tác phẩm ấy là phương tiện thức tỉnh mọi tầng lớp nhân dân. Nó là một bài hịch kêu gọi khởi nghĩa. Nó là những tấm gương nêu cao tinh thần yêu nước để thúc đẩy mọi người lao đầu vào vòng chiến.

Ta thấy nhất cử nhất động của nhà chính trị lỗi lạc, và một lời một việc đi hay ở của người, cũng đều có được cân nhắc suy tính kỹ càng.

SÁCH 'GIAI NHÂN KỲ NGỘ'

Sách này khi in ra lần đầu năm 1926, người Pháp đã kịp thời tịch thu và thiêu hủy hết, nếu không, thì bảo tập chính trị tất đã xảy ra ngay từ năm ấy. Bởi trong sách có những câu thơ, mà ngay bây giờ đọc đến, chúng ta cũng thấy sôi máu lên được. Chẳng hạn như :

Gẫm trong sống chết nhiều đường
Dầu mà sống được cũng phùng cò cây
Sao cho dân nước xum vầy
Một lần trôi máu phổi thầy cũng đánh.

Hoặc chẳng hạn như truyện chiến đấu của chàng tiểu anh hùng Nhật-bản (hình ảnh Phan Châu Trinh hồi 13 tuổi đã theo cha vào rừng chống Pháp).

Chàng càng mặt héo mày nhăn
Gan xâu bảy lá ruột quấn chín chiều
Thưa rằng : "Lúc ấy ban chiều
Quân nhà thất trận binh kiêu vậy thành

Một nhà quyết chí quỳn sanh
Mẹ già dắt trẻ lánh mình núi sâu.
Anh cả bị trận Việt Châu
Anh hai cũng bị Dã Châu bỏ mình
Anh ba cầm giữ mối binh
Cha già gắng gượng liều mình Quách Môn

Chá tôi mộ lính lập đồn
Binh thua rồi cũng thân chôn xa trường
Một trời đạn gió tên sương
Trận mưa ngui ngát bóng dương lơ mờ.

Tiếng quân reo dậy bốn bờ
Súng rầm rì đất khói mờ mịt mây

Tôi còn tuổi trẻ thơ ngây
Mũi tên cũng quyết ra tay chống kinh.

Trong khi từ giã gia đình.
Mẹ già nạt dặn rằng : mình tương môn.

Sao cho khỏi thẹn tổ tiên.
Đầu ra trước trận thầy chôn ngoài thành.

Hoặc chẳng hạn như truyện bà mẹ chàng tiểu anh hùng ấy tự sát :

Nghĩ tình em trẻ đau lòng
Mới vừa bảy tuổi mẹ bỗng trên tay
Nghe lời mẹ dặn đắng cay
Đợi con dưới đất vui vầy ông cha
Bây giờ tan tác một nhà
Còn ai hương khói ông bà nữa nào
Thương ội một ngọn hỏa hào
Đưa người mái má cười vào cửu nguyên.

Đọc những câu thơ ấy, ta thấy tinh thần của cụ cũng như thấy mục đích của cụ khi rút ruột tằm gửi gắm tâm sự vào lời thơ. Thơ đã không phải để cho người đời ngẫm ngùi hão trong lúc tửu hậu trà dư. Đây không phải là thứ thơ tiêu sấu khiến buồn. Đây là thứ thơ thuộc loại chính kinh chính sử; để học thuộc lòng cho nó thấm vào mạch máu.

Đề bạn đọc có thể nhận định được tầm mức quan trọng của sách, khiến chính quyền Pháp phải tịch thu và thiêu hủy, thì đây nữa là một lời trực tiếp kêu gọi khởi nghĩa :

Chánh tự chủ dân ta dốc quyết
Đùm ruột gan xin kết cùng nhau
Cởi trói dây còn đợi lúc nào.

Hỡi gắng sức anh hào tuần kiệt
 Loạn lạc lòng người ai cũng ghét
 Dối lừa thói tục khuấy cho nhao.
 Gươm tự do sẵn mấy lúc chầu lau
 Người tri thuật dễ hầu ai húng hiếp
 Đấng trượng phu một trường oanh liệt
 Rút gươm ra hai mắt liếc người thù
 Thế nhau hai chữ đồng cừ
 Sa trường một giốc sương thu nghìn
 đời.

ANH HÙNG CA

Chúng tôi nhận rằng đây là một
 thiên anh hùng ca, một thiên anh hùng
 ca duy nhất trong lịch sử văn học Việt
 Nam,—dài gần gấp đôi truyện Kiều, gồm
 đủ các thể thơ, từ lục bát thất ngôn, tứ
 tuyệt đến bích, văn tế, ca trù, tất cả
 đều viết hướng về một đích nêu cao khí
 phách của người anh hùng và người nữ
 kiệt.

Dường như tác giả muốn chính
 danh đề chỉnh lại quan niệm sai lầm
 người ta vẫn gán cho những người thuộc
 loại Từ Hải :

Rằng Từ là đấng anh hùng
 Dọc ngang trời đất vẫy vùng bề khơi
 Tín tới nên quá nghe lời.. !

Có lẽ cụ Nguyễn Du đã muốn mĩa
 mai và dùng chữ đùa như thế, có khi cụ
 cho cả Sở Khanh là anh hùng nữa,
 nhưng người đọc không hề nên hiểu lầm
 là thật chẳng. Cụ Phan nghĩ rằng hiểu
 lầm như vậy thì có hại đến tâm thuật,
 nên khi mở đầu truyện cụ viết giầu dí :

Biên đông xưa có một chàng
 Tên là Tán sĩ vốn trang anh hùng
 Đề rồi trong cả quyền truyện, cụ vẽ ra
 hình ảnh người anh hùng xứng đáng gọi
 là anh hùng.

Đó là hình ảnh người thấy việc
 nghĩa thì làm, làm chơi thôi, không cần
 đề được lợi được danh gì cả :

Rủ nhau lên các ngai trông.
 Nhân bàn việc nước cảm lòng
 người Anh
 Một người mới hỏi rõ rành :
 Ai-lan độc lập các anh thế nào ?
 Hai người hăm hở rằng : nào !
 Mang gươm thẳng tới xông vào
 giúp chơi !

Đó là hình ảnh người xông pha
 trong vòng tên đạn đề phò chánh khí :

Lòng thiếp còn mong
 Ngày khác Biên Đông
 Có kẻ anh hùng
 Ra phò chính khí
 Nêu cao cờ x
 Giành lại tự do
 Thiếp bấy giờ
 Xin cũng liều chút phận bụi tro
 Quyết rong ruổi trong vòng nhung mã
 Thếp xin hầu hạ
 Thang thuốc cho chàng
 Đến lúc khải hoàn
 Rước mừng đầu ngựa
 Bắt tay mừng rỡ
 Chàng chắc thiếp còn
 Nếu rủi thon vort
 Chàng không thấy thiếp
 Ất là bỏ kiếp
 Trả nợ núi non
 Hồn xuống chín sông
 Chàng đừng trông nữa.

Đó là hình ảnh người con gái lập mưu vào được ngực thăm cha, hai cha con thấy mặt nhau, mà cô vẫn tỉnh như không, không biết, sắc, không xúc động.

Đó là hình ảnh người con gái khác, vì bạn, bày mĩ nhân kế, đem cả cái tiết trinh của mình vắt đi, để đóng vai cô gái điếm dâng, quyến rũ chúa ngục, mà cứu cha giúp bạn, cũng không vì cái lợi cái danh gì cả.

Hình ảnh người anh hùng thực gọi là anh hùng đã có những nét đáng kính ấy và còn nhiều nữa ở trong sách. Cho nên tác giả đã tự cảm ỡm sách :

*Cụm sông, Âu châu đập cái đùng
Tan gan nát ruột kẻ anh hùng*

*Kìa người tóc trắng còn lo nước
Đến ả mây xanh cũng biếng chồng
Ba kiếp về vãng coi đã chắc
Một đời lác nhúc ngo như không
Ngàn cân máu nóng trăm dòng lụy
Đọc đến ai không nhủn tằm lòng.*

Chúng tôi rất lấy làm tiếc rằng một quyển sách như thế sao Bộ Giáo dục lại không liệt vào chương trình học ở các bậc trung học và đại học. Nếu chỉ dạy học những văn thơ rải rác khác như bây giờ thì không đủ hiểu tác giả. Phải học quyển sách này mới thấy được nó là chung đúc tất cả tinh anh của bậc đại hào kiệt Phan Châu Trinh.

LÊ VĂN SIÊU

MỖI THỨ BA, ĐÓN ĐỌC

MÂY HỒNG

TUẦN BÁO CỦA TUỔI HỌC TRÒ

Do một nhóm nhà văn, nhà giáo đứng đầu chủ trương

NGUYỄN MẠNH - CỘN

thử phân biệt

lẽ phải trái giữa hai họ Phan :

PHAN SÀO-NAM và PHAN TÂY-HỒ

Hai nhà học giả, hai nhân vật ái quốc thuần thành, cùng sống và hoạt động trong một thời kỳ lịch sử, nhưng có thái độ và đường lối khác hẳn nhau, trái hẳn nhau, mà cùng được đời sau suy tôn, ngưỡng mộ bằng nhau ; mà không bao giờ thấy đặt vấn đề ai phải ? ai trái ?

Một người nghĩ chống là phải đánh, một người nghĩ muốn chống thì phải theo, phải học trước đã... Thời gian qua có nửa thế kỷ rồi. Xin đề nghị với bạn, thử làm một cuộc phân biệt xem giữa hai bậc tiền bối họ Phan ấy, thì ai phải hơn ai...

N.M.C.

Câu trả lời có thể giản dị : cả hai người cũng có lẽ phải ngang nhau. Chống đánh cũng cần, mà theo học cũng quý. Câu trả lời có thể giản dị vì cả hai cụ Phan cùng đã quá vắng từ lâu. Ấn tượng giang hồ không còn ; kẻ hậu sinh chúng ta rất dễ có thái độ chiết trung, là tôn kính cả hai vị.

Một thái độ thụ động quá như thế không có lợi cho sự học hỏi của đời sau.

Từ các em học sinh đến các bạn sinh viên, tuổi trẻ cần hiểu rõ để rút lấy những kinh nghiệm. Chúng ta cần, trước hết, có những ý niệm về đời sống cá nhân và xã hội với thời kỳ sinh tiền của hai cụ Phan. Rồi sau đó mới mừng tượng được quá khứ, khả dĩ từ quá khứ, như một thứ bản tiếp hậu, mà phóng ý vào tương lai.

TỪ 100 NĂM TRƯỚC...

Có một điều rất cần thiết không riêng gì cho các bạn trẻ hôm nay mà cho cả các thế hệ sau này — nhất là cho các nhà viết sử, nghiên cứu xã hội v.v... — là sự diễn tả, nếu không hoàn toàn đích thực thì cũng có nhiều phần chính xác, cách sống và suy nghĩ của tiền nhân chúng ta, trước và trong thời kỳ tiếp xúc ban đầu với người Pháp. Sự tiếp xúc giữa con người với con người, nhưng cũng là sự tiếp xúc giữa hai nếp sống khác biệt, giữa hai nền văn minh trái ngược.

Có thể bạn cho rằng tài liệu không thiếu gì. Từ tác phẩm «Lễ chôn» đến tác phẩm «Văn minh Việt Nam» đâu có thiếu tài liệu, rất đầy đủ chi tiết, về người học trò đi học, đi thi, về cách thức cưới vợ, lấy chồng, thậm chí đến cách thức tẩm liệm, tang ma cho người chết. Về phương diện nào đó, nếu chỉ nhìn về quá khứ như một hay nhiều bức tranh bất động, thì sự diễn tả quả thật đã quá đầy đủ.

Nhưng chúng ta biết đời sống không bao giờ là những bức tranh bất động, mặc dù rằng, suốt một giai đoạn dài nhiều thế kỷ, đời sống cá nhân và xã hội của người Việt thời xưa có rất ít đổi thay, biến chuyển. Ít ra là từ triều Lê, khi nền văn học chính thống của giới sĩ phu đi hẳn vào ý thức hệ Khổng, Lão, thì giới trí thức cũng như đại chúng, đều nỗ lực kìm hãm sự phát tiết của đời sống, nhờ một số định kiến về số mệnh, về hạnh phúc, gia đình, tiền

bạc... Đời sống gần như bất động ấy kéo dài nhiều thế kỷ, kể cả thời gian tranh chấp giữa hai họ Trịnh, Nguyễn, và cả cuộc đại phá quân Thanh của vua Quang Trung — nhân sự có thay đổi, nhưng nếp sống xã hội thì không.

Nói là không hẳn cũng không đúng. Thật ra thì trên đất nước Việt Nam, từ mấy trăm năm trước, đã có sự tiếp xúc rất giới hạn giữa một số bộ dân chúng (hầu hết là dân nghèo làm nghề chài lưới) và một số, còn nhỏ hơn, những vị linh mục Tây phương xin được quyền giảng đạo Ky-tô. Nếu cần, chúng ta có thể chấp nhận rằng sự giao tiếp giữa Đông, Tây đã bắt đầu từ bấy giờ.

Nhưng trên thực tế, chúng ta biết vua Gia Long là người đầu tiên mở cửa không giới hạn cho các linh mục. Nhiều làng xóm, có khi cả một vùng nhiều làng, đã có phần lớn dân chúng theo Ky-tô giáo. Triều đình Huế cương quyết cấm chỉ các nhà truyền giáo không cho can thiệp vào mọi việc có tính chất cai trị, chính trị trong nước. Nhưng sự cấm đoán không được tôn trọng, và các trường hợp vi phạm càng ngày càng nhiều, đến nỗi chỉ trong vòng 50 năm sau, triều đình phải quyết liệt cấm đạo.

Ở địa vị của nhà cầm quyền, chúng ta thấy sự cấm đoán đến quá muộn, vì chúng ta có một bằng chứng hết sức rõ rệt, là triều Nguyễn hiện đã chấm dứt, trong khi giáo hội Ky-tô đã trở thành sức mạnh lớn trong nước.

Cuộc tranh chấp làm chảy nhiều máu, nhưng vì sao nó xảy ra? — Chúng ta

có thể giải thích giản dị rằng bất cứ tập thể nào cũng là một sức mạnh ; nên cộng đồng Ky-tô giáo tất nhiên chỉ lo sự đoàn kết và thương yêu, bảo vệ lẫn nhau, cũng đã trở thành một sức mạnh. Triều đình Huế, thấy một thế lực này nở ngoài vòng kiểm soát của mình, thì tất nhiên tìm cách kìm hãm, kìm hãm không được thì cấm đoán. Nói một cách tổng quát thì như thế là đúng.

Nhưng chúng ta có thể đi sâu hơn vào sự phân tích tình thế. Và tôi xin kể một câu truyện mà chính tôi được chứng kiến, cách đây 34 năm. Năm 1938, thân phụ tôi làm Tri phủ tại Phủ Hoài đức, tỉnh Hà đông. Giáp ranh với thủ đô Hà-nội, Hoài-đức là một trong những phủ "tốt" nhất Bắc Việt, nếu không phải là phủ "tốt" nhất — chữ "tốt" ở đây cần được hiểu một cách chuyên nghiệp : một là đông dân mà dân giàu thì bổng lộc phải nhiều ; hai là ở ngay cửa ngõ thủ đô (phủ đường cách Ô Cầu Giấy khoảng 3 cây số) nên quan phủ phải giỏi mới giữ được an ninh cho vựa ý các quan Tây cao cấp ở gần kề ; ba là, theo thông lệ, làm đến tri phủ Hoài-đức là lên đến mức độ cao nhất của ngạch quan lại địa phương (phủ, huyện), cho nên đã làm đến tri phủ Hoài-đức là trông thấy tương lai, giỏi thì một bước lên tuần phủ đứng đầu một tỉnh nhỏ, mà kém thì cũng đi bổ chánh, phụ tá cho chức tổng đốc, đứng đầu một tỉnh lớn.

Vậy thân phụ tôi đã được đề bạt làm tri phủ Hoài-đức, nghe nói vì viên tổng đốc Hà-đông là Hoàng Trọng Phu

rất quý mến ông. Chính tôi, một vài lần họa hoằn về thăm nhà, được thấy thân phụ tôi ngồi bên cạnh sập gu đọc thơ cho "cụ Thiệu" nghe — lẽ cố nhiên "cụ Thiệu" ngả người vào chiếc gối xếp thật cao, bên cạnh khay đèn đặt giữa sập. Thế mà chỉ ít lâu sau, tôi lại được tin thân phụ tôi phải đổi về làm quyền Tri huyện huyện Bình-lục (tỉnh Hà-nam). Về-phương diện nghề nghiệp, quan phủ Hoài-đức bị coi như giáng chức, một cách trầm trọng.

Gần 10 năm sau tôi mới biết vì sao có sự lạ, tri phủ mà phải đi quyền tri huyện, mà huyện là huyện cực nghèo, dân tình thiếu yên ổn vì có nhiều làng chuyên nghề ăn cướp và làm cách mạng (1). Nguyên do là tại một làng nọ có khuyết một chân lý trưởng. Đây là một làng giàu có, có nhiều người buôn bán lớn ở Hà-nội, có nhiều người làm công chức, có nhiều người đỗ đạt cao. Trong số người ứng cử có một ông phó lý có bằng tú tài. Theo nguyên tắc thì bầu cử tự do, nhưng trên thực tế thì quan phủ có nhiều quyền hành, nên muốn cho ai đắc cử là cử tri trong làng bầu cho người đó. Thân phụ tôi rất hài lòng về ông phó lý, vì ông ta có thể đi làm tham biện, hoặc giỏi chạy chọt thì có thể làm đến tri huyện ngay, mà ông ta cứ vui lòng ở lại quê nhà để làm việc giúp ích dân chúng. Trên phương diện cai trị thì làm phó lý lâu năm có thể được thôi bỏ (nghĩa là bỏ nhiệm không cần bầu) lý trưởng, vì đã có kinh nghiệm làm phụ tá lý trưởng. Hơn nữa, bằng tú tài, theo chế độ cũ, được đổi hàm thất phẩm

Hàn lâm Biên tu (?) mà thôi thường lý trường làm việc mấy chục năm, mất nhiều tiền, mới được thưởng hàm cửu phẩm. Chức lý trường được coi như đã về tay ông phó lý.

Thì đột nhiên có ông cố đạo đồng áo đen đến thăm thân phụ tôi. Ông ta giới thiệu một thương gia ở Hà-nội, chưa nộp đơn ứng cử mà cũng chưa về thăm làng xóm từ mười mấy năm nay. Ông cố đạo đưa cho thân phụ tôi một nghìn đồng, và cho biết còn một nghìn nữa sẽ đưa sau — nên nhớ lương tri phủ hạng nhất lúc bấy giờ được khoảng 130 đồng. Thân phụ tôi không chịu, thì chiều hôm sau có người ở phủ thống sứ (giữ vai trò sinh sát trên toàn cõi Bắc Việt) về cho biết viên thống sứ muốn ông cố đạo phải được hài lòng. Thân phụ tôi không chịu và thu xếp đi Bình-lục ngay. Ông cụ Hoàng Trọng Phu từ chức tổng đốc Hà-đông, theo thân phụ tôi, có phần nào do câu chuyện đó.

Gần 10 năm sau, nhân kể cho tôi nghe, thân phụ tôi cho biết trải ngót 20 năm làm quan cai trị, ông đã phải đối phó nhiều lần với những vụ can thiệp tương tự. Tiên du, Nam trực, Gia-lâm, Bình-giang, Kim-sơn... ở đâu cũng có những ông cố đạo. «Không biết lấy tiền ở đâu mà họ có nhiều tiền. Dân nghèo theo đạo luôn luôn được giúp đỡ nên vùng nào nghèo là có nhiều giáo dân. Giáo dân tranh cử với nhau thì ai được cha bên là thắng. Nhưng giáo dân tranh cử với dân bên lương cũng không khác. Mỗi khi có thể được, các

quan huyện, phủ, cố gắng "thỏa mãn". Kể cả những vụ kiện tụng về hình, về hộ. Linh mục thực tế thay quyền quan cai trị địa phương. Và khi có tranh chấp giữa cố đạo và quan lại thì quan lại nhất định phải thua to!»

Tôi hiểu điều thân phụ tôi nói. Người dân Việt xưa nay không hề biết có cộng đồng. Mỗi cá nhân làm đủ ăn, nộp đủ thuế, và giữ vững phép nước, là tự coi như đầy đủ mọi bề. Trong nhà sạch lau li, ngoài đường đầy rác rưởi bùn lầy, là chuyện thường. Vì thế cho nên một cộng đồng tín ngưỡng đã thành hình tất nhiên sẽ lớn mạnh. Tôi không lấy làm lạ, và cũng không chê trách gì sự can thiệp của mấy vị linh mục, vì đã sống trong cộng đồng người ta tất nhiên phải bênh vực lẫn nhau. Vấn đề phải trái có thể được xét sau... người cầm đầu một xứ đạo không thể nào không tìm cách ảnh hưởng vào guồng máy cai trị — thiếu thực tế chắc chắn không thể nào tồn tại được.



Động lực thứ hai tác động vào đời sống xã hội VN cách đây 100 năm đến 50 năm là sự hình thành một đẳng cấp thượng lưu mới, một phần lớn xuất thân là giáo dân được giới thiệu để phục vụ người Pháp, rồi sau đó được đưa ra giữ những quyền chức quan trọng trong guồng máy nhà nước. Nhiều lớp người đã nhờ thế mà trở nên giàu có và có uy thế lớn, mặc dù trong dân gian vẫn có sự phi nhũn ngầm ngầm,

Nhưng chỉ ít lâu sau khi nằm vững quyền hành là người Pháp bắt đầu mở trường dạy học. Và, bắt đầu từ giai đoạn này, chúng ta cần ý thức được chế độ thực dân Pháp dưới nhiều khía cạnh.

Chúng ta biết người Pháp khác hẳn người Anh về quan niệm sống. Trong khi người Anh rất thực tế và chịu theo một kỷ luật bất thành văn nhưng rất chặt chẽ về chính trị (nhằm mục đích phục vụ quyền lợi của nước Anh trước hết) thì người Pháp có nhiều tình nhân đạo, với tính nết cởi mở thành thật, và tuân theo lẽ phải của cá nhân hơn kỷ luật của cộng đồng. Những người Pháp thuộc giới trí thức, giáo chức và chuyên viên, được gửi sang Việt Nam đều nhanh chóng nhận ra rằng người Việt có một nền văn hóa kỳ cựu, tinh tế và rất đáng quý trọng. Những người Pháp như Yersin, Cordier, Craysac đều tỏ lòng yêu mến Việt Nam hơn quê hương của họ. Với thái độ chân thật như vậy, họ không thể nào không thuyết phục được người trí thức Việt Nam rằng nước Pháp xâm chiếm Việt Nam ít ra cũng có một phần thật sự muốn « gieo rắc hạt giống văn minh trên đất Việt. »

Tôi ra đời năm 1920, đến năm 1930 đã bắt đầu biết suy nghĩ, nên có thể nói tôi biết rõ về lớp người đầu tiên học tại các trường pháp. Thân phụ tôi sau khi đậu cử nhân, đã học trường Hậu Bô (giáo ban) đề sau này làm giáo thụ, huấn đạo. Thân mẫu tôi là một trong số 15 người học trò đầu tiên của trường Nữ Hộ sinh. Người em ruột của thân mẫu tôi, sau này làm chủ nhiệm hai tờ

nhật báo Thực Nghiệp, Đông Phương, là một trong những học viên của trường Công chánh. Ông cậu ruột của thân mẫu tôi, cụ cử Mai Đăng Đệ, tuy đỗ cử nhân chữ Hán nhưng đọc và viết được chữ Pháp, đã làm chủ bút tờ Thực Nghiệp lâu năm, và được kể như một người bạn của cụ Phan Bội Châu — sau khi được ân xá, cụ Phan có ra Bắc, và tòa báo Thực Nghiệp là nơi cụ đến thăm viếng đầu tiên để cảm ơn về cuộc vận động xin ân xá cho cụ.

Vì thế, tôi thiết tưởng có thể nói chắc rằng tôi đại đa số giới trí thức miền Bắc, xuất thân lập nghiệp vào khoảng đầu thế kỷ, không có ý thù oán gì người Pháp. Bạn đọc, sau này, đọc những tài liệu hầu hết có ý hướng tuyên truyền cho tinh thần ái quốc (quốc gia) nên có thể tin rằng toàn quyền Varenne tha cụ Phan Bội Châu, hay thống đốc Nam-kỳ ra tận Côn-đảo thăm cụ Phan Chu Trinh, là vì sợ dư luận. Sự thật không phải thế: Varenne cũng như viên thống đốc Nam-kỳ đều là những người Pháp có lòng liên tài và kính phục cuộc sống thanh cao, trong sạch của hai cụ.

Thái độ của các chức quyền cao cấp người Pháp, cho đến khoảng 1940, không có gì là « thực dân tàn bạo ». Sự thay đổi chỉ đến dần dần do nhiều nguyên nhân khác biệt.

Trước hết là guồng máy cai trị của người Pháp không phải hoàn toàn gồm những người có học vấn và có tư cách. Bên ngoài hệ thống hành chính và chính trị, người Pháp còn thiết lập một hệ

thống cảnh sát, và một hệ thống thương chánh — cầm tây và tây đoan, có liên lạc trực tiếp với dân chúng nhiều hơn cấp chỉ huy của chúng. Trong tổ chức chính quyền, một viên cảnh sát trưởng, một viên trưởng cơ quan Thương chính tại một tỉnh thường chỉ có cấp bậc hạ sĩ quan (brigadier) và thường chỉ có học qua tiểu học. Đây là số phần tử cận kề trong xã hội pháp, sang Việt Nam để trốn tránh tù tội hoặc để cố gắng thoát khỏi cảnh nghèo mạt tại quê nhà. Chính bọn người này, bằng những cử chỉ cực cần, những hành động bạo ngược, đã tạo nên cái hình ảnh chung về con người thực dân mà chúng ta đã biết.

Ngoài bọn cầm tây, tây đoan, chúng ta phải kể đến bọn chó săn người Việt. Chưa nói đến bọn chó săn thật sự như Đội Dương tổ cáo VN Quốc dân Đảng, chúng ta chỉ nói đến những phần tử cận kề trong xã hội Việt, vì sinh kế, theo làm bồi bếp, tùy phái, tùy sai tại các công tư sở của người Pháp. Từ cuối thế kỷ trước, bọn tay sai này làm giàu nhanh chóng, chiếm được địa vị, xây được nhà cửa, tác oai tác phúc với dân chúng. Người dân thường ít khi tiếp xúc với một viên chức cai trị người Pháp, mà chỉ tiếp xúc với bọn chó săn ấy. Sự oán hận, căm thù, vì thế mà nảy nở.

Thứ ba đến sự chống đối của một số người Việt làm cho sự thất bại càng ngày càng chặt. Tôi xin đưa ra một ví dụ: đầu thế kỷ, Đông kinh Nghĩa thực được mở cửa hoạt động nhiều năm rồi mới bị giải tán; mấy năm

sau, hai cụ Phan lần lượt bị bắt nhưng vẫn được trọng đãi, nhưng chỉ trong vòng 20 năm sau, các lãnh tụ VNQDĐ bị bắt đã bị tra tấn dã man, và các đồng chí của họ bị đẩy đi Lao-bảo, Côn-lôn và oí hành hạ đến chết một phần lớn. Ví dụ thứ hai: khi bắt cụ Phan Bội Châu, người Pháp đề cho dư luận công khai phát triển; khi giết các liệt sĩ Yên-bái báo chí còn được đăng tin, nhưng đến 1940, Phục Quốc Quân chiếm cả tỉnh (Lạng-sơn) rồi dàn quân đánh một trận lớn cấp tiểu đoàn ở Diêm-he, mà tuyệt nhiên báo chí không được loan một tin ngắn, kể cả cuộc báo thù xâu bần tay mấy trăm người bằng dây thép đem bắn bỏ gần động Tam Thanh, khi quân Pháp lấy lại được tỉnh lỵ.

Từ phong trào Cần Vương qua Đông kinh Nghĩa thực đến cuộc khởi nghĩa Thái-nguyên, Yên-bái, đến sự thành hình của mặt trận Việt Minh (1941) và đến Tổng Khởi Nghĩa (1945) chúng ta thấy cuộc chống đối dần dần đổi khác. Thoạt đầu chỉ vì vua mà kháng chiến, nên thấy vua bất tài, bất lực thì chán nản, rã rời. Đến khi hiểu được rõ sức mạnh của đối phương thì một là chủ trương học hỏi, hai là chủ trương mượn sức nước ngoài. Cuộc tranh đấu của cụ Phan Chu Trinh chính là một điển hình cho tinh thần người Việt, hồi đầu thế kỷ. Tình ngộ nhờ đọc sách của người Pháp, cụ không muốn dùng bạo lực đối với giống người văn minh ấy. Nhưng sau khi cụ qua đời, người Việt Nam sẽ còn đọc sách của

người Anh, người Nga, người Đức... Ảnh hưởng của kiến thức rất quan trọng, nhưng ảnh hưởng của hoàn cảnh thực tế còn quan trọng hơn nhiều. Khi giường máy cai trị của người Pháp cần đến nhiều người thì họ phải mở trường dạy học. Những người chống đối đầu tiên là những người đọc sách, nhất là các giáo chức luôn luôn bị bạc đãi về đối xử và lương bổng, mặc dù họ có học chẳng kém ai. Dân quê nghèo, phụ nữ đói khổ, không bao giờ nghĩ đến chống đối nếu không được cuốn hút lôi cuốn.



Nói tóm lại, ngay khi người Pháp đưa quân vào Việt Nam, một số đồng bào Ky-tô giáo đã không ngờ mà trở thành một «đạo quân thứ 5» đặc lực của họ. Khi quyền hành thực dân đã được củng cố, một số nhỏ giáo dân nhờ phục vụ quyền hành ấy mà trở thành một thứ giai cấp mới, ngoài dân gian và cả trong triều đình. Giáo hội Ky-tô ở Việt Nam trở thành một thế lực chính trị, xã hội, mặc dù chế độ cai trị của người Pháp không có tính chất tôn giáo.

Cuộc thỏa hiệp của cấp lãnh đạo VN chỉ bắt đầu cùng với thế kỷ thứ 20, trước hết là do sự thấm nhuần tư tưởng và học thuật pháp. Vào thời kỳ này, thái độ của nhà cầm quyền thuộc địa còn mềm mỏng và cởi mở. Đó là điều người ta cần hiểu trong khi nhận định về sự nghiệp của Phan Chu Trinh.

HÃY NÓI QUA VỀ PHAN BỘI CHÂU

Vào cuối năm 1939, viên thống sứ Bắc-kỳ Yves Châtel về Pháp, vận động đề trở sang làm toàn quyền Đông-dương. Không biết do tập thể nào, dân chúng được mời đến Quăn Ngựa (trường đua) dự một hội vui đề tiễn biệt viên thống sứ có công lập một hội khúc côn cầu (hockey) phụ nữ. Báo chí đăng thật nhiều những thư từ, điện văn, diễn tả lòng ái mộ Châtel. Rồi bất thình lình thấy có báo đăng bức thư ngắn của cụ Phan Bội Châu từ Huế gửi ra cảm ơn viên quan cai trị này, và tỏ lòng mong mỏi được gặp lại ông ta.

Châtel về Pháp rồi không sang nữa, vì chức toàn quyền lọt vào tay tướng Catroux. Mấy tháng sau, nước Pháp thua trận, bị Đức chiếm đóng. Nhiều biến cố lớn xảy ra trên thế giới, nhưng ở Hà Nội, một nhóm bạn trẻ không nuốt trôi được bức thư của cụ Phan. Nhật báo ra hàng tuần bằng chữ Pháp, tờ L'Essor, cũng bất thình lình đăng một bài văn tội. «Cụ đã ở Nhật-bản, hẳn cụ biết ở đó người ta gột rửa danh dự như thế nào» là câu kết của bài báo.

Chỉ vài tháng sau tôi nghe tin cụ Phan mất. Năm 20 tuổi, tôi không buồn giận gì cụ, mà lấy làm tiếc rằng từ L'Essor thấy cần phải làm nhục một cụ già thua trận từ 15 năm. Như vậy, tôi không phải như các bạn trẻ ngày nay, chỉ đọc thấy Phan Bội Châu trong sử sách. Người liệt sĩ ái quốc

cho các bạn một hình ảnh toàn thiện, toàn mỹ, và tất cả chúng ta, cả những người cộng sản, đều hành diện có Phan Bội Châu trong lịch sử. Tôi cũng không được có sự hăng hái say sưa của các bậc đàn anh Lan Khai, Nguyễn Tuấn, Lãng Nhân, khi rủ nhau bãi khóa trường Bưởi đòi ân xá cho cụ. Nhưng tôi lớn lên trong thời kỳ «sự tử về già», thỉnh thoảng được nghe các cụ Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Tử Hạ, Nguyễn Văn Luận, Mai Đăng Đệ nói chuyện về cụ, người phiến trách, người cảm thông với cuộc sống cô đơn của cụ.

— «Không được viết lách gì, kể cả viết cho riêng mình hay cho đời sau, cụ chỉ thỉnh thoảng được gửi đến tòa báo một bài thơ thù tạc, tả cảnh, mà tòa soạn không dám đăng. Mấy năm đầu không ai dám đến thăm, mà cụ cũng không tiếp ai, sợ lên lụy cho họ. Mãi về sau cụ mới xin được ra ở ngôi nhà trên bờ sông Hương và thỉnh thoảng cũng có người thăm viếng. Cụ ngại ngùng không dám tỏ lộ tâm sự, sợ gặp người của sở Liêm phóng (mật thám). Mười mấy năm yên lặng để đời lấy mạng sống, tôi nghĩ hẳn nhiên cụ có một lý lẽ nào mà không ai được biết... Cứ nghĩ đến hoàn cảnh chúng ta đây, thật không ai có quyền lên tiếng trách cứ cụ Phan». Tôi nhớ lảng máng lời nói của cụ Huỳnh với ông tôi, khi cụ ra Hà-nội, đến chơi tại ngôi nhà phố hàng Đàn, số 43.

Ông tôi cũng đồng ý với cụ Huỳnh và nhắc đến mấy câu thơ trong bài Tuyệt Mệnh :

«Sống đã không trừ xong giặc nước
«Chết đi há lụy tới người sau

.....
«Lòng này chưa hả thân đã chết
«Thẹn xuống Hoàng tuyền gặp cổ nhân.»

Lụy tới người sau là lụy tới ai ? Và cổ nhân đã quá vắng là ai ? Cụ Ngô Tử Hạ bàn rằng «cổ nhân» ở đây là cụ bà Phan Bội Châu, ý tỏ niềm ân hận rằng lia bỏ vợ con lên đường tranh đấu, mà đến lúc này cụ bà đã mất, cụ đã bị an trí ở Huế được 2 năm — bài thơ làm năm cụ 60 tuổi — còn «người sau» trong hai câu trên có ý nói cụ đã nhận mình thất bại, nên không muốn cố gắng tiếp tục hoạt động, lôi cuốn thêm một số người giỏi theo cụ vào cuộc đấu tranh vô vọng. Ông tôi không đồng ý, đặt ra giả thiết rằng khi cụ bị bắt, người Pháp có cho cụ thấy danh sách một số đồng người đã từng gửi tiền ra ngoại quốc giúp cụ, trong đó có nhiều nhân vật nổi tiếng giàu có trong Nam. Ngoài quyết định ân xá, toàn quyền Varenne đòi cụ hứa danh dự sẽ không bao giờ vận động chống Pháp, mới chấp thuận hủy bỏ danh sách mà không truy cứu những nhân vật liên hệ. Cụ Phan đã hứa trước hết để cứu những người đang có sự sản to lớn mà vì tin tưởng ở cụ nên đã góp tiền ủng hộ phong trào Đông Du, và sau nữa cũng vì cụ đã thấy rõ sự thật là chủ trương phục quốc không có triển vọng thành công nào cả.

Đến đây, chúng ta cần tìm hiểu nhiều hơn về Phan Bội Châu. Chẳng thanh niên họ Phan lớn lên trong cảnh nghèo khổ, đến độ phải làm bài mướn trong trường thi (1), lòng căm hận người Pháp vì thế nên sâu mà hẹp và quyết liệt. Với tinh thần đó, họ Phan chỉ thấy có một con đường có thể đi, là chiến đấu đến một còn một mất. Với tinh thần đó, tất nhiên sự giao du được giới hạn đến mức độ mang nhiều thành kiến: chỉ có người chống Pháp mới đáng được quen biết mà thôi.

Cho đến tuổi trung niên rồi về già, cụ Phan không thể là người lịch lãm. Ở trong nước, nghe nói, chắc hẳn với khá nhiều huyền truyền, về cuộc Nhật Nga chiến tranh (1904-1905), cụ Phan, vốn đi không có chút kinh nghiệm nào về tính chất phức tạp của một tổ chức chính quyền, nên đã mừng rỡ tưởng rằng chỉ cần có người Việt Nam tỏ rõ ý chí tranh đấu, thì người Nhật tức khắc đem cái sức mạnh thắng Nga ấy mà giải phóng cho nước Việt. Có thể cụ đã kinh ngạc nhiều khi nhận ra rằng người Nhật không thuộc nòi da vàng mà thuộc nòi da trắng!

Ra ngoài nước, bị bỏ rơi ở đây, bị hắt hủi ở kia, rồi niềm tuyệt vọng của cụ Phan không ở trong tình thế mà ở trong lòng người. Sau khi chứng kiến thái độ tầm thường của người Nhật (nhận việc trục xuất các nhà ái quốc VN như một điều kiện phụ của một hiệp ước kinh tế), cụ lại có dịp theo

rồi và hiểu tường tận cái nguy cơ chia rẽ trong hàng ngũ cách mạng Trung-hoa, cụ Phan không chấp nhận uy quyền mới nổi của Tưởng Giới Thạch mà bị viên thị trưởng Quảng-châu sai cơ quan an ninh mặc thường phục đánh lừa và bắt đưa lên một chiếc thuyền đi ra Hương-cảng giao cho một chiếc tàu Pháp (Sau đó, hình như còn có một vụ can thiệp với Chính phủ Anh: cụ Phan được phép trú ngụ trong một ăn hạn nào đó trên lãnh thổ Anh quốc để tìm nơi lánh nạn. Nhưng không được nước nào chấp nhận cho tị nạn chính trị, nên cụ phải chịu về Việt Nam). (2)

Về đến Việt Nam, cụ bị giam nhưng được đối xử rất lịch sự (theo lời cụ Huỳnh Thúc Kháng thuật lại thì có lúc cụ Phan đã than thở rằng làm người tù của Pháp còn sướng hơn làm người dân Việt tự do!). Chính toàn quyền Varenne có tiếp chuyện cụ, và viên công sứ Bride cho đặt ghế ngồi cho cụ bên trong vành móng ngựa, khi cụ ra trước Hội đồng Đề hình -- một thứ tòa án nửa chính trị, nửa quân sự, được đặc biệt tổ chức để xét xử các vụ khởi nghĩa của người Việt: chính viên công sứ Bride sau này lại xử vụ Yên bái.

(1) Theo Danh nhân Từ điển (quyển 2) của Trịnh Văn Thanh.

(2) Theo một vài tài liệu mới xuất hiện trong vòng 20 năm nay, thì cụ Phan bị nhóm Cộng sản bắt giao (?) cho Pháp. Nhưng theo tôi được nghe người lớn kể lại thì căn bản là cụ Phan chống đối cụ Nguyễn Hải Thần (phe T.G.T.), nên bị chính quyền địa phương phản bội.

Tôi nghĩ rằng về phương diện ngoại giao cụ Phan đã biết không trông đợi gì được ở nước ngoài, về phương diện võ trang khởi nghĩa thì tài liệu của cụ bị (chính quyền Trung-hoa) tịch thu rồi lọt vào tay người Pháp khiến cho mọi hy vọng cũng tan vỡ theo luôn, nên cụ Phan chỉ còn lựa chọn được giữa hai thái độ. Một là không nhận ân xá để được chết và giữ tròn danh tiết, hai là chịu nhận ân xá mà kéo dài kiếp sống thừa. Tôi nghĩ rằng cụ đã câu rắng nuốt nhục mà nhận, để cứu không biết bao nhiêu người khác. Hai là, rất có thể như vậy, toàn quyền Varenne thuyết phục được cụ : nước Việt Nam quá nhỏ yếu và lạc hậu, nếu không bị Pháp chiếm cứ thì cũng lọt vào tay người Hòa-lan, Bồ-đào nha, Anh cát-lợi hay Tây-ban nha...

VỀ PHAN CHU TRINH

Một sự thật não lòng mà không phải bất cứ ai cũng chấp nhận được, vào bất cứ lúc nào, là cái thế yếu đuối của nước Việt Nam, khi trường chính trị và giao thông quốc tế được càng ngày càng mở rộng. Nước Việt Nam không thể nào hoàn toàn độc lập được. Giả 200 năm trước, họ Trịnh, Nguyễn, vua Quang Trung hoặc vua Gia Long mở ngay cửa biển cho tất cả mấy nước Anh, Pháp, Hòa, Bồ, Tây, thì có lẽ tình thế có thể đổi khác, và nước Việt có thể được độc lập ở giữa sự tranh giành của các cường quốc. Nhưng đến thời hai cụ Phan thì đã quá muộn. Người ta phải chấp nhận mỗi ông chủ, một ông anh, một bạn

đồng minh... Vậy thà rằng chấp nhận người Pháp.

Phan Chu Trinh, hồi còn trẻ, là con nhà (bà mẹ) giàu. Ở thôn quê và được nuông chiều, chàng thiếu niên họ Phan mãi 10 tuổi mới phải đi học. Tài liệu thời nay cho rằng vì có tình yêu nước sớm nảy nở trong tâm trí, nên chàng thiếu niên tỏ ra rất sao lãng sự học hành. Có lẽ chúng ta nên xác định lại rằng trong một gia đình mà bà mẹ thuộc dòng dõi phú nông có Hán học, mà ông bố lại theo nghề võ, thì hẳn nhiên Phan Chu Trinh khó lòng được nghe giảng về những tầm gương trung trinh quyết liệt (hy sinh tài sản để chống ngoại xâm). Chúng ta biết không có ai ở đời hoàn toàn tự nhiên mà phát sinh ái quốc.

Nhiều người làm sách nghiên cứu văn học, như Trần Trọng Kim giới thích truyện Kim Vân Kiều, thấy cần phải đem quan niệm của họ về luân lý mà gán cho tác giả hoặc cho nhân vật trong tác phẩm. Một lời của cụ Trần khẳng định Nguyễn Du có tâm hồn hoài Lê, đã khiến cho sau này có không biết bao nhiêu nhà văn học khác tự động nhắc lại ý nguyện ý kiến của bậc lão thành, mà không cần đọc kỹ tài liệu (của cụ Trần) xem có yếu tố nào thích đáng khả dĩ chứng minh tính hoài Lê của Nguyễn Du hay không.

Tôi sợ rằng sau này còn có rất nhiều người đọc cuốn «Thành ngữ, Điển tích, Danh nhân Từ điển» của Trịnh Văn Thanh, — trang 963— sẽ tin ngay rằng thân sinh của cụ Phan là Phan Văn Bình theo nghề võ và đã tích cực chiến đấu trong hàng ngũ Cần vương,

và chính cụ Phan thì: «Vì mỗi Tỉnh yêu nước sớm nảy nở trong trí... nên ông tỏ ra rất xao lãng, thờ ơ với đạo lý và chữ nghĩa thánh hiền... Vì nhận thấy muốn có uy tín để thực hiện chí lớn trong việc cách mạng để giành lại chủ quyền của đất nước, nên ông đổi sang nghề nghiên bút chữ thực ra ông không bao giờ thích cái lối học hư văn.» Năm đó, Phan Chu Trinh mới 15 tuổi.

Có lẽ tác giả Trịnh Văn Thanh có tin tưởng thật sự rằng một con người cao quý như Phan Chu Trinh tất nhiên phải cao quý ngay từ tuổi ấu thơ; hoặc giả ông giáo sư này có quan niệm rằng đối với các thiếu niên độc giả của ông, ông có bổn phận phải đưa ra một mẫu người lý tưởng, từ trẻ đến già, từ chân đến đầu... Tôi có cảm tưởng rằng giả thuyết sau có nhiều phần xác đáng hơn. Vào trường hợp này, chúng ta không thể bàn cãi về quan điểm đức dục của tác giả, nhưng chúng ta lại có thể trách cứ sự thiếu thận trọng của ông.

Trong một đoạn trên, tác giả viết Phan Văn Bình chiến đấu trong hàng ngũ Cần Vương, nhưng sau đó 15 dòng, ông lại cho biết năm 1885, kinh thành thất thủ, vua bỏ trốn, các đạo Cần Vương nổi lên khắp nơi, thì Phan Văn Bình được cử làm Chuyển vận sứ đồn Á Bá thuộc hạt Tam-kỳ. Phan Chu Trinh được cha cho theo học nghề võ để có một nghề hợp khả năng và cũng đồng thời được đặc dụng trong buổi non sông nghiêng ngả.*

Như vậy là Phan Chu Trinh có khiếu về võ hơn về văn? Và ông thân

sinh làm Chuyển vận sứ là làm với Cần Vương hay làm với triều đình Huế lúc đó đã ở trong tay người Pháp? Chắc hẳn là với triều đình, vì 2 năm sau, Phan Văn Bình bị hại vì bị nghi kỵ, thì gia đình không bị liên đới, Phan Chu Trinh được người anh cả rước bầy về nhà dạy học văn — chứng tỏ còn giàu có. Bốn năm sau, được thụ nghiệp với một vị danh sĩ, Phan Chu Trinh được bổ vào ngạch học sinh, và hai năm sau đỗ Phó Bảng, rồi được bổ làm quan ngay tại triều đình, năm 1903.

Có thể nói một cách khá hợp lý rằng cho đến năm 1902, Phan Chu Trinh vẫn còn là một nho sinh công tử, thông minh nhưng hiền hậu và hiếu thảo, hoàn toàn vô tư trong cuộc sống đầy đủ, mà cả đến sự học (học văn hay học võ) cũng để cha, anh tùy quyền quyết định. Từ thời thơ ấu đến năm 30 tuổi, Phan Chu Trinh chưa nghĩ gì đến hoạt động chính trị.

Năm 31 thì đỗ Phó Bảng, Phan Chu Trinh được ra Huế làm quan. Chính ở Huế, cụ được đọc các danh tác tây phương phổ biến tư tưởng chống đối quân quyền tuyệt đối, để xây dựng chế độ cộng hòa. Đối với con người thông minh đã chín chắn trong trường đời ấy, các tác giả Rousseau, Montesquieu, Voltaire..., hẳn nhiên mở ra những chân trời mới lạ. Đọc một, nghĩ mười, Phan Chu Trinh sẽ tìm cách áp dụng tư tưởng cách mạng tư sản 1789 vào nước Việt. Phan Chu Trinh thân Pháp để chống triều đình Huế và hệ thống quan lại VN tham nhũng, thối nát.



Phan Bội Châu lớn trong cảnh nghèo nàn nên có nhiều định kiến. Không có dịp gặp bọn quan cai trị người Pháp, chắc hẳn cụ chỉ thấy cảnh tham nhũng mà oán hận, coi người Pháp như kẻ trực tiếp chịu trách nhiệm về tình trạng ấy. Như đã được trình bày, điều này không đúng hẳn. Chính quyền bảo hộ không cố ý dung túng bọn tham quan ô lại, nhưng sự tuyển dụng những người chịu theo làm việc với họ tất nhiên không quy tụ được những người có tài năng trong sạch. Bối bực ra làm quan, thông ngôn ra làm quan, không có lý gì để giữ mình. Cho nên chỉ cần vài bốn chục năm, cả cái hệ thống quan lại người Việt đã chịu ảnh hưởng của lớp người vô hạnh đầu tiên.

Người Pháp biết như thế nên hết sức khuyến khích dân chúng theo học các trường đào tạo chuyên viên, công chức. Tại Bắc Việt, trường Hậu Bô được thiết lập để huấn luyện các vị cử tú Hán học ra làm quan. Trường Thuộc đào tạo các y sĩ Đông-dương (médecin indochinois) cùng các nữ hộ sinh. (Thân mẫu tôi, vốn là con nhà giàu ở một vùng quê xa xôi thuộc tỉnh Thái-bình, vào học trường ấy trong khoảng 1910-1915, và cho biết các nữ sinh viên đều được ở nội trú, được đối xử ngang hàng với các sinh viên y khoa, được ăn uống sung sướng đến thừa thãi. Một phần nào trong số các nữ hộ sinh đầu tiên đã thành hôn chính thức với những bác sĩ hay quan cai trị người Pháp. Phần còn lại thì hầu hết đều kết duyên với các sinh viên

trường Hậu Bô. Tôi được thấy tận mắt, mỗi khi viên bác sĩ trường ty Y tế người Pháp về khám nhà hộ sinh do thân mẫu tôi cai quản (ở Bất-bạt, Ô-mễ) thân mẫu tôi thường tổ chức tiếp đón trân trọng nhưng hoàn toàn bình đẳng — ví dụ uống trà thì cùng ngồi, khi thân mẫu tôi theo xe hơi về tỉnh thì chính viên bác sĩ mở cửa xe mời bà ngồi ghế dưới, rồi chính ông ta thì lên ngồi cùng với tài xế — khác hẳn, về sau này, các ông bác sĩ HTB, VNA, không bao giờ quên tỏ mình là cấp trên; chào không trả lời, mảy tao với sản phụ, mời uống trà không đáp...)

Tóm lại, cá nhân người Pháp có học luôn luôn tỏ ra khéo léo, hòa nhã. Vấn đề là người ta có gặp hay không. Tôi tin rằng Phan Chu Trinh, đậu Phó Bảng năm 29 tuổi, đã có dịp để quen biết nhiều người Pháp vào hàng trí thức. Nếu nhớ rằng cứ mấy năm mới có một lần thi Hội, mà người đỗ cao nhất là đỗ Tiến sĩ, người ta sẽ hiểu là đậu được Phó Bảng cũng khó khăn lắm. Người Pháp tất nhiên tìm cách mua chuộc các quan tân khoa, không phải mua chuộc bằng tiền bạc, mà mua chuộc bằng cách đi lại giao du, rồi chỉ bảo cho cách học chữ Pháp, rồi cho mượn sách để đọc, để biết dân tộc Pháp văn minh và hùng mạnh như thế nào — 30 năm sau khi thất trận trước Đức quốc, nước Pháp, vào khoảng đầu thế kỷ 20, quả thật được coi như quốc gia cường thịnh mà văn minh (tiên bộ) nhất thế giới.

Nói như thế có nghĩa là Phan Chu Trinh đã bị mua chuộc bởi văn chương,

gư tưởng Pháp. Đối với con người chân phương mới vài năm trước còn chỉ thấy trước mắt có quan niệm tôn quân — vua rồi mới đến thầy học, rồi mới đến cha mẹ — tác phẩm của Rousseau, Voltaire, Montesquieu tất nhiên phải là những nguồn sáng rực rỡ soi chiếu vào tâm hồn ham hiểu biết, ưa suy tư như tâm hồn Phan Chu Trinh. *Bao nhiêu tội tình đối với quốc dân, trước mắt cụ Phan, đều khởi xuất từ chỗ độc quyền chủ chuyên chế.* Ai đã đọc các tác giả của nền triết lý cộng hòa dân chủ tại nước Pháp, vào thế kỷ thứ 18, đều có thể xác nhận tính chất xác thật, chắc chắn và sáng sủa của nền văn chương Pháp thời bấy giờ : trên thế giới không phải chỉ một mình Phan Chu Trinh tin tưởng say mê vào chế độ cộng hòa.

Trong tâm tư Phan Chu Trinh không có vấn đề oán hận người Pháp : trên thực tế, quả thật cụ mang ơn khai hoá đối với họ. Và chắc hẳn cụ còn đọc nhiều sách báo khác, về đời sống của dân chúng Pháp, về sự phát triển của khoa học và kỹ thuật, về các thứ quyền tự do được bảo đảm bởi hiến pháp; và nhất là về tinh thần trách nhiệm và đức tính liêm khiết của công chức, chính khách dưới chế độ dân chủ. Đến đây thì một phần nữa tội tình của vua quan triều đình Huế được chia cho dân chúng : dân chúng đối với nó là một nguyên cớ, một khuyến khích cho quan lại tham nhũng.

Trái hẳn với ý định của Phan Bội Châu, muốn dùng vũ lực đuổi bọn xâm lược đã đến bằng vũ lực, Phan Chu

Trinh hiểu rằng từ khi Ky-tô giáo đem vào đất nước Việt Nam một tín ngưỡng mới, cùng với một nếp sống mới, thì sự xua đuổi quân lực Pháp không còn có ý nghĩa đích thực của nó nữa. Hẳn nhiên cụ Phan đã thấy rằng người Pháp dù cho không còn ở Việt Nam nữa, thì các căn bệnh xã hội đã mắc phải sẽ còn nguyên, vì chế độ quân chủ tuyệt đối còn nguyên, và dân chúng vẫn còn tối tăm trong thất học như trước.

THƯ SO SÁNH...

Hình như suốt trong cuộc đời cụ Phan Chu Trinh chưa bao giờ thấu tóm tư tưởng của cụ vào một bản văn có tính chất của một tuyên ngôn. Nhưng dò theo những văn liệu do cụ để lại, chúng ta có thể tóm tắt công trình suy tư của cụ vào 2 điểm :

— Thứ nhất là dân phải học

— Thứ hai là vua phải thoái vị nhường quyền cho các đại biểu dân cử.

Đối với người Pháp, cụ có thái độ khá rõ rệt : tôi chấp nhận bảo hộ, vì tôi tin vào tinh thần quảng đại của dân tộc Pháp mà các tác giả phổ biến qua tác phẩm của họ, nhưng tôi chống lại chính sách sai lầm của các ông coi sinh mạng của dân chúng nước tôi như cỏ rác, đồng thời dung túng bọn tham quan ô lại, khiến cho chúng vợ vét cho đầy túi tham, gây nên cảnh lầm than bị đát cho dân.

Người Pháp ngược lại, đối xử với cụ thế nào ? Một tài liệu không

nhớ rõ cho tôi biết cụ Phan có vào hội Nhân quyền do một chiến sĩ xã hội, tên là Babut, cầm đầu chi hội ở Việt Nam. Người Pháp ở Việt Nam, như đã trình bày, có hai hạng, hạng thứ nhất thuộc giới chỉ huy có kiến thức rộng rãi và nếp sống cởi mở, còn hạng thứ hai chỉ là những phần tử nghèo hèn ở đất Pháp, bằng lòng đến nơi thuộc địa xa xôi để kiếm ăn.

Đối với bọn thứ nhất, in hệt đối với các nhà cầm quyền VNCH sau này, người ta có quyền rộng rãi được bày tỏ ý kiến, phê bình và chống đối, với điều kiện chỉ phê bình và chống đối chính sách chung chứ không nhắm riêng cá nhân nào. Phan Chu Trinh đã tỏ ra nắm vững tâm lý bọn cầm quyền, trong bức thư cụ gửi cho viên toàn quyền Pháp năm 1906. Bức thư là tài liệu chính thức, công khai. Còn ngoài ra, trong những buổi gặp gỡ riêng rất có thể có, cụ Phan có thể đã nói với họ: việc phải nói thì phải nói, nhưng tôi cũng biết các ông không thể đưa người cấp dưới từ Pháp sang đây mà choa được toàn những người khá giả. Và lại, dân có ngu dốt thì quan mới tham nhơng được, nên ngoài việc tranh đấu cho guồng máy cai trị được tốt lành, tôi cũng sẽ khuyến cáo đồng bào tôi phải học, để tiến bộ.

Lập trường của Phan Chu Trinh rất chính đáng. Người Pháp cũng không mong gì hơn là ở lại cai trị Việt Nam được yên ổn cho đến khi người VN đủ tài giỏi để đuổi họ về nước—thời gian này, theo sự tính toán thông thường

(không có những đột biến như chiến tranh), có thể kéo dài hai ba thế kỷ. Lúc đó, người Việt đã biến thành người Pháp.

Nhưng bọn người thiện cận không nghĩ như vậy. Không sợ gì tương lai mà chỉ nghĩ đến hiện tại, chúng sợ mất quyền lợi và sợ bị báo thù. Bọn người đó là ai? Trước hết là một số rất lớn đại thần trong triều đình Huế, còn sặc mùi phong kiến tôn quân, không chấp nhận rằng nhà vua có thể bị phê phán như người thường. Sau đến bọn quan lại ở địa phương, thường lợi dụng sự thiếu cảm thông vì ngôn ngữ khác biệt, giữa dân chúng và cấp chỉ huy người Pháp, để lộng hành tham nhũng. Chính bọn người đó can thiệp và đòi hỏi người Pháp phải hỏi tội Phan Chu Trinh.

Năm 1908 cụ Phan bị bắt nhân vụ đồng bào tỉnh Quảng-nam nổi lên chống thuế. Nhiều người hoặc chủ trương bạo động, hoặc không có đường lối rõ rệt, đủ cho người Pháp tín nhiệm, đều bị bọn quan lại Nam triều đem ra giết hại. Riêng cụ Phan, có lẽ với hảo ý của người Pháp, bị giữ tại tòa Khâm sứ. Có lẽ cụ không hiểu, hoặc trong ý chí của kẻ sĩ, không muốn bị hiểu lầm, nên tuyệt thực, gây khó khăn cho viên Khâm sứ. Trong khi đó, chắc hẳn triều đình Huế cố gắng đòi tội nhân Phan Chu Trinh và xét xử, theo luật lệ Nam triều, viện lẽ cụ Phan là công dân của triều đình. Kết quả là triều đình Huế được thỏa mãn, và, có lẽ thế, cụ Phan cũng sẵn sàng chờ xem người Việt xử người Việt thế nào.

Án tử hình làm rung động toàn quốc. Tòa Khâm sứ phải quyết liệt can thiệp mới đổi được án tử thành án lưu. Sự khéo léo của viên Khâm sứ là để nghị đưa tội nhân ra Côn-đảo, ngoài thẩm quyền của Nam triều. Bọn quan lại biết thế, nên thủ đoạn không kém, đưa bản án lên xin nhà vua bút phê «ngộ xá bất nguyên» có nghĩa là gặp dịp ân xá cũng không được về. Người Pháp muốn tỏ ra vẫn tôn trọng quyền hành của nhà vua mà vẫn tha được cụ Phan, đã bày ra một hội đồng phúc án Phan Chu Trinh do chính tổng trưởng bộ Thuộc địa thiết lập. Địa vị của viên tổng trưởng này trực tiếp ở trên các vua chúa bị bảo hộ, nên Nam triều không phản đối được.

Năm 1911, nói là Phan Chu Trinh tự ý đi Pháp, nhưng chắc hẳn cụ đã được phủ toàn quyền khuyến cáo sang Pháp để tranh đấu thẳng với chính phủ Ba-lê có thể ích lợi hơn ở trong nước gây gổ với Nam triều. Rõ rệt là chính phủ bảo hộ không muốn thấy cụ bị bắt một lần nữa. Phan Chu Trinh sang Pháp, nhận cho mình một số trợ cấp, cho con một học bổng, mà không mang mặc cảm bị mua chuộc chính vì trong lòng cụ, không bao giờ cụ có thể nghĩ mình lấy tiền của người Pháp để phục vụ họ: tiền của người Pháp cũng là tiền của người Việt. Người ta nhận rõ như vậy vì cụ Phan vừa lĩnh tiền của Pháp vừa chống Pháp. Trong thâm tâm con người ngay thẳng và đầy lý tưởng ấy, sự lĩnh tiền của Pháp là để giúp ích người Pháp, mà chống lại những hành động thất nhân tâm của chính phủ Pháp. Đến khi Pháp có chiến tranh với Đức, cụ từ

chối không gia nhập quân đội vì tư cách người Việt không cho cụ làm việc đó, không kể rằng lập trường chống đối chế độ thực dân của cụ không khác gì lập trường bất đề kháng, bất bạo động, của Gandhi — chống đối tất cả mọi thứ chiến tranh.

Chính phủ Pháp giam giữ cụ một thời gian. Sau đó, cụ tiếp tục đấu tranh với tư cách một chiến sĩ xã hội. Chúng ta sẽ không ngạc nhiên nếu một sự tìm kiếm kỹ lưỡng cho chúng ta thấy cụ Phan có thời kỳ đã nhập quốc tịch Pháp. Yếu tố nào cho phép người viết có ý nghĩ đó? — Đó là việc chính phủ Pháp «chấp thuận» cho cụ trở về Việt Nam lập chính đảng, mà lập chính đảng ngay ở Trung-kỳ, trước mặt triều đình Huế. Mặc dù 15 năm đã qua, vua quan VN đã đổi khác nhiều trong sự đối xử của người Pháp, phủ Khâm sứ cũng không có thể tự tiện cho phép một công dân của triều đình (cụ Phan người miền Trung) công khai lập chính đảng khi luật pháp Trung-kỳ tuyệt đối không cho phép.

Cụ Phan đau bệnh năm 1925 đến mất vào 1926. Cũng trong năm 1925, cụ Phan Bội Châu được ân xá và chấp nhận cuộc sống an trí bên bờ sông Hương, tuy còn sống thêm 15 năm cũng xem như đã quá vãng. Đấu tranh cực đoan hay ôn hòa cùng thất bại. Nguyên nhân rõ rệt là, vào thời kỳ ấy, và sau khi trải qua một cuộc so tài triết đề, cả hai nhân vật cùng xác nhận một sự thật là nước Việt Nam quá nhỏ yếu, không thể nào một mình chống đối và đuổi được người Pháp về nước.

KẾT QUẢ...

Bây giờ chúng ta thử làm một ví dụ : nếu Phan Bội Châu thành công, nếu Phan Chu Trinh thành công, thì sao ?

Sự thành công có 2 mức : thành công cá nhân, thành công toàn thể.

Gọi là thành công cá nhân, vào trường hợp Phan Chu Trinh, nếu cụ được chính đảng ở VN, vận động được chính phủ Pháp phế bỏ Nam triều để thực thi một chế độ liên hiệp, trong đó nước Việt Nam có nghị viện và thủ tướng cùng một số bộ trưởng giúp việc, với một phủ toàn quyền Pháp giám sát hoạt động và đặt ra chính sách cho chính phủ địa phương. Nước Việt Nam, về phương diện cai trị, sẽ có một chính quyền tương tự như chính quyền Úc hay Gia-nã-đại trong Liên-hiệp Anh hiện nay. Nhưng về phương diện nhân sinh và chính trị, người ta đã thấy trước một hệ thống quyền hành và một nếp sống kinh tế rối ren, thối nát không thể nào tưởng tượng được.

Còn nói về Phan Bội Châu, vào khoảng 1925-1935, nếu thành công bằng đấu tranh cực đoan, cụ sẽ bị đặt vào cái thế của Hồ Chí Minh hay Ngô Đình Diệm, sau này. Bị bắt buộc phải thi hành những biện pháp kỷ luật gắt gao để chống lại những mưu định quá trớn của giới chính khách không có mặt lúc gian nguy, nhưng có rất nhiều công trạng khi thắng lợi, nhà ái quốc sẽ nhanh chóng trở thành độc tài mà một âm mưu khéo léo hay nham hiểm có thể đánh đổ, thường

thường là có sự giúp đỡ của một ngoại quốc, và rồi ra, chính ngoại quốc đó sẽ dần dần thủ đắc hết mọi quyền lợi.

Điều người ta tiên đoán được là những cuộc đấu tranh bùng nổ quá sớm, mặc dù với tài năng nào, cũng không tránh được thất bại. Chính cụ Phan Chu Trinh, trong một lúc sáng suốt, đã nhận thấy điều đó, nên cụ thiết tha khuyến cáo đồng bào phải học, không phải là cái học khoa cử (để ra làm quan) mà là sự học văn năng về kinh nghiệm cách vật. Sự học nó làm cho con người ta thay đổi tâm hồn thay vì thay đổi nếp sống bề ngoài. Học không thuần túy trong sách vở mà ở ngoài cuộc đời, trong sự tôn trọng pháp luật và làm đầy đủ bổn phận của con người sống giữa cộng đồng. Người nước Anh, nước Pháp đã phải học trong nhiều thế kỷ dưới những chế độ khác biệt, nhưng với những chính quyền hoàn toàn độc lập. Công dân những nước ấy không có mặc cảm gì trong khi họ tôn kính các nhà lãnh đạo của họ, dù là vua chúa hay tổng thống, quốc trưởng. Người Việt Nam cũng có một quá khứ ngót 10 thế kỷ hoàn toàn độc lập về phương diện nội trị (chỉ bị cắt đứt bởi một thời kỳ Bắc thuộc ngắn ngủi) nhưng vua chúa VN theo đạo Phật, đạo Lão, đạo Khổng, không bao giờ khuyến khích dân chúng phát triển kinh tế, mở rộng các đô thị thành những trung tâm ăn chơi đàng điếm và tội lỗi ngập đầu người. Vua chúa và quan liêu VN không mong muốn gì hơn được thấy dân chúng sống cuộc đời thanh bạch và lành mạnh về tinh thần. Do đó mà người Việt không quen đóng góp,

không quen hội họp, nhất là không quen tuân theo kỷ luật của một cuộc sống đồng đức, phức tạp — Khi một cuộc sống như vậy tìm đến tận nơi thì người dân Việt phải học tập sự sống lại từ đầu. Mà học tập không biết bao nhiêu mâu thuẫn trong tâm tư, vì kỷ luật bấy giờ đã là kỷ luật của người Pháp, và tôn trọng quyền lợi của cộng đồng rõ ràng là tôn trọng quyền lợi của người Pháp. Cụ Phan Chu Trinh có thể nào khuyên đồng bào thời bấy giờ nên đóng thuế thân cho đủ để nhà nước có tiền tu bổ đường xá, mở trường học, xây nhà thương hay không? Cụ có thể nào khuyên dân chúng nên tôn kính viên công sứ người Pháp, viên tổng đốc người Việt, lấy có rằng tôn trọng người cần quyền chính là tôn trọng luật pháp hay không? — Tất nhiên là không rồi. Suốt gần một thế kỷ, trốn thuế và chống lại nhà cầm quyền có phần nào có tác dụng chống Pháp. Ít ra là đã có đến 3 thế hệ người Việt nếu không dám đường hoàng chống đối thì cũng tìm cách tiêu cực lảng tránh mọi nhiệm vụ công cộng. Người Pháp bảo phải giữ gìn đường xá cho sạch sẽ thì đêm đến xẻ rãnh qua đường để lấy nước vào ruộng. Năm tôi 16 tuổi, vùng quê ngoại tôi có dịch tả, bác sĩ Pháp đưa phái đoàn từ Hà-nội về chích ngừa, mà dân chúng bảo nhau bỏ gàng trốn đi ba ngày liền.

Trước tình thế ấy, 1 hay một nghìn Phan Chu Trinh cũng không làm gì được. Một hay một ngàn Phan Bội Châu cũng không làm gì được. Năm 1941, Hồ Chí Minh lập mặt trận Việt Minh, Võ Nguyên Giáp và Phùng Chí Kiên (sẽ từ trận

trong cuộc giáp chiến đầu tiên) lập bộ đội Giải phóng. Nhưng nếu Nhật-bản không thua trận năm 1945 thì họ Hồ, họ Võ, nếu không bị bắt cũng chết già trong chiến khu. Điều đó chứng minh rằng cuộc khởi nghĩa nào cũng phải dựa vào hoàn cảnh bên ngoài, nhất là khi chính quyền càng ngày càng tài giỏi, tinh vi trong thủ đoạn thủ tiêu đối lập.

Nói như thế không tỏ rằng mình hèn nhát, chủ bại. Hai nghìn năm trước, người có kiến thức đã biết rằng cố làm việc không thể làm được là bất trí, mà lời cuốn người khác theo mình là bất nhân. Đồng bào ta có nhiều người cho rằng biết việc không thể làm mà cứ làm, làm đến chết, là nêu gương sáng cho đời sau. Chúng ta ngày nay còn truyền tụng câu nói được gán cho Nguyễn Thái Học: "Không thành công thì thành nhân"... câu nói lơ mơ, tối nghĩa, vì trong sử sách không thấy ở đâu có chữ "nhân" được giải thích bởi mấy chục án tử hình mấy trăm án đầy đi Cờn-lôn, Lao-bảo — Nguyễn Thái Học chỉ có thể nói "Không thành công cũng nêu gương yêu nước cho đời sau."

Yêu nước! Thật ra là quy phục giới lãnh đạo. Thời thế nào cũng có những người nắm được binh quyền rồi tự thấy mình nhập với quốc gia là một. Từ một ông vua ở Pháp đến đồng chí tổng bí thư ngoài Hà-nội, họ đều nói với chúng ta rằng chống đối họ là "hàng ta phản quốc. Chúng ta không cãi trực vì chưa đến lúc cãi được — cãi sớm thì hại cho chúng ta, mà đến khi chúng

ta cần được thì quá muộn cho họ. Đó là một thứ nghiệp dĩ cho họ, một thứ nghiệp chướng cho toàn dân.

Phan Chu Trinh chết sớm thì hận mình không sống để làm theo lẽ phải, Phan Bội Châu kéo dài 15 năm đau thương vì lẽ phải bị xụp đổ ngang

đường... Chỉ có nhân dân một nước là cố đủ kiên trì, sáng suốt để chờ đợi. Sự chờ đợi mỗi mòn làm tiêu hao nghị lực, nhưng có nhiều người biết sự thành công phải trả bằng giá ấy.

NGUYỄN MẠNH-CÔNG



GIAO DIỆM

trang trọng giới thiệu :

SA ĐOẠ

truyện kể ALBERT CAMUS

TRẦN THIÊN-ĐẠO phiên dịch và chú giải

VŨ TRỤ THƠ

tiểu luận nhận định ĐẶNG TIẾN

Tổng phát hành : ĐỜI MỚI

số 278 — 280 đường Vĩnh Viễn

Sài Gòn - 10

VŨ HẠNH

Tưởng niệm cụ Phan Tây-Hồ

*Trích bài thuyết trình đọc
trong dịp lễ tưởng niệm cụ Phan
Chu Trinh do sinh viên Quảng Đà
tổ chức vào tháng 3/72.*

...Dân tộc chúng ta đã có vô vàn những người yêu nước lỗi lạc, những kẻ bất khuất kiên cường, nhưng cụ Tây-Hồ không giống với ai trong các bậc đó. Nơi cụ, đặc tính yêu nước của giống nòi Việt đã được thông qua bản sắc địa phương đậm nhất của một miền đất nổi tiếng là ưa tranh cãi, biện luận, của một khí hậu thích hợp với sự đấu tranh gay gắt và sự khẳng khái liêm lĩnh.

◡ Ngoài cái tính thần bất khuất, khí tiết hào hùng đã được người đời thần phục, cụ còn là tấm gương sáng của những tình cảm phân minh. Dầu cụ có những ngộ nhận về cái bản chất xám lược của thực dân Pháp, do cái quan điểm cảm tính của một sĩ phu đã bị hào quang dân chủ của cuộc cách mạng 1789 che mờ, do cái tầng lớp xã hội của gia đình cụ chi phối, do cái thực tế đấu tranh ở tại miền Trung bấy

giờ ảnh hưởng, nhưng trước như sau, nhiệt tình yêu nước thương nòi của cụ vẫn luôn thấm thiết nồng nàn. Thương vợ, nhưng xa gia đình trong biết bao năm cụ không lấy thế làm buồn. Thương con, nhưng nghe con chết, cụ không hề lộ chút lòng đau đớn. Cần Vương đã giết thân sinh của cụ, nhưng cụ không hề oán hận Cần Vương. Cụ không bao giờ vì những tình riêng mà quên nghĩa cả của dân tộc mình.

Ngày cụ phải chịu lưu đày ngoài đảo Côn-Lôn, nghe tin cụ Huỳnh Thúc Kháng và một số bạn bị đưa ra đây, cụ đã tìm cách gửi thư thăm hỏi. Mở đầu bức thư, cụ đã viết rằng: «*Thoạt nghe tin anh em ra đây, đậm chân than trời một tiếng*». Nhưng cụ đã viết tiếp liền sau đó: «*Đoạn tự nghĩ rằng anh em vì quốc dân mà hi sinh đến phải ra đây chắc là có trăm điều vui mà không có chút gì buồn*.» Và cụ còn nhấn mạnh

thêm : « Đây là một trường học thiên nhiên, mùi cây đung trong ấy, làm trai giữa thế kỷ hai mươi này không thể không nếm cho biết. » Ngày nào, mang những xích xiềng rộn ràng, cụ đã ngâm câu « Nam nhi hà sự phạ Côn Lôn ? (Làm trai việc gì phải sợ Côn Lôn ?) cũng là trong ý tình ấy.

Ý tình bất khuất và kiên cường, cao cả và phân minh đã khiến các bậc chí sĩ của ta có niềm lạc quan hào hùng kỳ lạ trước mọi gian nguy. Sau này, ở đảo, khi cụ có dịp gặp mặt cụ Huỳnh Thúc Kháng, cả hai nhìn nhau không nói một lời rồi cùng bật lên tiếng cười. Lúc đó cụ Huỳnh mới 33 tuổi mà tóc bạc nửa mái đầu, cụ Phan khoảng 36 tuổi mà rung hết hai răng cửa. Ghi lại cuộc hội ngộ này, cụ Huỳnh đã viết :

*Ngã phát thương thương,
quân xỉ lạc*

*Tương phùng nhất tiếu,
lưỡng vô ngôn*

và cụ lại dịch ra Nôm :

*Tóc tôi bạc phơ, răng bác
rung*

*Gặp nhau không nói, ngó nhau
cười*

Những giá trị tinh thần ấy, nơi cụ Phan, đã được nhiều người coi như là các bài học quý báu mà các thế hệ đều sau cần phải

tiếp nhận để duy trì cái truyền thống tốt đẹp của giống nòi ta. Cuộc đời của cụ, khá phong phú ấy, còn là một bài học hết sức thích hợp cho sự sinh hoạt văn hóa ngày nay mà qua nhiều dịp tưởng niệm ít nghe người ta nhắc đến, đó là vấn đề căn bản trong sự tiếp thu văn hóa nước ngoài.

Ngày nay ai cũng thấy rõ tiếp thu văn hóa nước ngoài là một sự trang nghiêm, một điều cần thiết, vì không một quốc gia nào, một xã hội nào có thể sống đời biệt lập của các cô đảo. Nhưng tiếp thu như thế nào, đó là một bài toán chính đã được đặt thành vấn đề từ lâu, trước sự nhệch căng bừa bãi bao nhiêu sản phẩm sa đọa của những văn hóa nước ngoài. Câu trả lời đến trước hết, vừa là sau cùng, cho vấn đề ấy lâu nay là sự tiếp thu như thế phải được thực hiện theo một tinh thần phê phán, chọn lựa, chứ không thể nào là một đón tiếp « tư do » và chờ đào thải theo sự tuyển trạch tự nhiên.

Nhưng phê phán và chọn lựa trên căn bản nào ? Cuộc đời cụ Phan Tây Hồ đã có ý nghĩa một lời giải đáp thật là cụ thể ?

Kể ra không ai nghĩ lại mà không ngạc nhiên về cụ, một bậc thâm nho khoa bảng lòng danh thế mà suốt đời không ngừng hô hào quốc dân duy tân triệt để theo với tinh thần sinh hoạt Tây

phương. Không ai tìm thấy một bức ảnh nào của cụ ăn vận khăn đen áo dài, kẻ cả di ảnh trong các đền thờ. Và cũng không ai tìm thấy một nhà nho nào như cụ, đã dám công khai lên án cả vua, ngang nhiên có những ý tưởng phóng khoáng rất là hợp lẽ, hợp tình. Cụ Phan Chu Trinh nhà nho đã kịp học nghề rửa ảnh và vẽ truyền thần đề mà tự túc, và không ngần ngại lượm một rau cải ngoài chợ về ăn để khỏi xu phụ kẻ thù, đã hăm hở tiếp nhận lấy tư tưởng dân chủ, nhân quyền Tây phương, không phải là vì a dua theo một thời thượng, không phải đã bị thực dân và lớp tay sai mua chuộc bằng một giá nào. Chính cụ đã học những tư tưởng ấy đề mà chống lại kẻ thù và lớp tay sai giữa những cơn mất mát đương thời chưa ra khỏi vòng ỉu vệ chật hẹp có lẽ còn phê phán thật aghiêm khắc tất cả những kẻ ưa mới và đòi đòi mới.

Nhưng vào cái thời mà cụ đang sống, cụ không tìm được những giá trị nào khác hơn, cao hơn và bổ ích hơn cho dân tộc mình là những tư tưởng dân chủ nhân quyền như thế. Thời ấy ở trong sách vở Tây phương cũng không thiếu những tư tưởng bảo hoàng, chủ nghĩa hư vô cùng một trăm loại lằng mạn và siêu thực khác, thế mà cụ Phan chỉ biết

tha thiết với những tư tưởng dân chủ, say mê với những kêu đòi dân quyền và loại ra ngoài bao nhiêu sách vở phù phiếm, sa đọa là vì cụ đã tìm kiếm món ăn thực sự cho cái nhu cầu cấp thiết của dân tộc mình. Chẳng phải là cụ chỉ đọc được các sách vở Tây phương loại ấy qua các bản dịch của Lương Khải Siêu, của Khuyển Dưỡng Nghị, mà trên mười năm sống ở nước Pháp cụ cũng hăm hở tiếp nhận chỉ riêng có bấy nhiêu thôi, và cũng chỉ mang về nước cho đồng bào mình có bấy nhiêu thôi.

Bây giờ người ta có thể dễ dàng nhận thấy chủ trương đề huề với bọn thực dân mà cụ có lần đề xướng là không thích hợp nhưng không ai phủ nhận được giá trị của những nỗ lực mà cụ đem ra phổ biến tư tưởng dân chủ nhân quyền trong lúc bấy giờ. Văn hóa nước ngoài mà cụ tiếp thu rõ ràng là có chọn lọc, và chọn lọc ấy đã được thực hiện trên cái căn bản là lòng yêu nước nồng nàn.

Chỉ trên cái căn bản ấy, cụ Phan mới thôi được luồng gió mới phấn khởi vào trong sinh hoạt xã hội bấy giờ. Không dựa trên lòng yêu nước chân thành, mọi sự tiếp thu văn hóa nước ngoài là một việc làm phiêu lưu hoặc chỉ là sự phá hoại thâm độc.

Chính vì lẽ đó, ta sẽ hiểu được vì sao có một số người tiếp nhận dễ dàng, bừa bãi mọi thứ biểu hiện văn hóa ngoại lai mà không có một phê phán tối thiểu. Thái độ tiếp nhận như thế có nghĩa như một qui phục, như một phủ nhận tinh thần dân tộc. Đã có cái thời hầu như cái gì cuồng loạn bao nhiêu, nồn mửa bao nhiêu, phi lý bao nhiêu, miễn là ăn khách ở nơi ngoại địa, đều

được cho nhập cảng với nhiệt tình kỳ lạ. Nhưng đó là cái nhiệt tình của kẻ từ lâu đã bán linh hồn cho quỷ và mọi danh từ đồng bào, dân tộc, không có một âm vang nào, một rung động nào ở nơi tâm hồn của họ. Nơi tâm hồn đó, chỉ có bản năng cùng với tiền bạc mới gây được những kích động mà thôi.

VŨ HẠNH

Các bạn yêu văn nghệ ở Tuy-hòa, xin mời đến :

Quán báo **ĐỒNG DAO**

284, Trần Hưng Đạo, Tuy-Hòa

- Phát hành đầy đủ các loại báo xuất bản tại V.N.
- Đại diện nhiều nhật báo, tuần báo, tạp chí thủ đô.
- Được chăm sóc bởi : Hoàng Đình Huy Quan, Trần Hiền Ân, Phạm Ngọc Lư, Phạm Cao Hoàng, Nhã Nam, Khánh Linh, Phan Long Côn.

NGUYỄN VĂN XUÂN

NGÔ ĐÌNH DIỆM, ông là ai ?

Lời mở đầu

GẦN đây tôi thấy có nhiều sách viết về ông Ngô Đình Diệm. Tôi nghĩ là điều ấy rất đúng. Vì đối với một nhân vật như ông, đã từng gây sóng gió trên chính trường Việt Nam, đã có liên quan chặt chẽ tới những biến cố lớn đánh liền với vận mạng dân tộc thì không thể nào không biết rõ thân thế, sự nghiệp, công tội của ông phân minh, đích xác. Biết ông, không chỉ vì ông, mà chính còn vì lịch sử : những ưu điểm của ông sẽ được khai thác, những nhược điểm, khuyết điểm của ông sẽ là những bài học lớn không chỉ cho một thế hệ mà cho nhiều thế hệ kế tiếp. Vì tôi nghĩ là dân tộc Việt Nam tuy đã biết, đã trải nhiều biến cố lớn lao, nhưng chưa có biến cố kinh thiên động địa nào bằng thời kỳ đại chiến thế giới thứ Hai cho tới nay : máu Việt Nam chưa bao giờ đổ nhiều đến thế ! Anh hùng tính của Việt Nam cũng chưa bao giờ phát triển đến thế ! Thì đương nhiên những cái đúng, cái sai, cái chánh, cái tà cũng chưa bao giờ phong phú đến thế để đặt thành các vấn đề trọng đại cho việc cứu nước và dựng nước.

Sách viết về ông Ngô Đình Diệm là cần. Và những người đã viết về ông đều có thâm quyền. Vì họ đã cộng tác với ông lâu năm như công chức cao cấp, hay gia nhân. Nếu đọc kỹ, ta sẽ thấy những sách này đều mới giải quyết được một phương diện : nhìn, nghe, suy tư về các hoạt động của ông Ngô Đình Diệm trong phạm vi nào đó của một người thân cận. Có tác giả đã cố gắng khách quan. Có tác giả đã không giấu là mình chủ quan.

Nói chung, chắc hẳn họ đều đã góp phần tích cực trong việc tìm hiểu về ông Ngô Đình Diệm trong các quá trình hoạt động ở cương vị Thủ tướng rồi Tổng thống. Một điều đáng lấy làm lạ còn phải nói thêm về các tác phẩm này : không kể những tác giả có kiến thức, có học vấn cầm bút đã dành mà lại có kẻ chưa bao giờ cầm bút và cũng sẽ không bao giờ cầm bút nếu không vì cảm tình riêng với người quá cố ; bởi thế, nhiều đoạn văn, bất thành cú, lặp đi, lặp lại bừa bãi. Và đáng thương thay : mới buông bút xuống đã bị sát hại ngay như đề cùng chủ cũ sang bên kia thế giới cho trọn đạo trung thần (vì chính tác giả ấy cũng có quan niệm thần tử hiếu trung cổ kính như chính ông Ngô Đình Diệm và tác giả nhắc lại mãi trong nhật ký của mình).

Nhưng tôi nghĩ đó chỉ là phần thứ nhất để tìm hiểu nhân vật lịch sử ấy trong một số khía cạnh. Trong tương lai, các sử gia sẽ vượt lên trên tình cảm riêng để viết một bộ sử đầy đủ — toàn diện — về ông Ngô Đình Diệm, sẽ khách quan nhận xét phê phán các chủ trương chính sách, đường lối và tác dụng của những hoạt động của ông, và triều đại ông đối với quốc gia cũng như quốc tế. Những bài học lớn lao ấy, như tôi đã nói, sẽ có ảnh hưởng rất rộng lớn cho các thế hệ kế tiếp.

Vì nghĩ như thế nên tôi thấy phải tiếp tay dọn đường cho nhà viết sử tương lai. Tôi nghĩ là một người làm chính trị không phải bỗng dưng mà

hoạt động theo cao hứng riêng của mình. Tất cả hành vi, chủ trương của họ đều có nguồn gốc và thường có tính cách liên tục như chính lịch sử. Nếu ngày nay, ta đột nhiên thấy ông Ngô Đình Diệm bắt tay với Ho Chi Minh đang giàu mạnh, có cường binh, có lý tưởng làm «cảnh sát quốc tế» rồi ta yên trí đó chỉ là ngẫu nhiên lịch sử thì cao ta lầm. Dở lại trong sử của đời Ngô Đình Diệm, ta thấy là ông đã từng có chủ trương ấy trước 1945 : Ông cũng đã từng bắt tay Cường Để để thực hiện giấc mộng Độc lập trong toàn bộ chính sách Đại Đông Á với một nước « đại Nippon hùng mạnh ». Và nếu Nhật bản không đầu hàng vô điều kiện, việc gì đã xảy ra ? Rồi sau 1945, ông lại làm sang Hương-cảng để mưu toan trả giá với Pháp, mà lại bất thành...

Nhưng nếu muốn viết bộ sử toàn diện về ông Ngô Đình Diệm thì tôi chỉ cần các sử gia sẽ hết sức bối rối. Vì tài liệu sử cũng như tài liệu riêng kể cả « Ngục cung bí sử » nay tìm thấy dễ dàng ở quốc nội và quốc ngoại. Chứ phần tài liệu về đời ông và các hoạt động của ông từ 1932 — 1945 rất khó kiếm nếu không muốn nói là không thể kiếm được. Vì ông không có hoạt động công khai nào, ngoại trừ việc từ chức Thượng thư bộ Lại, để cho báo chí lấy tin. Ông cũng không hề ở tù trước 1945, dù ông làm « cách mạng » để dọn lại hồ sơ tòa Liêm phóng. (Cũng có thể tòa Liêm phóng Huế, Hội-an có ghi hoạt động của ông, nhưng chắc rất ít và nay đã mất. Ông cũng lại không có một nhật ký

nào lưu truyền cả. Trong khi đó, lịch sử không thể phủ nhận sự hiện diện của ông, nhất là một bộ sử quan trọng đề cập tới ông và triều đại ông.

Tôi cố gắng lục lạo trong các báo chí cũ, sách vở, các tạp ký, các giai thoại của những người đã từng tiếp xúc với ông. Nhưng phần lớn tôi vận dụng hai lối phỏng vấn ký và hồi ký.

Tôi đã dùng hồi ký để nhớ lại và ghi lại bối cảnh xã hội thời ông ; tôi cố tìm cách, trực tiếp hay gián tiếp, so sánh tư tưởng, hoạt động của các lực lượng khác đối lập ông hoặc có liên quan với ông để thấy ông có thích hợp thời đại hay không. Tôi cũng lại dùng lối phỏng vấn ký, —và dùng nhiều— để tìm hiểu ông kỹ lưỡng hơn. Tôi đã gặp nhiều người, từ những hạng trí thức, chức sắc tôn giáo, chính khách, cho tới những người bầu hạ ông, gia đình ông. Tôi nhìn nhận là đôi khi họ chủ quan, song tôi không ngần ngại ghi chép cả tài liệu theo chủ quan tính của họ để thấy chung dư luận đối với ông trong quá khứ. Vì thế trong tập này, ta có thể lướt qua những tờ chức đảng phái, tôn giáo, những nhân vật chính trị mà ta cũng có thể thấy khái quát về cuộc đời ông Diệm, việc học hành thi cử, từ quan, trồng hoa, làm chính trị và cả duyên phận, ái tình... Nhiều người đã quá thần thánh hóa hoặc công kích kịch liệt ông Ngô Đình Diệm sẽ ưa thích phần này, phản đối phần kia. Nhưng tôi xin nói rõ : tôi chỉ góp những tài liệu mà tôi đã nghe, đã thấy, dù đôi khi có bình phẩm theo quan điểm của tôi, nhưng tôi không bịa đặt

chứng liệu nào. Đối với ông Ngô Đình Diệm, tôi nghĩ chung quy ông chỉ là một con người như tất cả mọi người và ông còn hơn rất nhiều người ở thời kỳ 1932-1945. Ông đã có hai cử chỉ tuyệt đẹp mà nhiều kẻ phải khen ngợi : từ chức Thượng thư và không chịu đứng ra lập nội các với Nhật. Nhưng đó chỉ là lời khen dành cho một con người thức thời Còn nếu dành cho một chính trị gia đúng nghĩa của nó thì tôi chưa kịp nghĩ tới.



Trong tập này tôi nhiều lần nhắc tới người trong gia đình ông Diệm. Điều đó chẳng có gì lạ. Vì người trong gia đình ông bao giờ cũng gần bó chặt chẽ với ông : thời 1932-1945 thì ông Ngô Đình Khôi và Ngô Đình Huân ; thời 1945 - 1963 thì tất cả những người còn lại. Ngô Đình Thục, Đình Nhu, Đình Cẩn, Đình Luyện. Trong *Những ngày chưa quên* (1) của Đoàn Thêm, tôi thấy tác giả có nhắc câu nói của Ngô Đình Nhu : *“ Chúng ta thuộc về một gia đình mà số phận gắn liền với vận mạng quốc gia. ”* (Nous appartenons à une famille dont le sort est lié à celui de l'état) Câu nói đó nhiều người còn cho là đúng khẩu khí kiêu ngạo của tất cả nhân vật thuộc gia đình hiền hách này. Nhưng tôi cho nó còn bao hàm nghĩa *định mệnh* (le sort) hiểu theo nghĩa ngẫu nhiên. Vì

(1) *Ký sự. Quyền I (1939-1945), Nam Chi Tùng Thư, 1967 ; Quyền 2 (1954-1963), Phạm Quang Khai, 1969.*

như ta đã thấy : cùng cuộc chinh biến 1963, cả anh em ông Diệm, Nhu, Cần đều chết thảm dưới mũi súng, ông Ngô Đình Thục phải bỏn ba hải ngoại ; thì chính biến trước đó, 1945, ông Ngô Đình Khôi và cả người con trai duy nhất của ông, cũng ngã gục dưới những viên đạn ở một xóm núi rừng âm trong tay xác

Phạm Quỳnh, kẻ thù không đội trời chung !

Lịch sử đời ông Ngô Đình Diệm phải chăng cũng chính là lịch sử của cơn cờ chính trị cao giá nhất trong tay các lực lượng đế quốc trong một giai đoạn lịch sử Việt Nam vừa hùng tráng mà cũng vừa bi thảm ?

NGUYỄN VĂN XUÂN

CHƯƠNG I

NHU MỘT BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Hồi ấy, tôi lên mười hay mười một tuổi. Một đêm kia, tôi nghe trong làng phát lên những tiếng mõ giục đi canh rất gắt. Mõ ở điểm canh, ở đầu làng, ở cuối làng, ở xóm xa xôi hẻo lánh. Văng vẳng còn tiếng mõ ở các làng bên cạnh đáp lại tạo nên một sự lo lắng, sợ hãi rất ít khi thấy ở các vùng quê yên tĩnh. Tôi lại thấy Lý trưởng, Hương kiềm đi sục sạo khắp làng, khắp xóm, bắt tất cả trai tráng ra điểm canh rồi từ đó dẫn họ đi từng tốp năm, bảy người trải dài trên con đường cái, nay là quốc lộ I. Mỗi người đi canh đều có vũ khí thô sơ, thường là gậy gộc hay dây dừa, dùng để bắt trói hơn là chém giết. Các dân canh ngồi chặn khắp mặt đường, những mối giao thông với thôn xóm, làng mạc khác. Ngồi chặn họ đi vắn vớ hay nằm dài ra đường. Một hôm, viên chánh tổng sở tại đi ngựa qua, thấy dân nằm, liền vừa đi, vừa dùng roi ngựa, tới đâu quất sả trên đầu dân tới đó. Độ ấy

không chỉ Chánh tổng mà cả Tri phủ sở tại cũng bắt kéo xe đi tuần tuần luôn.

Một hôm, tôi đi học, qua điểm canh trong làng, thấy dân những tờ giấy vẽ hình những đờn nhện lớn với những người vướng mắc kèm theo những câu giải giải khó hiểu. Lại có những bức tranh vẽ cảnh dân đang kéo các sợi dây thép trên trụ đỡ xuống, dân cướp trống làng ra bộ hung hăng dữ tợn. Tôi hỏi người lớn, anh ta "suyt" ra về sợ hãi. Tôi hỏi một người khác thì anh cũng hiểu rất lơ mơ :

— Đó là cộng sản.

— Họ làm chi vậy ?

— Họ giật dây thép, cướp trống làng, biểu tình.

— Biểu tình làm chi ?

— Ai mà biết được

— Họ ở đâu ?

— Nghe nói trong Quảng-ngãi, ngoài Nghệ, Tỉnh rộn lắm.

Thời ấy mà nghe một tiếng «rộn» với cặp mắt lão liên là cả một biển cổ.

Kèm theo các hình vẽ trên còn có một bài hịch chống Cộng mà sau này tôi được nghe nói là của ông Nguyễn Bá Trắc (2), một cây bút tiếng tăm giữ mực «Hán văn» của tạp chí *Nam Phong*, lúc ấy là Tuần vũ Quảng-ngãi, thay cho ông Ngô Đình Khôi, mới về Tổng đốc Quảng-nam. Bài hịch hơi dài, có những đoạn giảng giải các hình trên những bức tranh mới mô tả trên kia. Đây là một đoạn mĩa mai những hoạt động của Cộng sản :

*Dứt giây thép, cướp trống làng,
Cây cao đồn ngã chặn đường xe đi
Vậy mà cũng gọi bình uy,
Vậy mà cũng gọi chỉ huy nực cười.*

Và đây là đoạn khuyên dân chúng Quảng-ngãi :

*.
Bình Định tỉnh trung thành từ thuở
Hạt Bồng Sơn nức nở tiếng khen.
Sao không giữ thể làm ăn ?*

Tuy canh gác nghiêm mật mà không hiểu sao thỉnh thoảng trong tỉnh (Quảng-nam) vẫn nổi lên một cuộc biểu tình nho nhỏ. Lại nhất là chính khu vực tôi ở, dân năm căn hết các trục giao thông, đầy khắp các nẻo đường mà cũng cứ có truyền đơn rải, có cờ đỏ búa liềm treo trên dây thép, trên cây, trước mắt đám dân canh như một phép lạ.

Về sau, mới biết, chính dân canh có người theo cộng sản đã rải truyền đơn. Còn những lá cờ là do anh cả L..., một tay thiện xạ đã dùng ná cao su bắn lên dây thép trong khi đi canh. Những người này về sau đều bị bắt cả.

○

Mấy hôm sau một việc xảy ra trong gia đình tôi khiến tôi nhớ mãi. Nguyên cha tôi mất sớm nên mẹ tôi phải nhờ vả các cậu tôi. Một người cậu tôi, gọi là cậu Năm ở Phú-yên làm ăn giàu có. Cậu tôi lúc trẻ ăn chơi, cờ bạc sạch túi rồi phải trốn nhà đi vong. Thời đó đi vong có nghĩa là từ bỏ vĩnh viễn xóm làng «xương trắng quê người quân đầu!». Qua bao phen lận đận, cậu làm ăn hơi khấm khá thì một trận sóng ngựa ở biển quét sạch gia sản cửa nhà. Cậu có gởi thư về xin tiền cha mẹ tôi, có hai câu :

*Người đi trước, nước đi sau,
Nước chảy một chấp thì mau hơn
người.*

Cha mẹ tôi có gởi cho ba đồng. Cậu tôi lo lắng, tu tỉnh làm ăn. Nhờ là dân tứ chiếng coi dư luận không bằng cái lá mít nên tôi đoán cậu tôi đã làm giàu được bằng những phương tiện mà người học thức ít ham thích. Khi tôi được hân hạnh vào sông Cầu thăm thì thấy cậu đã có nhà cửa khang trang, người làm tấp nập: cậu tôi thầu cơm tù, cơm nhà thương. Tôi còn nghe cậu tôi có những dự định

(2) Mười lăm năm sau, chính ông bị bắt ở Quảng-nam rồi đưa lại vào Quảng-ngãi, chết ở tỉnh này.

đầu thâu những thứ kỳ quặc, hoặc kinh doanh những việc khác không cần đến dư luận. Ở những xã hội đang phát triển theo đường lối tự bản, hạng này thường là hạng tiền phong và không ai ngạc nhiên thấy họ mới từ tay trắng, qua một thời gian đã trở thành triệu phú, tỉ phú với đủ huy chương cứu nước.

Một hôm tôi nghe cậu bảo :

— Tôi sẽ vô đạo (công giáo)

Mẹ tôi ngạc nhiên hỏi thì cậu tôi trả lời giản dị :

— Không vô đạo thì mua lúa, mua đất khó lắm. Phải nhờ cái thế các cổ (linh mục Pháp) thì mới tranh mua giá rẻ với thiên hạ được.

— Tại sao các cổ có quyền.

— Trời, cổ mà không có quyền còn ai mới có quyền ? Đến ông Sứ (Công sứ Pháp) còn sợ cổ nữa là.

— Nhưng mua lúa làm chi cho nhiều ?

— Hay chưa ! Thầu cơm tù, cơm nhà thương thì có bao nhiêu lúa gạo mà gọi là đủ !

Thế rồi cậu Năm tôi «trở lại đạo» thật. Em cậu tôi, cậu Sáu giận anh lắm. Cứ đúng ngày thứ sáu là mua thịt, nướng thơm phức cho chúng tôi ăn (3). Dĩ nhiên chúng tôi không phải đưa nào cũng chê. Cậu Năm biết, nhưng làm ngơ, vì với cậu, ăn thịt hay không ăn thịt cũng thế và cậu cũng chả màng lên thiên đường hay xuống địa ngục. Nhưng mẹ tôi thì khác. Tuy mới vô đạo mà mẹ thành tín lắm. Một điều khiến tôi

thường tự hỏi : tại sao một người mảnh mai, thanh cảnh như mẹ tôi mà có thể là vợ cậu tôi lúc hàn vi, lúc sống chật vật ở thôn quê, rồi trải qua cuộc đời cơ cực ở thành thị ? Cậu tôi thì thật thô hiên đủ mặt. Tôi đoán cậu chỉ cao một thước tư, lại thừa bề ngang và bộ đi như chiếc tàu bị mắc cạn. Trái hẳn với mẹ. Chỉ cần sống trong cảnh sung túc mười năm, mẹ đã lau chùi hết những vết chai sạn để gia nhập thế giới khuê các tinh tế ; chỉ cần vào đạo một năm, mẹ đã có nước da, cặp mắt của một kẻ đạo giòng...

Sau thời kỳ tiếp xúc thường xuyên với mẹ tôi, cậu này ra một ý định kinh doanh mới vừa kiếm ra tiền, vừa thực tế giúp mẹ tôi. Cậu mua ba cỗ xe ô tô, hai lớn một nhỏ, để chạy khách từ sông Cầu về quê tôi và ngược lại. Hai xe lớn thay đổi nhau : xe này vào thì xe kia ra ; chiếc xe nhỏ vừa chở khách, vừa chạy kiểm soát hai xe kia. Cậu tôi nhờ một người anh họ tôi, anh Ba Nhơn, gọi anh Ba, làm tài xế. Thời kỳ này là thời kỳ tôi thấy các lũ em tôi—con các cậu tôi—ăn nhậu, hút toàn Mélite, Job đỏ. Tôi nhớ lại không gì vui bằng và lạ mắt bằng sống trong một gia đình có mấy móc với những sự bận rộn mới mẻ, khác hẳn lẽ lối tri tri ở xóm làng.

Nhưng ngày kia, dùng một cái, các xe đều ngừng lại. Người con trai lớn của cậu tôi, Hai N., bị bắt. Đoàn xe phải lần lần giải tán. Anh Ba Nhơn chạy

(3) Về sau chính cậu Sáu...cũng trở lại đạo

thực mạng từ Sông Cầu về và chỉ mấy ngày sau, anh đòi nghề tài xế, xin đầu đó một chân tuần cảnh để nhờ một vị quan trên nào đó che chở. Mẹ tôi dẫn tôi vào Sông Cầu thăm cậu tôi. Trước khi gặp N., tôi tưởng chú ấy phải khổ sở điều đứng trăm phần vì tra tấn; tôi nghe người ta nói ai làm cộng sản thì phải chịu đủ thứ cực hình. Nhưng khi tôi gặp chú — không mấy khó khăn — thì thấy chú ấy ở phía ngoài một ngôi nhà khang trang, nằm trên một chiếc võng cột dưới hai gốc cây tỏa bóng mát, đọc sách. Thật ra tuy cậu tôi không có uy quyền gì, nhưng là người thầu cơm tù giàu có, thuộc hạng tai mắt, có đủ khả năng và thủ đoạn *chạy* nên N. mới được thành thời như thế. N. vẫn to lớn, mập mập. N. vốn thông minh, linh hoạt khác xa cậu tôi, tưởng như sinh ra từ một gia đình có học thức, và N. cũng nhiều lần tỏ cho tôi thấy là không tầm thường như đa số người không có may mắn học không tới nơi, tới chốn khác.

Khi mẹ tôi, hỏi về tình trạng của N. thì cậu tôi rất lạc quan :

— Ô, lo chi ! Thăng đó mà cộng

sản nổi gì ! Tụi nó khai lão. Đờ ít bữ, tụi chạy lên tỉnh, xuống tòa là xong tuốt.

Tôi biết cậu tôi không nói chơi. Môn chạy là ngón sở trường của cậu mà ! Trong khi cậu Năm một mực bảo là con mình oan thì cậu Sáu tôi tuyên bố om sòm với mẹ tôi :

— Oan gì mà oan ! Nó là chúa trùm. Ảnh giao cho nó chiếc xe nhỏ đi chở khách và kiểm soát thì nó dùng xe đi liên lạc, diễn thuyết. Khắp vùng Vạn Giã, Quán Cau, nó diễn thuyết luôn, ai còn lẹ gì mặt nó.

Tôi chưa hiểu những vần khúc của việc này. Nhưng tôi bắt đầu nghĩ là từ nay cuộc đời không còn giản dị dễ hiểu. Những chữ « Cộng sản », « búa liềm » không còn ở ngoài điểm canh với những tiếng mõ, tiếng trống hải hùng mà đã len vào gia đình tôi, đưa một thân nhân của tôi vào lao xá... dù N. chỉ là một anh tù ăn cơm tù... của chính gia đình nẫu, gia nhân mang đến tận nơi.

Và tôi cũng không ngờ anh chàng tù đó, kể từ 1945, sẽ giữ một vai trò quan hệ và chính anh đã tha cho vai chủ động cuốn biên khảo này Ngô Đình Diệm, khi ông bị bắt ở Tuy-hòa.

(Còn tiếp)

NGUYỄN VĂN XUÂN



NHÀ XUẤT BẢN LÃ BỐI

Lô O số 121 Chung cư Minh Mạng Sài Gòn-10

Giám đốc sáng lập : Nhất Hạnh

Mời đọc những tác phẩm mới :

● NÈO VÀO THIỀN HỌC

của Nhất Hạnh

● 10 KHUÔN MẶT VĂN NGHỆ HÔM NAY

của Tạ Tỵ

● VÔ MÔN QUAN

của Thiền sư Vô Môn, Trần Tuấn Mẫn dịch

● ĐỨC PHẬT GIỮA CHÚNG TA

của Bác sĩ Trần Ngọc Ninh

● NÓI VỚI TUỔI HAI MƯƠI

của Nhất Hạnh (tái bản lần VI)

● CHINH PHỤ NGÂM DIỄN ÂM TÂN KHÚC

của Phan Huy Ích—Nguyễn Văn Xuân phát giắc

Mua sách tại LÃ BỐI được trừ hoa hồng. Luôn luôn bán các sách của các nhà xuất bản uy tín. Nhận gởi sách cho bạn đọc qua bưu điện. Xin hỏi thư mục, nhớ kèm tem. Thư đề Ông Võ Thắng Tiết.

Về phần NMC mà nhận sự giúp đỡ lại vì một nguyên nhân khác. Nguyên nhân đó là cuộc đấu tranh chính trị đang tới và sẽ tới, mỗi ngày một nặng. Thừa biết trong giới chính khách không thiếu gì người có đủ lọc lừa về thủ đoạn, hẳn vẫn nghĩ rằng sự có mặt của hẳn, hoàn toàn độc lập đối với chính quyền nhưng lại chỉ thành trong công cuộc xây dựng một chế độ dân chủ lý tưởng, sự có mặt của hẳn còn cần thiết. Rất cần thiết nữa là khác. Cho nên dẹp mọi tự ái mỗi khi tờ báo phải thay đổi hình thức và nội dung — mỗi lần thay đổi tất nhiên là một lần công nhận sự thất bại — hẳn cố gắng cho tờ báo tồn tại.

Trong cả hai nguyên nhân không có nguyên nhân nào làm cho hẳn tiếc hận hay xót thương, khi tờ báo bị đóng cửa. Vì nói về quyền lợi thì quyền lợi còn quá xa : tờ báo còn lâu mới có lãi được. Còn cuộc đấu tranh chính trị, nếu có đưa đến kết quả nào tai hại thì cũng phải năm, ba năm tới đây.

NGUỒN GỐC CỦA SẮC LUẬT

Nhiều tháng trước, nghị sĩ Đặng Văn Sung dự cuộc thảo luận với 2 người khác, trước mặt các học viên Cao đẳng Quốc phòng, đã nói đến tình trạng báo chí VN bê bối, và tỏ ý muốn thấy có những tờ nhật báo lớn như bên Âu Mỹ — có báo lớn thì báo lem nhem tất chết.

Trong 2 người còn lại, một người chống đối ông Sung. Lý do được hai bên viện dẫn rất nhiều, nhưng tựu chung thì bác sĩ Sung muốn thấy có những tờ báo «xứng đáng» trong khi đối phương của ông bảo vệ lập trường mà hẳn ta cho là thực tế.

Lập trường đó căn cứ vào hoàn cảnh. Các nước Anh, Pháp, Mỹ có rất ít nhật báo lớn ở thủ đô hay ở các đô thị lớn, nhưng lại có rất nhiều báo địa phương. Báo lớn, sử dụng rất nhiều phương tiện mà sống được, nhờ trong nước có nhiều độc giả, và nhờ báo còn bán được ra ngoại quốc. Báo nhỏ ở địa phương sống được vì mức sinh hoạt tinh thần ở các nước kỹ nghệ hóa khá cao : trong 100 người dân chỉ có từ 50 đến 75 người ở thôn quê, số còn lại ở các thị trấn lớn hay nhỏ, và thường có nhiều vấn đề để đọc báo (nhất là vấn đề sinh hoạt chính trị, đôi khi rất sôi nổi ở địa phương, liên hệ đến những cuộc bầu cử thiết thân đối với dân chúng : bầu cảnh sát trưởng, bầu quan tòa v.v...). Trong khi đó thì nhiều cố gắng làm báo địa phương ở VN đã thất bại : mấy thị trấn lớn như Cần Thơ, Nha-trang, Đà-nẵng, Huế, đều không có báo, trừ một vài tờ làm và in ở Sài Gòn mà nhận là báo địa phương.

«Nếu bây giờ, người đó nói, chúng ta vội vàng tìm cách giảm bớt số nhật báo xuống từ 5 đến 10 thì chưa chắc báo

chỉ đã hay hơn, vì tôi ở trong nghề 30 năm nay, tôi biết rõ người viết báo lúc nào cũng cố gắng đến mức độ cao nhất, và chính sự sinh hoạt phồn thịnh của mấy chục tờ báo cho họ hứng khởi, chứ không phải sự sống bảo đảm (sau khi tranh giành được) tại một tòa soạn tồi tàn mà họ có thể viết hay hơn. Tôi đồng ý và cũng đoán trước rằng thế nào cũng có những chủ báo mua được máy in tốt, trình bày được tờ báo đẹp, bán được nhiều hơn, rồi dần dần chiếm hết độc giả của mấy tờ báo lá cải. Số nhật báo sẽ dần dần rút xuống. Như thế, sự tiến bộ thuận chiều sẽ không gây nên những tai hại bất ngờ, và, dù sao đi nữa, vẫn còn có những tờ báo nhỏ, in xấu, nhưng có độc giả trung thành, vẫn sống được. Tình thần dân chủ, trong trường hợp này, được hoàn toàn bảo đảm.»

Ông nghị Sung có những lý lẽ của ông đề không chấp nhận sự chờ đợi dài ngày. Có thể vì ông ở vị trí cao cấp nên biết rõ hơn về nguy cơ Cộng sản lũng đoạn báo chí; có thể vì làm chủ nhiệm một tờ báo đứng đắn, ông không muốn thấy những tờ báo bầy bạ — hoặc khiêu dâm trắng trợn, hoặc chống chính quyền với ác ý rõ rệt — ông Sung giữ nguyên ý kiến của ông.

Ngay từ bây giờ có người đã chờ đợi một sự thay đổi nào đó trong Quy chế Báo chí, vì được biết ông Sung là một nhân vật có uy tín với Nhà Nước.

TÁC DỤNG CỦA SẮC LUẬT

ĐVH không chú ý nhiều đến vụ sắc luật có ra ngoài phạm vi đạo luật

ủy quyền hay không. Nếu thấy một việc rất cần phải làm để chống Cộng, mà tin tưởng rằng kết quả sẽ tốt đẹp, thì Nhà Nước có vi hiến một chút cũng không sao : ĐVH không muốn lên An Lộc xem xác từng người dân chết oan, và ra Quảng-trị tìm những ngôi nhà bị tàn phá, đề hỏi xem Không quân ta có lỡ xâm phạm vào đời sống của ai, hay có lỡ ném bom tiêu hủy tài sản của công dân một cách trái với hiến pháp... ĐVH chưa bao giờ đóng vai giả đạo đức.

Đạo sắc luật chỉ cần được nghiên cứu trên tác dụng thực tế và hậu quả tất nhiên của nó.»

Trước hết, sắc luật không tiêu hủy nhưng giới hạn quyền làm báo. Hạn trong 1 tháng, kể từ ngày sắc luật được ban hành, mỗi tờ nhật báo phải được bảo đảm bởi một ngân khoản 20 triệu, mỗi tờ báo định kỳ (tuần báo, bán nguyệt san, nguyệt san...) 10 triệu. Tiền bảo đảm gửi tại ngân khố, có lời 24 phần trăm (?) theo thể lệ hiện hành.

Thứ hai, việc phát hành báo phải được bảo đảm bằng tiền ký tại ngân khố như trên. Phát hành một tờ nhật báo phải ký quỹ 5 triệu, phát hành nhiều tờ báo phải ký quỹ 50 triệu, phát hành một tờ báo định kỳ phải nộp 2 triệu rưỡi.

Thứ ba đến các hình phạt được tăng thêm rất nặng. Nhưng có điểm đáng chú ý là mặc dù đã có ký ngân đề dự phòng, tờ báo nào bị phạt tiền phải nộp số tiền đó ngay khi xin kháng cáo. Sau nữa, một tờ báo bị tịch thu đến 2

lần cùng vì 1 lý do có thể bị tạm đóng cửa.

Các nhân vật của chính quyền, trong khi giải thích, cho rằng Nhà Nước có ưu điểm là không tái lập kiểm duyệt, không hủy bỏ quyền « báo thì để ra báo » — thay vì nộp đơn xin phép như trước kia. Mục đích của Nhà Nước có 2 phần. Trước hết là bảo đảm an ninh chính trị và quân sự, không cho Cộng sản thâm sâu lưng các chiến sĩ hoặc lũng đoạn dư luận một cách có hại cho chế độ dân chủ. Thứ hai là bảo đảm an ninh cá nhân, không cho mấy tờ báo lá cải tố cáo bừa bãi người này người khác, khiến cho người chiến sĩ quốc gia, hoặc người công dân đáng được tôn trọng, có thể bị bêu xấu một cách oan uổng mà không có cách gì cứu vãn được.

Một vài nhân vật không thuộc giới cầm quyền chính thức, như một ông dân biểu, cho biết rằng có thể sẽ có một số nhật báo nhỏ phải đóng cửa ; nhưng các nhà báo chuyên nghiệp và có lập trường quốc gia sáng tỏ, sẽ không có gì phải lo ngại, vì họ có thể được vay tiền của Quỹ Phát triển, hay của Ngân hàng Khuếch trương Kỹ nghệ, không những để đóng tiền ký quỹ, mà còn để mua máy móc tự in lấy báo.

Nói tóm lại thì rõ ràng, dù có công khai xác nhận hay không, là Nhà Nước muốn rút bớt một số nhật báo, một số tuần báo, một số nguyệt san và bán nguyệt san. Hơn thế nữa, Nhà Nước muốn đưa báo chí vào một chế độ kỷ luật mềm mại mà chặt chẽ : chỉ có phạm lỗi thì mới bị phạt nặng. Nhưng xét các

vụ tịch thu báo từ trước đến nay thì người ta thấy mỗi người có thể hiểu một câu văn theo một nghĩa, và một bài báo, nếu bàn về thời thế, dù có đủ trăm phần thiện chí, vẫn có thể có một hai câu mà, nếu bị tách riêng ra, người đọc tìm thấy những tác dụng nguy hiểm. Nhất là về tin tức : máy bay Mỹ ném bom lầm làm chết bộ đội ta, quân nhân đào ngũ đi ăn cướp, hay chỉ một lời chia buồn với gia đình vài bốn sĩ quan tử trận... cũng có thể bị coi là làm hại đến an ninh tinh thần của chiến sĩ.

Sau cùng, một nhân vật cho biết một ủy ban sẽ được thành lập để xét thế nào là một tờ báo thuần túy nghiên cứu về khoa học, văn học, tôn giáo, kỹ nghệ, vì loại báo này được miễn ký quỹ, cũng như báo của đoàn thể được ký quỹ một nửa số tiền. Một nhân vật khác cho rằng nghiên cứu về chuyên môn là chỉ nói về chuyên môn (có lẽ là chỉ nói về lý thuyết) mà tuyệt nhiên không được nói tới thời thế. Ví dụ về khoa học thì nói về máy điện toán, về điện nguyên tử, về pháo đài bay, nhưng không được nói về cách thức VNCH sử dụng máy điện toán (đúng hay sai, có lợi hay có hại), không được nói về pháo đài bay bỏ bom trên đất Việt (trúng hay trật, tốt hay xấu). Báo về tôn giáo chỉ bàn về kinh sách, không được nhân vụ giảng kinh lại kéo theo chuyện này chuyện nọ; cũng như báo về văn học thì chỉ được bàn về văn chương truyện Kiều mà không được bàn về cái ngồng của Cao Bá Quát, hoặc về thơ phú của Phan

Chu Trinh, e có điều gì liên hệ đến tinh thần chiến sĩ.

Tờ bán nguyệt san Chính Văn này giả có được kể như báo nghiên cứu, mà phải theo đúng đường lối được nói ở trên, thì dù cho chủ nhiệm nó có hẳn một quá trình chống Cộng đến 30 năm, cũng đành xin lìa xa bạn đọc. Và nghĩ thêm rằng các đồng nghiệp Bách Khoa, Văn, Tím Hiều, Khởi Hành..., trừ một tờ Đồi của Chu Tử, cũng không có cách nào tiếp tục được.

NHẬN ĐỊNH VỀ HẬU QUẢ

Hậu quả trông thấy là những tờ báo còn lại sẽ hết sức ngoan ngoãn. Nhà Nước sẽ không cần phải kiểm soát cho mất công, vì nhà phát hành, liên đới chịu trách nhiệm, sẽ tích cực làm công việc ấy.

Báo chí sẽ ngoan ngoãn ngoài sự mong muốn của Nhà Nước. Giới chức cầm quyền sẽ thờ dài nhẹ nhõm, nhưng cũng trong lúc ấy quý vị tham những gộc cũng thờ dài nhẹ nhõm. Nhưng chưa bằng Cộng sản, vì thật thế, Cộng sản sẽ khoan khoái hơn cả.

ĐVH xin phân tích từng điểm một.

Thứ nhất là mấy tờ tạp chí vừa văn chương vừa thời thế sẽ đóng cửa. Cả một công trình 20 năm sẽ tiêu tùng. Nhớ vào khoảng 1952, Nguyễn Mạnh-Côn viết một vài bài trên báo Tia Sáng, nói về những sai lầm của Cộng sản, thì giới nhà văn coi hẳn là một tên bôi bút tay sai của Phòng Nhì. Năm 1956, làm tờ

Chỉ Đạo, viết truyện ngắn truyện dài chống Cộng sản thì bị một nhà phê bình gián tiếp cho là vì nghiện hút nên kiếm ăn bằng cách viết truyện "tổ Cộng cho đàn bà, trẻ con xem giải buồn". Rồi thối thoát 15 năm qua, nay chúng ta đã có những nhà thơ, nhà văn, những nhạc sĩ đề hồn vào những sáng tác đề cao chiến sĩ, lên án những vụ thảm sát thường dân. Nhưng cũng có người cầm bút tin tưởng rằng nhiệm vụ của họ là nói lên những phần nộ của binh sĩ bị bỏ rơi, những cái chết oan uổng. Có người hơi quá đà thật vậy. Nhưng tất cả hợp thành một thứ mà chúng ta hãnh diện gọi là nền văn nghệ tự do.

Nền văn nghệ tự do ấy hiện diện giữa các thanh thiếu niên học đường, giữa các quân nhân, công chức trẻ, và gây cho họ một niềm an ủi, một sự bảo đảm tự nhiên về giá trị của cuộc đời mà họ đang sống. Nền văn nghệ tự do ấy sẽ biến đi, vì không có đất xuất hiện. Dù cho một vài tờ tạp chí cố gắng tồn tại được, thì cũng không ai có thể viết được những tác phẩm hoàn toàn với tinh thần lạc quan về phía ta, bi quan về phía địch.

Thứ hai là số nhật báo sẽ ít hẳn đi, mà riêng ĐVH coi đó là một tai hại. Mong rằng Nhà Nước có thể bình tĩnh nhớ lại: thời Ngô Đình Diệm, nếu vào năm 1963 mà báo chí còn ra nhiều như mấy năm 1955-56, thì Tổng thống Diệm không thể nào bị vu cho là sai xe tăng cán nát thầy đàn bà, con trẻ đi biểu tình ở Huế, mà không sao minh oan được. Khi báo chí là gia nô thì báo chí

càng giải thích, dân càng càng tin điều ngược lại.

Nhật báo sẽ chỉ khen mà không chê chính quyền, sẽ không dám tố cáo bất cứ ai vì thật ra chẳng bao giờ báo chí có tài liệu xác thực về việc làm của một công chức. ĐVH muốn đặt câu hỏi rằng báo chí đồng loạt khen ngợi có nhất định có lợi không, và một vài tờ báo chỉ trích chê bai có nhất định có hại không?

Bài học đã nhiều lần rõ rệt. Báo chí được tự do nhất dưới thời Nguyễn Khánh, mà báo chí chế riều, chê trách, chống đối ông Khánh không ít. Nhưng tất cả mọi người làm báo đều có cảm tình chân thật với ông ta. Báo chí không hề gây nên phong trào nào chống Nguyễn Khánh.

Năm 1967, báo chí vẫn còn được tự do. Mấy tờ báo, mấy cây viết, bị tố cáo công nhiên là thân Cộng, nhưng đến khi xảy ra vụ Mậu Thân thì hầu hết các báo Nam hay Bắc đều nhất loạt ca tụng quân đội và khuyến khích tinh thần nhập ngũ báo thù. Chúng ta nhớ, vào khoảng tháng 3 năm 1968, Trung tâm Quang Trung có những ngày không thu nhận được hết những người tình nguyện.

Năm 1969 có Quy chế mà số báo, cả nhật báo lẫn tạp chí, không tăng như người ta chờ đợi. Số nhật báo không nhiều bằng năm 1965.

Từ 1969 đến đầu 1972, có cơ yên ổn. báo chí cần độc giả nên có nhiều báo đi vào con đường chống đối nhân vật này, bênh vực nhân vật kia kịch liệt.

Nhưng từ tháng Tư 1972, báo chí lại nhất loạt hỗ trợ chính phủ và quân đội. Đài Phát thanh Sài-gòn có nhiều sáng kiến đáng khen lắm về tin tức, nhưng báo chí vẫn giữ vai trò chính trong công cuộc vận động các giới tư nhân đứng lên ủng hộ quân đội.

Sở dĩ đồng bào tin báo chí vì biết là báo chí tự do. Biết báo chí tự do vì ngày thường thấy tờ thì khen ông A, tờ thì chống ông B, loạn cả lên, đến nỗi độc giả đọc nhiều tờ báo thì không thể nào biết đâu là sự thật. Người quốc gia không đọc báo thân Cộng, người thân chính phủ không đọc những tờ báo đối lập mà họ cho rằng thiếu trung thực, nhưng chính vì họ biết có những tờ báo như vậy mà họ tin tưởng vào tờ báo mà họ đọc, vì họ biết rằng lập trường của tờ báo không hề bị bắt buộc phải chấp nhận.

Năm 1956 Tổng thống Diệm đuổi quân Pháp ra khỏi VN là lúc sự nghiệp của ông lên đến đỉnh cao nhất, đồng thời cũng báo trước nguy cơ to lớn cho bản thân ông. Năm 57-58, báo chí bị thắt chặt, chỉ là cái móc đánh dấu trên con đường đi xuống của chế độ, mặc dù trên thực tế, chính quyền họ Ngô đang ở thời kỳ mạnh bạo hơn cả.

Năm 1971 báo chí rầm rộ chống Nhà Nước về vụ bầu cử 3-10. Nhưng tháng 7-1972, báo chí nhất loạt ca tụng quân đội và Nhà Nước. Về uy tín cũng như về tình cảm, địa vị của Nhà Nước lên rất cao trong tâm hồn dân chúng. Như thế, một phần lớn nhờ báo chí, mà dân chúng biết là còn được tự do một cách tương đối. Nhưng hình như

Nhà Nước không quên được vụ chống đối năm ngoái, nên đứng vào lúc báo chí thành thật cảm phục Nhà Nước thì Nhà Nước tính chuyện thanh lọc.

Sự thanh lọc không phải là vô cớ, vì có những tờ báo chống đối với luận điệu đầy xuyên tạc, và có những tờ báo chuyên làm tiền bằng cách tố cáo người này, người nọ.

Những tờ báo chống đối vì tin tưởng Nhà Nước sẽ xấp tiệm đã tự chúng xấp tiệm. Nhưng cũng có những tờ còn đứng được đến bây giờ. Có lẽ, trong ý định của Nhà Nước, mấy tờ còn lại cũng cần được cho « đi tầu suốt » luôn đi, mặc dù trong số người chống đối có những người biết chắc rằng Nhà Nước sẽ không xấp tiệm : việc chống đối trở thành vấn đề nguyên tắc — thấy sai thì phải chống, thế thôi.

Nhà Nước không hiểu được sự lợi ích của những tờ báo đó. Có thể vì chúng với quân đội, trong lãnh vực đấu tranh chính trị, vì người cầm bút được giới độc giả trí thức quý trọng là người gần với dân chúng hơn Nhà Nước. Nhà Nước làm việc giỏi, quân đội chiến đấu hay, tư nhân xôn xang ủng hộ bộ đội, chính nhờ họ giải thích những điểm thắng lợi mà có khi chính Nhà Nước cũng không nghĩ ra. Và lại có nghĩ ra thì cũng không ai tự khen mình, hay cho gia nô của mình khen mình, mà được đồng bào tán thưởng. Những ai nhớ mình là trí thức còn trẻ giữa những

năm 1958-1963 đều nhớ rằng họ đã phần nộ như thế nào khi thấy bọn gia nô, và báo chí gia nô tăng bốc người làm chủ thế nào, làm hại chủ thế nào, và đến lúc nguy cấp đã bỏ rơi chủ thế nào.

ĐVH viết như thế không có ý chế trách ai cả. Bậc thánh nhân, nếu để cho mình có gia nô, thì sáng suốt đến đâu rồi cũng bị gia nô bao vây, tách rời quần chúng. ĐVH chỉ biết có một biện pháp chống gia nô là để cho đó lập tồn tại. Từ 1963 đến 1972 đã có bao nhiêu báo đối lập, đảng hoàng cô mà tiêu nhân cũng có, mà nền Đệ Nhị Cộng Hòa vẫn cứ được xây dựng, vẫn cứ đoạt được thắng lợi. Như vậy, thiết nghĩ không ai nên quá vội thanh lọc một thực tại báo chí khi chính xã hội chưa được thanh lọc.

Những ai tỏ ra thù oán báo chí vì báo chí tố cáo bừa bãi, và nhất thiết đòi phải rút số (nhật) báo xuống con số tối thiểu và đặt con số tối thiểu đó vào một vòng kỷ luật thép, chính những người đó mới thật sự cần được thi hành kỷ luật trước hết. ĐVH nhất sinh chưa tố cáo cá nhân nào trên mặt báo, nhưng hơn 30 năm trong nghề đã cho ĐVH một kinh nghiệm rất đặc biệt là tất cả những ai chỉ báo chí làm tiền phi pháp đều chính họ là những người làm giàu phi pháp. Thời chiến tranh, Nhà Nước đã biết không thể nào diệt hết tham nhũng, thối nát, thì cũng nên để những tay «thỏ công báo chí» được tồn tại để treo lên đầu họ những lưỡi gươm dư luận.



Không phải ĐVH lập đi, làm bộ nghĩa hiệp bênh vực những phần tử bệ bối. Thật ra thì pháp luật đã có những điều khoản bênh vực danh dự (và an ninh) cá nhân từ lâu. Gần đây, Nhà Nước lại tỏ ra có ưu điểm là không vội tin báo chí nên, theo ĐVH nghĩ, bất cứ nhân vật nào bị đe dọa làm tiền, hoặc bị tố oan, có thể cứ đi kiện. Những người thật sự trong sạch đã kiện và được kiện. Những người không đi kiện mà xin điều đình là những người có tội, hoặc không có tội đúng như bị tố thì cũng dễ phòng đây cà ra đây muống, khiến cho cái tội thật nó lòi ra.

Nhà Nước không cần làm cả một sắc luật để bảo đảm an ninh cho những nhân vật đó. Thật đáng sợ rằng, như một đồng nghiệp nhật báo đã viết, kẻ vui mừng nhất là quý ông tham nhũng.

NÊN LÀM NHỮNG GÌ?

Trước hết, để sống cho những tờ báo định kỳ nhỏ về văn chương như Văn, Bách Khoa, Chính Văn, Phương Đông... Và cần đề cho sống những tờ báo nhỏ về nhi đồng, thiếu nhi như Tuổi Ngọc, Thiếu Nhi, Tuổi Hoa, Mây Hồng v.v...

Ở trên, ĐVH đã trình bày rằng tất cả sinh hoạt văn chương nước ta hiện được thu gom trong mấy tờ báo nhỏ và nghèo ấy. Sự vắng mặt chúng có nghĩa là vắng mặt luôn cả nền văn chương của cả nước. Mà xin đừng tưởng rằng báo định kỳ có thể tổ hợp được. Trước hết

vì hiện nay số báo đã quá ít mà số người cầm bút lại nhiều hơn: nếu chỉ có một tờ báo lớn, in thật đẹp, một số bài nhất định, thì luân phiên nhau có lẽ phải một năm một tác giả mới có thể xuất hiện trở lại. Thứ hai là mỗi tờ báo một thể tài, nên có nhiều độc giả mua tất cả bấy nhiêu tờ. Nhờ thế nên ở đất nước VN nghèo nàn của chúng ta, các báo định kỳ văn chương mới có tổng số độc giả khoảng 15 hay 17 nghìn. Nếu bây giờ có 1 tờ báo lớn thay thế những tờ báo nhỏ ấy, thì có giá trị đến đâu cũng chỉ bán được 10 ngàn là cùng. Vậy ai là người bỏ 20 triệu — 10 triệu ký quỹ, 10 triệu làm báo — để phục vụ 10 ngàn bạn đọc, với tiền lời mỗi số không quá 200 ngàn đồng?

Báo thiếu nhi cũng thế. Cách đây vài năm, một nhân vật quan trọng đã mời Duyên Anh đến bàn chuyện mua máy offset in báo thật đẹp cho thiếu nhi. Nhưng một bài toán giản dị và tàn nhẫn cho thấy tờ báo đó không thể nào sống được nếu không bán được hàng trăm nghìn, giá khoảng 200 đồng một tập. Nói cách khác, vì nước nghèo, nên độc giả vừa ít lại vừa nghèo, người làm báo văn chương hay nhi đồng cũng phải làm việc theo lối tiêu công nghệ, chỉ tính lãi đủ nuôi sống vợ con trên số vốn bỏ ra khoảng vài triệu bạc.

Nay, nếu vì lẽ gì, Nhà Nước bắt các báo đó phải chết, thì thật sự cũng chẳng ai thấy có ảnh hưởng gì. Không biểu tình không nhịn ăn hay cạo đầu phản đối. Sự thiếu vắng một nền văn chương "già" và trẻ sẽ chỉ được thấy dần dần thấm

thía... Bởi xưa nay chưa nước nào, chưa bao giờ, có một chế độ báo chí mà không có báo chí văn chương, nên chưa ai dám quyết sự thiếu vắng ấy sẽ có tác động thế nào trong tương lai. Chỉ biết rằng trong quá khứ thì chính mấy tờ Sáng Tạo, Bách Khoa, Chi Đạo... đã hình thành cái tâm hồn tự do của con người trí thức hiện nay. Truyền thống tự do, tác phong yêu quý cái gì đẹp đẽ và nhã nhặn của một dân tộc luôn luôn do văn chương kiến tạo và tiếp truyền một phần lớn. Còn tinh thần chống Cộng sản hiện nay, nhất là trong quân đội, kể từ cấp tướng trở xuống, có phải có phần căn bản bắt đầu từ tập «Đem Tâm Tinh Viết Lịch Sử» đăng trên nguyệt san Chi Đạo hay không?

○

Về nhật báo, cách đây ít bữa còn có 25 tờ, mà hôm nay, 8 tháng 8, chỉ còn có 21. Không cần có sắc luật mới, cứ giá giấy và giá in hiện nay, trong vòng 1 tháng nữa, sẽ thấy ít ra là 5 tờ nữa tự đình bản. Một số nhật báo bán được đã mua máy offset đã về hoặc sắp về. Không cần có sắc luật mới, chỉ trong vòng 3 đến 6 tháng, những tờ báo không in bằng máy-offset, hoặc in thuê bằng máy offset (giá in quá đắt nếu số in dưới 10 ngàn) sẽ phải tự đình bản, kể cả tờ Chính Luận của nghị sĩ Sung, nếu nó tiếp tục được in trên máy typo-rotative — may ra thì một mình tờ Đuốc Nhà Nam có thể tồn tại được, nhờ có độc giả trung thành.

ĐVH muốn nói : Nhà Nước không cần làm gì hết. Báo chí tự thanh lọc, tự đào thải. Sau cùng, dù cho còn tờ ĐNN không cùng lập trường chính trị với Nhà Nước, và tờ Hòa Bình trót lỡ tấn công Nhà Nước quá nặng trong năm ngoái, thì hai tờ báo đó, ngòi khả năng xúc phạm đến tự ái của một vài nhân vật, còn có thể làm gì để gây khó khăn cho chính phủ. Không kể rằng tờ Hòa Bình có độc giả trung thành mà có luôn cả lập trường chống Cộng vững vàng, vài tờ báo độc lập — độc lập chứ không thật sự đối lập — đối với chính phủ, chính là bảo đảm giá trị nhất đối với độc giả về tinh thần dân chủ của Nhà Nước.

Nhà Nước không cần giới hạn quyền tự do ra báo. Hồi tháng 3 năm nay, một vài người bạn yêu cầu NMC lập hồ sơ xin xuất bản một tờ nhật báo ấn hành vào buổi tối. Vốn tiền đã có, vốn giấy đã có, nhà in sẵn sàng, bộ Thông tin trả lời không thấy gì cản trở, mà rồi báo không ra, vì xét rằng khó sống quá. Sự kiện này, hẳn bộ Thông tin còn nhớ... cho nên, thật là rõ ràng, khi không còn «bùng» giấy, và khi chiến sự lịm dần khiến cho số độc giả bớt đi quá nửa, thì ĐVH e rằng sẽ có lúc mà Nhà Nước, cần gây búng khởi trong dư luận làm hậu thuẫn cho một cuộc đấu tranh chính trị quyết định, sẽ thấy rằng số nhật báo còn quá ít !

○

ĐVH chẳng may gần đây lại làm công việc làm cầm là suy tư triết lý. Cái nợ đưa đến cái kia, ĐVH hiểu không có sự đảo thái nào, sự thanh lọc nào mạnh mẽ và kiến hiệu bằng sự thanh lọc và đảo thái của tự do cạnh tranh.

Xin cứ để yên rồi sẽ thấy. Xin đừng vội. ĐVH nhớ vào khoảng 1960, các báo nhất loạt chế trách nhà Tổng phát hành Thống Nhất. Một viên sĩ quan cấp úy, tự tin đầy mình, dám cả quyết sẽ quét một nhát chổi là sạch sẽ cả tòa nhà Thống Nhất. Y nói nhiều quá đến độ người ta giao việc đó cho y thật. Năm 1962, y vác cây chổi tự cao tự đại đến nơi, để được thấy công việc phức tạp quá sức y tưởng tượng. «Nhận báo, phát báo, thu tiền, ăn hoa hồng...» có thể thôi. Nhưng có làm mới biết rằng thu tiền là khó: một đại lý ở thị trấn nợ hiệu dẫn tiền báo, mỗi kỳ một số tiền rất nhỏ của một tờ báo nào đó mà thôi, à sau cùng nợ nhà phát hành đến bạc triệu. Dọa tịch thu thì xin mời: cả cửa hàng, nhà đi thuê, còn có một tủ kính trưng giá vài nghìn đồng — Kết quả phải là phải tiếp tục gửi báo cho đại lý ấy để trả nợ dần.

Công việc nào cũng thế, [có bắt vào mới biết phức tạp thế nào. Nhà 3c, vì phòng có ý muốn nắm lấy công

việc phát hành, sẽ thất bại, như bất cứ cơ sở công quản nào từ trước đến nay. Tuy nhiên, công việc phát hành có thể được tập trung vào tay một công ty lớn. Máy cơ sở Đồng Nai, Nam Cường, Độc Lập, Hai Trí, với sự khuyến cáo và cổ vũ của Nhà Nước, có đủ khả năng và phương tiện tiếp tục công việc đã trở thành chuyên môn của họ.

Nhà Nước xin nhớ rằng cho đến nay chúng ta có bề bối, nhưng một thứ bề bối thoải mái đi liền với tự do, đưa thẳng tới chiến thắng. Xin đừng vội tiến bộ mà đổi thay quá gấp. Cộng sản thua cái hiện tại của chúng ta. Xin đừng vội dùng đến biện pháp quá khéo léo mà ngoại quốc không chê bai được, mà dân chúng không nói thành lời trách cứ được — sự oán hận không phát tiết ra được sẽ quay vào nung nấu tâm hồn, thành một oán hận căm hờn. Nói gì thì nói, viết gì thì viết, ĐVH vẫn phải bám chặt lấy Nhà Nước chống Cộng... cho nên điều mong mỏi sau cùng của ĐVH là Nhà Nước đừng vì thắng lợi mà chủ quan đề cho đối phương lợi dụng — như Cộng sản bắt đầu sai lầm ngay sau Điện Biên Phủ.

ĐẶNG VĂN HẦU



thơ Hạc - thành Hoa

cháy giữa hư không

Tặng Cao Thoại Châu

Buồn biết mấy giữa mùa hè trống trải
Một mình ta cùng với lũ ve cầm
Không phượng đỏ biết khi nào hè hết
Ôi mùa hè với với đến ngàn năm !

Ta ở lại cũng như người thất nghiệp
Bạn bè ta tất cả đã về quê
Vì không thể theo họ, đành ở lại
Một nơi, ta chẳng thấy thú vị gì.

Ngày lại ngày năm co nơi nhà trọ.
Phải chi có vợ để quên đời...
Túi rỗng và đời ta cũng rỗng
Dù có buồn cũng không thể đi chơi.

Nằm một chỗ và gác tay lên trán
Ta bắt đầu làm cuộc mộng du
Đề mơ thấy gặp gia đình bằng hữu
Ôi thân ta, cá lội giữa ao tù.

Ta vốn sinh nhằm vì sao cô độc
Nên trời dày, trời bắt phải đi xa
Trong cõi buồn một mình ta trơ trọi
Và cuộc vui - Không có mặt bao giờ !

Mùa hè đổ dười bầu trời u ám
Những trận mưa, kéo đến tự ngàn xưa
Ta đóng cửa ngòì nghe trời đất lạnh.
Là lúc đời buồn bã đến ngất ngư.

Hè không nằng đời ta càng hiu quạnh
Những chiều mưa âm đạm ở bên sông
Dòng nước khẽ rùng mình rồi trôi mãi
Ta thấy lòng rục rảy giữa hư không.

19-7-72

Xin người chút lửa đêm nay

Tặng NGUYỄN MAI

Đứng bên đường quá nửa khuya
Mình tôi nghe cánh lá lìa không vang
Gió lùa khoảng trống trần gian
Đêm âm thầm một hồn hoang đứng chờ
Ba mươi đời quá bơ vơ
Nước sông dần cạn, thuyền chưa bến về
Đứng bên đường quá nửa khuya
Lẻ loi từng sợi tóc đâm đĩa sương
Ngân ngơ trước ngã ba đường
Thuyền trên bãi vắng gió luồn trong khoang

*Đêm nay trăng xẽ thu tàn
Đông qua theo bước thời gian lặn lùnh
Cô đơn một kiếp chim rừng
Xin người chút lửa thắp vùng ô xa.*

Mưa vàng mặt đường

Ngậm ngùi nhớ những ngày xưa
Phất phơ dạo dưới cơn mưa ngọt ngào
Mưa vàng một giấc chiêm bao
Cây xanh lá biếc xôn xao với người
Mưa từng giọt rượu trên môi
Lòng ta theo nhịp đất trời cùng quay
Những ngày lạnh hút chân mây.
Niềm vui bắt được cơn say trong đời
Ngọt lòng nghe tiếng mưa rơi
Giọt mưa thu cả đất trời vào trong...

Mưa như sương trắng cánh đồng
Tưởng còn tươi những nụ hồng năm xưa.
Nụ hồng đã rụng trong mưa
Mùa bong bóng vỡ bây giờ còn đây.
Trong hồn đã vắng cơn say
Mưa còn thơm những tháng ngày trở hồng
Đưa tay hứng giọt mưa nồng
Nghe thân buốt lạnh một dòng suối sâu
Mưa từng hạt nặng rơi mau
Sương ngàn lối cũ, lòng đau vô bờ.

HẠC-THÀNH HOA

(Trong *Mưa vàng mặt đường*, sắp xuất bản)

NHÃ - CA



THƯƠNG NHỚ CHIẾN TRANH

truyện dài — tiếp theo

18

Suốt gần tuần lễ bận thờ xuống đường, ông khoa trường được dịp lấy lòng bà Tham. Chiếc xe hơi cũ kỹ của ông lui tới thật đều đặn, mỗi lần tới ông đều cho bà Tham biết tin tức về nhà chùa. Ông quen biết nhiều, lại nữa, trong nhóm bạn bè, đồng chí với ông, có nhiều nhân vật đang nổi tiếng trong cuộc đấu tranh. Những lần nói chuyện với Nga Mi mà có mặt bà Tham, ông không quên nhắc tới người bạn :

— Tôi vừa mới gặp anh Lê Thiệp ở trước đài phát thanh. Anh Lê Thiệp đang họp anh em để soạn thảo một kế

hoạch mới để tiếp tục sau khi cuộc tranh đấu này kết thúc. Nga Mi có muốn tham dự buổi hội họp ấy không ?

Nga Mi lắc đầu. Cô luôn luôn lắc đầu, lúc nào cô cũng muốn mớ tóc mây của cô có dịp để tung tăng. Với lại, mớ tóc cô vừa mới cắt ngắn gần một tấc, mớ tóc cắt đi đã được cô bó lại bằng sợi nơ hồng, cô đang lưỡng lự chưa biết gửi cho ai. Gửi cho Công thì đẹp biết bao, gửi cho ông giáo sư già này hơi ưỡng. Ông này thì còn gì là thơ với mộng nữa. Đôi mắt ông đã vàng úa vì chờ đợi danh vọng, môi đã tái bầm những gian dối, hơi thở tanh những tội lỗi. Vậy,

mà Nga Mi vẫn hiểu rất rõ ràng rằng, ngã về phía ông khoa trưởng, cuộc đời của Nga Mi sẽ nhàn nhã, vững vàng hơn, nhưng nàng cũng muốn ngã về Công nữa, nàng muốn Công là một người tình đề suối ấm trái tim nàng trong lúc nàng đi suốt đời bên trái tim ông chồng già buốt giá. Tâm hồn Nga Mi lằng mằng lăm. Cô bỗng muốn có một tâm sự như ai kia đã gửi gắm trong một bài thơ mà cô đã chép và học thuộc lòng từ năm mười bốn tuổi : *Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời, ái ân lạt lẻo của chồng tôi... Mỗi mùa thu chết, mùa thu chết, vẫn dấu trong tim bóng một người...*

Nga Mi lơ đãng nghe ông khoa trưởng nói chuyện với mẹ :

... Dạ, cháu cũng vừa ghé chùa sáng nay. Buổi sáng cháu mới hầu Thượng tọa một ván cờ tướng.. Dạ chỉ một ván thôi. Thượng tọa đang suy nghĩ, buồn bực đủ thứ. Dạ, thì cháu vẫn kề cận thượng tọa, cháu lên chùa đều đều... Dạ, bác hỏi chi ? bà chị của cháu... Dạ, dạ thì vẫn vậy, dạ, bà ở trên chùa suốt ngày.

Ông cười, nụ cười răng lớp mờ bóng loáng làm khuôn mặt trở nên tro trên, nó sẽ đỡ tro trên hơn nếu ông ta không cạo bộ râu nhẵn thín. Nga Mi vẫn cúi đầu, cô đang nghĩ tới mớ tóc vừa cắt đi, cột chiếc nơ hồng để dành trong hộp nhỏ đó. Mình có nên gửi cho Công không ? Cô không chú ý gì tới câu chuyện của ông khoa trưởng và mẹ nữa.

Bà Tham đứng dậy, có lẽ bà nghĩ là đề cho sắp nhỏ tự do nói chuyện với

nhau. Bà làm gì không hiểu thâm ý của ông khoa trưởng. Thôi, duyên ai nấy nhận, nếu con bà mà có duyên nợ với ông khoa trưởng này thì cũng xứng đáng lắm rồi. Ông hơi già một tí, nhưng già có sao đâu, già thì có danh vọng bù vào đó, cũng chẳng đi đâu mà thiệt.

Bà đi sang nhà ông Cả, để gặp bà Ba, bà Tư gì đó cũng được. Bên đó, thằng con lớn ông Cả làm lớn trong ngành cảnh sát, trên cả thằng Hòa nhà bà nữa. Bà muốn biết thái độ của chính phủ ra sao. Bà vừa đi tới đầu đường, gần lối rẽ vào nhà ông Cả, đã thấy một lũ trẻ con bao quanh coi một chuyện gì. Rồi ông Cả lật đật chạy ra, vừa la mắng tụi nhỏ vừa kêu gọi :

— Xang ra, xang ra tụi bây. Trời đất, con ai bị xe đụng đây nè. Con ai, con ai rứa hi ?

Lũ trẻ đứng xê ra, có đứa cười rộ. Một người đàn bà nói lớn :

— Con ông chơ con ai nữa. Trờ ơi, con ông mà ông cũng không biết, là con ai, chi lạ rứa ?

— Ủa, con tui ? Đứa mô rứa hi ?

Bà Bảy chạy ra. Bà Bảy là vợ thứ bảy của ông Cả, mặt mày hớt hơ hớt hải :

— Ủy, thằng Học rồi. Học ơi là Học ơi, chết con tui rồi.

— Bồng nó vô. Coi có răng không rứa đã nè.

Thằng nhỏ vẫn còn nằm dưới đất kêu la. Người thanh niên đi xe gần mấy

đang cố đỡ nó. Nó chỉ bị trầy mấy chỗ, nhưng thằng bé còn muốn ăn vạ. Nó vừa khóc vừa chửi :

— Mẹ mi. Đụng tau. Mẹ mi...

Khi được bà Bảy bế vào nhà, nó còn vớ được hòn đá ném theo người thanh niên đã đụng xe vào người nó. Ông Cả đứng trông theo bà Bảy bỗng thằng nhỏ vô xúc thuốc, rồi gọi lớn vô nhà :

— Chị Tư mô rồi. Ra kêu hết mấy đứa nhỏ vô nhà đi. Tui đã biều đóng cửa lại mà cứ mở mần chi không biết nữa. Kêu vô rồi đếm coi thiếu đứa mô nữa không ?

Bà tham lắc đầu ngao ngán. Ông Cả cũng là nhân vật đặc biệt của xứ Huế này. Ông có nhiều vợ, lại quá nhiều con. Bà nào góp con lại về ở chung với ông thì ông còn biết mặt, có bà ở riêng ông không làm sao mà nhớ hết những đứa con do mẹ chúng đẻ ra, đặt tên lấy. Ông có những đứa con lớn tướng, đã có rề có dậu, đồng thời ông cũng có những đứa con còn bế trên tay, nhỏ hơn cháu ngoại, cháu nội nữa. Tại cái thời buổi đổi thay, chứ còn triều đình, ông cũng là một nhân vật ra gì, thanh thế ông rất lớn nhờ có dính liú giòng họ của một nhà cách mạng. Ở cái xứ vua chúa, đầy mẹ, đầy các quan này, không có chút thanh thế cũng khó cất đầu lên lắm. Đến bây giờ, tuy bực với đàn con còn lau nhau, nhưng ông cũng hãnh diện với những đứa con lớn ra đời có danh phận với người.

Ông định quay vô thì trông thấy bà Tham, ông đứng yên một chỗ, chờ bà đến gần hơn để chào. Ông gật gật đầu, niềm nở :

— Chị qua chơi. Mời chị vô nhà đã.

— Dạ, được anh. Dạ không biết cháu đụng xe có bị chi không, để vô thăm cháu một chút.

Ông Cả đã hết quan tâm tới đứa con rồi, ông điềm tĩnh :

— Tụi nó chẳng ăn thua chi mô chi. Đồng quá tui cũng ngán, cứ té, đụng xe, chảy máu hoài. Mấy bữa trước tui nhốt trong nhà, bị mấy bữa ni bàn thờ xuống đường, tui con nít cứ ưa tràn ra coi đó chứ. Bà Tham lo lắng :

— Dạ cũng qua hỏi thăm anh về tình hình một chút, bên anh răng không bày bàn thờ ra. Mấy bữa ni cậu Liên có về tới không rứa anh ?

Ông Cả quơ cái tay trước đầu gậy, ông muốn nắm chặt cả hai tay vào đầu gậy để đứng vững chãi hơn :

— Tui kẹt lắm chị. Để gì thằng con tui nó cũng làm lớn. Mà hồi trước nó cũng nhờ bên mấy thầy. Nhưng mần răng được, ăn cây nào rào cây nó. Nó làm việc nó cũng kẹt lắm, tui không bày bàn thờ vì nghĩ tội cho nó. Tui là cha nó vô lẽ đồn nó vô thể khó xử. Mới tui qua đây ni, nó về nhà. Nó buồn bực lắm, nghe mô có lệnh mới không hay cho Phật giáo mình. Tui gặng hỏi nhưng nó không nói thiệt. Chị coi, nó làm việc, tuy được chức phận nhưng ở trên còn có nhiều cấp nữa, làm việc cho chính phủ thì phải

tuân lệnh chính phủ phải không chị. Mời chị vô nhà dùng nước đã.

— Dạ thôi. Chắc cháu nhỏ không rảnh, hết la khóc rồi. Tui phải qua bên chùa có việc. Thôi chào anh.

Bà Tham đi. Ông Cả còn đứng lại một lát nữa ngó đám trẻ con đang rộn rã bao quanh những bàn thờ đầy nhang khói. Ông không thể biết được trong số trẻ con đó có bao nhiêu đứa con của ông. Ông không bao giờ nhớ hết mặt con của ông hết, mà điều đó đối với ông cũng không quan trọng. Đã có mẹ nó lo, cứ để chúng nó sống tự nhiên, trời thương trời dưỡng, rồi lớn lên, lá rụng về cội, chúng vẫn là con ông hết thảy.

Ông chống gậy đi quanh một vòng. Buổi chiều nào ông cũng đi một vòng như thế. Thỉnh thoảng, ông vẫn ghé ông Tham chơi. Ông Tham lúc nào cũng có trà ngon, và chỉ có hai ông là còn có thể nghe nhau nói về di vãng hoặc những chuyện làm cảm về tương lai. Nhưng buổi chiều nay ông không muốn ghé ông Tham nữa, mặc dù ông thấy thêm ly trà thơm phức ở nhà ông bạn già Trà với rượu, không có bạn không thể nào ngon được. Nhưng ông vừa nghe cái gì đây. Ông đứng dừng lại trước một căn nhà. Bên trong giọng người đàn bà the the :

— Tau đã cấm mi vô nhà, mi còn về đây mần chi nữa.

— Con về thăm mẹ. Con đi xa, nghe nói được về Huế mừng muốn chết, về mẹ lại đuổi đi.

Giọng người đàn bà như khóc :

— Tau kè như mi chết rồi. Mi về đây ai cũng sợ mi. Mai mốt mi bắt mẹ mi bỏ bao bố trời sông luôn.

— Mẹ làm như con là đồ chi mô. Con đi lính uỳnh giặc cực khổ, cấp trên bắt đi thì đi, bắt về thì về, trong quân đội có luật lệ quân đội, người ta bắt về đây mà không đi mô có được.

— Tau không muốn mi về. Mỗi lần mi vô nhà, bà con lối xóm ngó mi là tau cũng đủ nhục.

— Rứa thì con đi cho mẹ mát ruột.

Đó là hoàn cảnh của một người lính đang hành quân, bị gọi về thành phố chưa biết sẽ được giao phó nhiệm vụ gì. Anh về thăm nhà và được sự đón tiếp như thế. Chắc chỉ vì bà mẹ sợ thằng con trai lính tráng về đẹp bỏ mất bàn thờ của bà. Ông Cả lại chống gậy đi. Lần này thì ông phải đi tới nhà ông Tham mới được. Ông còn biết nói chuyện với ai ngoài ông Tham nữa.

Nhà có khách, Nguyễn lại khắp khểnh lên lo trà nước. Ở nhà dưới, cũng nơi phòng khách, ông khoa trưởng vẫn còn ngồi với Nga Mi. Họ như không còn chuyện gì để nói nữa, nhưng vẫn cứ ngồi đối diện nhau. Nga Mi tay vịn về mở tóc, lúc kéo tóc che nửa mặt, lúc hất tóc về đằng sau. Còn ông khoa trưởng, thỉnh thoảng ông đưa tay lên cầm sờ sờ, ông quên rằng bộ râu ông đã cạo quá nhẵn. Nga Mi hơi buồn cười vì cử chỉ của ông khoa trưởng, nhưng cố ráng giữ bộ mặt thờ ơ, nghiêm trang. Cô không hiểu nổi cô nữa, cô có thể chịu

đứng ngồi nói chuyện vẫn vợ với một người đàn ông mà cô co cảm tưởng da thịt đã tanh nhờn. Đôi lúc cô có cảm tưởng như những lời nói văn hoa bóng bẩy của ông được phát ra trong chiếc máy nhỏ nào giấu trong một xác thịt đã chết.

Bỗng bà Tham về bất thình lình. Bà trông thấy ông Cả ngồi uống trà với chồng, nhưng bà không ghé nhà trên. Bà tất tả xuống nhà dưới, trông thấy ông khoa trưởng còn ngồi với Nga Mi, bà dậm chân:

— Hồng rồi. Ông khoa trưởng biết chuyện chi không?

— Dạ thưa chuyện chi?

— Ô Đà-nẵng, xe tăng đã nghiền nát hết bàn thờ, nghiền nát hết người biểu tình. Đang đánh nhau trong đó.

— Dạ cháu biết tin từ trưa, nhưng không ngờ nặng nề rứa.

— Tạo đâu rồi. Kêu anh ấy ra, Nga Mi mím môi:

— Anh đi biệt đâu có về, mạ.

Ông khoa trưởng đứng dậy:

— Dạ, vậy thì cháu phải đi gặp anh em gấp. Cháu có hẹn anh giáo sư Lê Thiệp. Bác nghe tin ở đâu vậy bác?

— Ở trên chùa. Tui mới ở trên nó về.

Ông khoa trưởng vội vã ra xe, rồ máy. Ông có nhiều việc phải lo lắng, lên chùa gặp Thượng tọa, rồi gặp bạn bè. Phải lo làm sao cho hai cái chân sắp về già của ông đứng thật vững, dù gió ngã phía nào. Mục đích của ông không phải là cuộc

tranh đấu Phật Giáo, cũng không phải là tập hợp, nắm lấy sức mạnh của nhóm sinh viên ở đây. Con đường của ông phải thanh thanh, rộng rãi của quan lộ. Nghi lắm sao hơn nữa, ông đã già, đã chống chọi với đời quá mệt. Tới tuổi này, ông mong được một người vợ trẻ và một địa vị vững chắc trong xã hội. Vậy là quá đầy đủ.

Trong lúc đó, Nga Mi vào phòng, mở cái hộp nhỏ lòi mớ tóc buộc nơ hồng ra ngắm nghía. Mớ tóc của Nga Mi không được đen lắm, nhưng mịn màng. Đề đó, đợi có dịp, cô sẽ gửi cho Công, không cần thư, không cần một lời nói nào cả. Mối tình của ông khoa trưởng là dễ ăn nói, còn mối tình lãng mạn với Công là dễ cảm.

19

Tạo vung tay dấm mạnh vào không khí. Không có tiếng bộp chát, không ề ề bàn tay, nhưng mắt Tạo đỏ lửa. Tất cả những ánh đuốc trong thành phố đã tắt lịm, và bây giờ chỉ còn trôi bập bùng trong mắt Tạo.

Căn nhà nhỏ ở vùng ngoại ô chật ních người. Anh em đi vào đi ra, có kẻ ngồi ủ rũ trong góc nhà. Trên chiếc giường con, Kỳ nằm im lìm, mặt anh xanh như xác chết và khắp người bầm tím. Suốt một ngày, bọn anh đã xông xáo chống trả vô số linh tráng được lệnh dẹp bàn thờ. Từng đồng bàn, từng đồng bát nhang, tượng Phật được quăng lên xe chở đi. Một phần khác bị đập đổ, hư nát, gãy vụn. Kỳ đã ôm một tượng Phật bằng giấy bị đập bẽ xé rách, khóc rưng

rức như trẻ con. Cho tới lúc như đòn, được bạn bè đem về đây, anh vẫn còn ôm khư khư hình bức tượng Phật rách nát đó, và nhìn lại anh vẫn còn khóc.

Từ sáng, Tạo đã cho người đi liên lạc giáo sư Lê Thiệp, với ông khoa trưởng, nhưng không gặp được một ai. Các ông đã rút vào một khu an toàn nào rồi. Việc chống trả, đổ máu, hy sinh là việc của bọn trẻ, còn nhiệt huyết. Các ông lớn tuổi rồi, các ông là những đầu não, các ông không thể hy sinh. Tạo nhớ lại từ phút đầu cảnh hỗn loạn. Từ sáng sớm, anh đã nghe tiếng kêu khóc như ri ngoài đường. Anh như một mũi tên bắn ra đường lộ. Anh gặp đủ mặt bạn bè. Kỳ, Vinh, Bằng. Lúc đầu, nhìn thấy tận mắt những bàn thờ bị đập đổ, mắt anh muốn bật máu. Tạo nghĩ tới một triệu người đang sát cánh nhau, nghĩ tới quân đội. Nhưng trước mắt anh, quân đội đó. Quân đội từ nơi nào đưa tới, họ đang thận trọng dọn từng bàn thờ, nhưng một số cảnh sát đã chiến địa phương, cảnh sát thì hăng hái quá. Họ đập, họ phá tung, họ nguyện rửa, sự thỏa mãn trên từng khuôn mặt. Tạo lại lặng người đi. Một triệu người. Một triệu người ở đâu ? Trong khi đó, những người đàn bà nằm lẫn ra đường kêu khóc. Những người mà trước đây, họ vừa bày bàn thờ vừa đưa đôi mắt khinh bỉ nhìn những chiếc xe cảnh sát đi ngang qua, giờ họ vật vã dưới đất, họ tranh nhau giết những bức ảnh, bưng những bát nhang. Họ mong tiếng kêu khóc của họ động tâm tới Phật : Phật ơi, trời ơi, họ dám đụng tới Phật. Giết

tạo đi, đồ chó, chúng mày đụng vào bàn thờ tao cần nát tay chúng mày. Dạ không, chúng tôi chỉ dọn để xe hành quân đi ngang qua. Xin đồng bào đem bàn thờ vào nhà, bàn thờ phải để ở chốn trang nghiêm. Vài cấp chỉ huy nói. Những người lính tuân lệnh dọn dẹp, nhìn đồng bào bằng đôi mắt ái ngại, ngượng ngùng. Còn hình Phật thì nhan nhản, ở tượng, ở khuôn hình, mắt những vị Phật vẫn từ bi, không thắc mắc gì về cảnh hỗn loạn đang xảy ra. Ông lạ gì về bề đời khổ não mỗi ngày một lớn. Tạo nắm chặt tay lại. Một triệu người ở đâu ? Một triệu trái tim ở đâu ? Ông giáo sư đọc bài diễn văn hùng hồn ở đài Phát thanh đâu rồi ? Tạo muốn khóc như một đứa con nít, nhưng anh không thể làm như thế, anh nuốt nước mắt vào trong lòng, nước mắt nhòe nhòa trái tim đến nát bấy.

— Tạo.

Một bàn tay nắm chặt vai anh, bấu chặt vào da như những móng chim ưng nhọn và cứng. Kỳ đó. Kỳ lại bật khóc. Rồi như điên cuồng, Kỳ lao vào đám người đang ồn ào, kẻ dọn dẹp, kẻ la khóc kia. Kỳ vùng tay, vùng chân. Bàn tay yếu ớt của anh cũng đủ kích động đám đông rồi. Những đòn gánh, những thanh củi, những tay không lao vào, và cả Tạo nữa, anh như con trâu điên, chỉ biết lao mình tới thẳng trước, húc vào bất cứ cái gì trước mắt, cho tới khi nào mệt lả, sùi bọt mép nằm vật xuống.

Tạo, Kỳ, bạn bè, đã như điên dại, xông xáo nhiều con đường, kích động từng khu vực chống lại. Dọn ở khu này

rong, khi dọn ở khu khác, khu vực này lại bày ra. Một ngày lao đao, căng thẳng, đau đớn, mệt mỏi ngoài phố như thế, cho tới chiều thì cả bọn đuối sức. Kỳ bị thương khắp người, một số bạn hữu bị lạc. Cuộc dọn dẹp vẫn tiếp tục, những tiếng la khóc càng về chiều càng khàn đặc, càng đậm thất vọng, đau thương. Tạo nghiêng rặng, bút tóc. Cuộc tranh đấu yếu hẳn rồi, cái thể mệnh duy nhất đang bị đập đổ và tinh thần mọi người đang xuống dốc một cách khủng khiếp.

Tạo muốn trở lui lại con đường gần nhà, nhưng anh không còn sức nữa. Tới nửa đường anh dừng lại. Anh trông thẳng Thêm đang cầm một cái gậy dài, chạy như điên từ trong một con hẻm ra phang lung tung vào đám lính đang dọn dẹp. Những lưỡi lê sáng loáng chia về phía thẳng nhỏ. Bốp, một báng súng đập trúng nó. Thằng Thêm không la một tiếng, nằm sấp xuống đường. Tạo cũng la lớn, định xông lại, nhưng cũng trong con hẻm đó, một đám thanh thiếu niên nữa gây gộc xông ra. Loạn dả một hồi, rồi thằng Thêm được bạn bè kéo đi mất. Tạo sững sờ. Hình như thằng Thêm có trông thấy anh. Trước khi bị gục, anh thấy mắt nó sáng lên, hướng về anh như muốn nói điều gì. Nhưng anh hiểu đôi mắt ấy : Em đã lớn rồi, em làm việc này vì anh. Tạo lại muốn xông vào, nhưng một bàn tay kéo anh lại :

— Tạo. Đi ngay. Họ đang lùng bắt bọn mình đó.

Tạo quay lại. Vinh nhìn anh bằng ánh mắt u ám nhất mà trong đời một người chắc chỉ hiện ra vài lần. Anh lầm lũi theo bạn. Vinh đưa anh tới căn nhà ở vùng ngoại ô này, và ở đây anh gặp gần đủ bạn bè. Nhiều người khóc rưng

rức như trẻ con. Nhiều người không chịu nổi không khí ảm đạm này, đã đi lẩn vai từng người : — Rồi mình chịu như thế. Chịu thua một cách đau đớn như vậy hay sao ? Có làm gì nữa không ?

Câu hỏi đó đều ở trong lòng mọi người, nhưng không ai trả lời cho ai nổi. Một triệu người ở đâu ? Một triệu trái tim ở đâu. Ở đây chỉ có một nhóm bạn bè của Tạo, của Kỳ. Tay không, lòng đã rướm máu, còn làm gì được nữa không ? Còn làm gì được nữa không ? Tạo cũng đã tự hỏi nhiều lần như vậy.

Vinh ngồi bó gối bên Tạo, họ đã im lặng quá lâu, và Vinh không chịu nổi :

— Liệu họ tìm ra tội mình không ?

— Họ sẽ bắt được hết. Chúng ta sẽ vào tù cả lũ, hãy chuẩn bị đề phòng ngạc nhiên gì nữa.

Vinh mím môi :

— Còn những người lãnh đạo chúng ta nữa. Còn ông giáo sư Lê Thiệp...

Tạo cười chua chát :

— Bây giờ là lúc cháy nhà, sẽ bày ra những mặt chuột nay mai. Đừng lạc quan, chúng ta còn đủ thì giờ để chờ xem trước khi đi tù.

Vinh thở ra :

— Chúng mình chưa ghé chùa, Không biết thượng tọa...

Tạo nhìn Vinh. Sự đau đớn, giận dữ đã làm cho lòng anh chai đá. Mỗi anh đưa ra :

— Vinh. Nền ở yên đây. Ở chùa nguy hiểm hơn, chúng mình còn dễ bị bắt nữa. Những người tới sum soe cạnh nhà chùa, nhiều người giấu bộ mặt mặt thám. Cậu không nhớ vụ thằng Hà mất tích đó sao ? Nó đã được đưa đi đảo âm thầm lâu rồi.

Bằng cùng đi với Hân vào nhà, tới bên Vinh và Tạo :

— Hân vừa ở chùa về. Thất bại hoàn toàn rồi.

— Gặp Thượng tọa không ?

— Thượng tọa không muốn gặp ai.

— Có thấy mấy ông giáo sư tới chùa không ?

Hậu lắc đầu :

— Em ở trong chùa cả ngày. Không có ai hết. Mọi ngày ông khoa trưởng Tường lên rất đều. Ngày hôm nay cũng không. Anh Duệ có bảo em đi tìm, em tới nhà các ông, người nhà đều bảo các ông đi vắng.

Vinh nắm tay văng một tiếng thật tục tui. Anh vùng đứng dậy :

— Cậu ở đây, để mình xuống chùa. Lúc này Thượng tọa cô đơn lắm.

Tạo giữ tay Vinh lại. Lúc này ai cũng cô đơn hết, một triệu trái tim cùng cô đơn. Tạo rút khăn tay lau trán, chiếc khăn tay ướt đầm mồ hôi, bốc mùi chua tới buồn nôn. Tạo nghĩ tới Công, lúc này hân đang ở đâu ? Hân làm gì từ sáng ? Bên tai Tạo bỗng lặp lại lời nói của Công : Chiến tranh này còn chết nhiều triệu người. Cậu tin một triệu người của cậu ? Tạo nhắm mắt, tay chân muốn buông xuôi, muốn bất thình lình được đi vào cõi chết một cách êm ả.

Ở trên chiếc giường con, Kỳ trở mình, rồi anh vụt ngồi bật dậy : Khốn nạn, khốn nạn. Anh dấm tay thật mạnh vào trán rồi lại ngã nằm xuống. Lần này anh úp mặt xuống chiếc chiếu đã cũ, có một mùi mốc bốc lên, thơm như một kỷ niệm nào của tuổi thơ mà anh không nhớ rõ. Anh lại khóc rưng rức.

Một tà áo tím lách vào cánh cửa nhỏ. Huệ đứng sững giữa nhà. Trời đã nhá nhem tối. Lúc Huệ tới, mới có một que diêm của ai đó bật lên, rồi chầm vào

(Còn tiếp)

ngọn đèn dầu. Huệ cũng nhìn ra chỗ Kỳ nằm. Kỳ không trông thấy Huệ, anh vẫn còn úp mặt xuống chiếu.

— Anh Kỳ.

Huệ khóc, nước mắt cô chảy dài xuống má, rơi cả trên vạt áo tím than. Huệ gầy như que tăm, cao nhông, nổi bật lên giữa những người nằm ngồi ngòn ngang. Kỳ đã nghe tiếng kêu, nhưng anh không nhúc nhích. Huệ đứng một lát, không biết làm gì, cô lại nhìn mọi người, Tạo hỏi :

— Huệ vừa ở nhà tới đây ?

Huệ gật. Lúc này không nên hỏi nhau những câu gì khác và cũng không nên nói bất cứ một chuyện gì ở trong thành phố này. Huệ lại quay sang Kỳ, gọi nữa.

— Anh Kỳ.

Lần này thì Kỳ trả lời, nhưng vẫn không nhúc nhích người :

— Huệ về đi. Đứng lại đây làm gì. Chỗ này không phải chỗ của Huệ.

— Em...

— Huệ về ngay đi. Về ngay đi.

Huệ bật khóc thành tiếng. Hai tay cô bưng lấy mặt, Tạo nhìn thấy đôi vai nhỏ của Huệ run rẩy. Cảnh đó làm cho anh vừa buồn vừa chán nản thêm. Kỳ bỗng trở mình, ngồi nhòm dậy, nước mắt anh dàn dụa trên mặt và đôi mắt đã sưng húp :

— Về đi. Về ngay đi. Tôi không muốn gì nữa hết, Tôi không muốn. tôi...

Huệ lùi lại, thả tay ôm mặt ra. Về ngờ ngác thoáng hiện rồi biến mất. Huệ lại bật lên một tiếng khóc nhỏ, rồi cô không nhìn ai hết, kể cả Kỳ, bỏ chạy ra ngoài.

Vinh nhòm dậy định gọi. Nhưng cũng chính Tạo cản anh lại.

Kỳ lại rơi mình xuống cho nằm cũ. Mọi người như chìm đi trong căn nhà đầy bóng tối, chỉ có ngọn đèn dầu gượng một điểm sáng.

Chút dầu cạn, sẽ hết trong chốc lát.

NHÃ-CA



Tấn công 72

54 ngàn chết vì pháo kích

Còn nhiều người rả rích từ lâu ?

Đếm sao xuề, chết cho bằng thích

Hàng triệu rồi, ích lợi gì đâu ?

Không ích lợi chết hoài vẫn chết

Chết từng bưng tắc lỗi, nghệt sông !

Già thân thè máu me bê bết

Trẻ phơi thây trên những ruộng đồng.

54 ngàn chết vì pháo kích

Còn chết vì thứ khác bao nhiêu ?

Mới ba tháng phóng tay tàn sát

Núi xương khô đã thấy cao như

Ôi Việt Nam, Việt Nam yêu dấu
Đồng bào tôi đông đảo cho cam
Hai năm triệu từ hồi Bốn sáu
Chết từng chùm như bị khai quang.

Sợ mai một chẳng còn được mấy
Khi hòa bình toàn thấy hồn ma !
Suốt từ Bắc vô Nam một dãy
Những mồ hoang như nấm mọc ra ?

Đồng bào tôi cũng thềm được sống
Sao chịu hời những đợt khai quang ?
Người chết hết vườn không nhà trống
Lò sát sinh vĩ đại kinh hoàng.

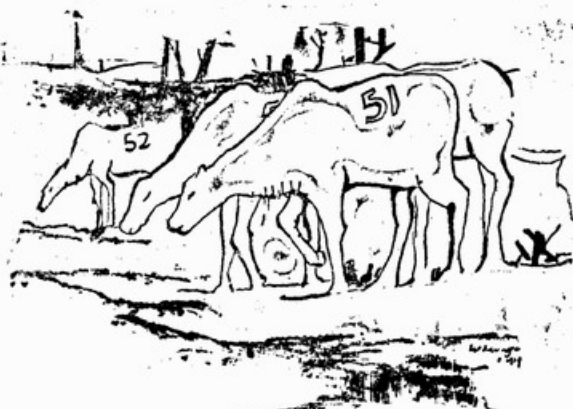
Ngân hà

Treo Việt Nam lên trời
Thắp sáng những hố bom :
Một giải Ngân Hà mới
Chi chít những vì sao !

TÚ KẾU

Kahlil GIBRAN

Một người điên



Trong Chính Văn số 1, bạn đọc đã thưởng thức đoản thiên *Cơn bão tố* của cùng một tác giả.

Đoản tác dưới đây được dịch từ bản Anh ngữ, nhan : *John the madman*. Tác phẩm dịch giả tuy có mới nhưng vẫn là ngòi bút đã dịch *Cơn bão tố*, — ngòi bút mà chúng tôi, và cả một số đông bạn đọc nữa, đã đặt rất nhiều tin tưởng và kỳ vọng.

Về mùa hè, sáng nào John cũng dắt bò và vác cây ra đồng, vừa đi vừa nghe chim hót và tiếng cây cỏ xào xạc.

Buổi trưa chàng thường ngồi ăn bên dòng suối giữa một cánh đồng cỏ muông thú và bao giờ chàng cũng nhớ dành lại một ít vụn bánh rắc trên cỏ để cho chim trời xuống ăn.

Buổi chiều chàng trở về túp lều nhỏ dựng chênh vênh, ở cách xa hẳn khu làng xóm miền Bắc Lebanon. Sau bữa cơm tối, chàng thường ngồi chăm chú nghe cha mẹ kể những chuyện thời

xưa, cho đến khi cơn buồn ngủ làm chàng riu mắt lại.

Về mùa đông, suốt ngày chàng ngồi bên lò sưởi, mơ màng theo tiếng gió hú và tiếng vụn vật than van. Qua cửa sổ chàng ngắm nhìn vùng thung lũng ngập tuyết có những hàng cây trụi lá, là hình ảnh của muôn vạn sinh linh đau khổ bị bỏ rơi bơ vơ dưới móng vuốt của băng giá cuồng phong ; Rồi miền man chàng suy tư về hiện tượng bốn mùa.

Vào những buổi tối dài mùa đông, chàng thức thật khuya chờ cho cha mẹ đã đi ngủ rồi mới mở ngăn tủ mộc lấy cuốn Tân Ước ra âm thầm đọc dưới ánh sáng lờ mờ của một ngọn đèn dầu. Vì các thầy tu đã ra lệnh cấm cuốn sách này nên mỗi khi đọc John đã phải thận trọng hết sức. Các vị thầy tu còn khuyến cáo là kẻ nào bị bắt gặp giữ cuốn sách đó sẽ bị khai trừ khỏi nhà thờ.

Cứ như thế đời thanh niên của chàng trôi đi trên trái đất tuyệt đẹp của Thượng Đế và trong những giáo điều đầy ánh sáng chân lý ghi trong Tân Ước. John là một thanh niên ít nói và hay suy tư; chàng chỉ nghe cha mẹ nói chuyện mà không bao giờ lên tiếng hay thắc mắc. Khi ngồi với những bạn đồng tu, chàng thường mơ màng nhìn về phía chân trời, và tâm tưởng chàng cũng xa vời như đôi mắt. Mỗi lần đi nhà thờ về chàng lại càng chán nản thêm vì lời giảng của các cha thường khác với những điều chàng đọc được ở trong Kinh Thánh, và chàng đi đến kết luận là cuộc đời của kẻ ngoan đạo lại không phải là cuộc đời sung sướng như Chúa đã nói tới.



Mùa xuân về, tuyết tan trên cánh đồng và trong thung lũng. Tuyết trên núi cũng bắt đầu từ từ tan, chảy thành những dòng suối vòng vo đổ xuống thung lũng, kết lại thành một thác nước, và tiếng nước đổ ào ào như báo hiệu là thiên nhiên đã thức giấc. Những cây

hanh nhân, cây táo đã nở đầy hoa, rừng liễu và khóm bạch dương đang trở lộc, và thiên nhiên đã trải rộng tấm áo rực rỡ muôn màu của nàng trên khắp đồng quê.

John đã chán ngồi bên lò sưởi và chàng nghĩ rằng chắc mấy chú bò cũng mong được thả dong trong đồng cỏ nên chàng mở chuồng dẫn bò ra đồng, dắt kín cuốn Tân Ước trong áo khoác vì sợ bị khám xét. Chàng tìm tới một nơi bóng cây mát rợp bên cạnh khu ruộng thuộc tu viện St. Eljia đứng ngụy nga trên một ngọn đồi gần đó.

Khi đàn bò của chàng thông dong gặm cỏ, John ngồi dựa vào một phiến đá và giờ cuốn Tân Ước ra đọc. Vừa đọc chàng vừa suy nghĩ về những đau khổ của con dân Thượng đế trên trần gian và về sự hoàn mỹ của xứ thiên đàng.

Hôm đó là ngày ăn chay cuối cùng, mọi người đã phải kiêng thịt từ lâu nên đều sốt ruột mong ngày Phục sinh. John cũng như mọi nông dân nghèo khác, không hề phân biệt ngày chay tịnh với những ngày khác trong năm, bởi vì cả đời chàng chỉ toàn những ngày chay tịnh, và thức ăn của chàng không có gì khác hơn là bánh mì trắng nhão bằng những cơn vật vã con tim, hay trái cây mua bằng máu ấm của thân thể chàng. Thứ thức ăn duy nhất mà John hằng khát khao trong những ngày ăn chay, là món ăn tinh thần, — thứ bánh của Trời — đã nuôi dưỡng tâm hồn chàng với những ý tưởng buồn đen về tấn thảm kịch của đám con Chúa và chuyện Chúa già từ Trần thế.

Chim chóc hoan ca và bay lượn quanh chàng. Có những đàn chim bồ câu bay vòng vo trên trời, hoa lá đang đua theo gió nhẹ như đùa vui với nắng ấm.

John say mê đọc sách, và giữa mỗi cơn dọi sáng tâm linh, chàng lại ngưng đọc nhìn ngắm những chòm nhà thờ ở khu làng lân cận, tai lắng nghe tiếng chuông đồ nhịp nhàng. Đôi lúc chàng nhắm mắt cho tâm hồn chấp cánh bay theo những giấc mơ về thánh địa Old Jerusalem, bước theo chân Chúa Giê-su để nghe người ta trả lời chàng rằng: «Ở chốn này Chúa đã hứa cho kẻ bại liệt có thể bước đi, và cho kẻ mù lòa thành sáng mắt; Ở chỗ kia, người ta đã kết một vòng gai nhọn đem đặt lên đầu Chúa; Nơi của kia Chúa đã giảng đạo cho muôn vàn người; Tại lâu đài này người ta đã trói Chúa vào cột đá để đánh đập; Trên con đường này Chúa đã tha tội cho con đàn bà ngoại tình; và tại chỗ kia Chúa đã quy xuống dưới sức nặng của Thánh giá».



Một giờ trôi đi, thân thể chàng bài hoại như vừa trải qua một cơn đau, như niềm đau của Chúa, nhưng tâm linh chàng như được cùng đăng quang với Chúa.

Buổi trưa vụt tới và John không thấy đàn bò của chàng đâu cả. Chàng nhìn tứ phía đều không thấy đâu nhưng khi lần theo dấu chân bò chàng sang cánh đồng bên cạnh thì thấy một người đàn ông đứng xa xa giữa những cây bạch dương. Tiến tới gần, chàng mới nhận ra đó là

một thầy dòng trong tu viện; chàng cung kính cúi chào và hỏi thăm về đàn bò của chàng. Vị thầy tu có vẻ như cố nén giận, trả lời: «Có, ta có thấy đàn bò của mi. Đi theo ta rồi ta chỉ cho!». Khi tới tu viện, John thấy bò của chàng bị buộc ở cột nhà kho. Một thầy tu đứng gần và mỗi khi con vật nhúc nhích ông lại lấy gậy quật lên lưng bò. John định nhảy tới để cời trói cho đàn xúc vật đáng thương, nhưng ông thầy tu đã nắm lấy áo chàng níu lại. Rồi ông quay về phía tu viện la hò: «Đây là thằng chần bò thủ phạm. Tôi đã tìm thấy nó đây rồi». Thầy dòng và linh mục theo chân Cha sở đổ ra vây quanh John làm chàng ngỡ ngàng và tưởng như mình là sát nhân. «Tôi đâu có làm gì mà bị coi như phạm nhân như thế này». John cố phân bua với Cha sở. Cha sở nén giận trả lời: «Đàn bò của ngươi đã phá trại cây và vườn nho của nhà thờ. Người phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại gây ra và chúng ta sẽ không trả bò cho ngươi nếu ngươi không bồi thường hẳn hoi».

John phản đối: «Tôi nghèo lắm, làm gì có tiền. Xin quý Cha trả bò lại cho tôi và tôi xin thế danh dự là tôi sẽ không bao giờ để bò lạc vào đất cấm của các Cha nữa». Cha sở bước tới một bước, giơ tay chỉ lên trời và nói: «Chúa đã chỉ định ta giữ gìn miền đất St. Elija này và bổn phận thiêng liêng của ta là phải dùng mọi uy quyền để bảo vệ nó; Miền đất này là đất thiêng và như lửa đỏ, nó đốt cháy kẻ nào dám băng qua mà không có phép. Nếu ngươi không chịu đền tội, cỏ tươi mà bò của ngươi vừa ăn sẽ biến thành thuốc độc vật chết chúng».

Cha sở vừa cất bước bỏ đi thì John vội nắm lấy áo ông và hạ mình van nài : « Nhân danh Chúa và Thánh thần tôi xin Ngài buông tha tôi và lữ xúc vật của tôi. Xin Ngài xót thương tôi vì tôi nghèo khổ, vì những hòm két của tu viện đều đã đầy ắp vàng bạc rồi. Xin ngài thương xót tôi và cha mẹ tôi già yếu chỉ biết trông cậy vào tôi, dầu là Chúa chắc Người cũng sẽ tha thứ cho tôi nếu tôi xúc phạm tới Người ». Cha sở nghiêm nghị nhìn chàng nói : « Giàu hay nghèo gì cũng vậy, ta không thể tha tội cho ngươi. Cứ đem 3 đồng tiền vàng tới đây ta sẽ trả bỏ lại cho ngươi ». John vẫn khăn khăn : « Tôi không có một xu nhỏ ; Xin cha hãy xót thương một kẻ mục đồng nghèo khổ ». Cha sở mắng lại : « Vậy thì ngươi lo bán đồ đạc gì đi cho đủ 3 đồng tiền vàng đem nộp ; chẳng thà tay trắng mà ngươi vào kinh đô thiên đàng còn hơn là mắc tội với Nhà Thờ và bị đẩy xuống địa ngục là Mọi thầy tu đều gặt đầu đồng tình.

Sau một phút im lặng, nét mặt John bỗng rạng rỡ và đôi mắt chàng sáng ngời hình như chàng không còn biết sợ hãi và phục tùng nữa. Chàng ngừng đầu lên nhìn Cha sở và mạnh dạn nói : « Có phải là những người yếu kẻ nghèo còn phải bán nốt cái gia sản bản tiện là nguồn sống duy nhất của mình để làm giàu thêm cho khối lượng vàng của Tu viện phải không ? Những kẻ đã nghèo còn bị áp bức và bóc lột cho nghèo thêm chỉ vì muốn được Nhà Thờ tha thứ cho những tội lỗi mà đàn bò đã vô tình phạm phải. Liệu như thế có gọi là công bằng được

không ? Cha sở ngửa mặt lên trời, cao giọng : « Thánh kinh đã viết rằng kẻ nào đã đẩy tay thì sẽ được cho thêm, và kẻ nào tay trắng thì sẽ bị lấy đi. Khi nghe những lời này, John không còn nén nổi cơn giận. Với dáng điệu của một người chiến sĩ tuốt gươm chỉ vào mặt kẻ thù, chàng rút cuốn Tân Ước trong túi ra và hét lên : « Đồ đạo đức giả ! Ngươi đã bóp méo những lời dạy của Chúa. Và ngươi đã dám lạm dụng cái gia sản tinh thần quý giá nhất đời là lời Chúa để biện minh cho tội lỗi ngươi !... »

« Đáng kiếp cho ngươi, nếu con chiên của Chúa có đồ tới phá tan tu viện, đốt bàn thờ và hương án thành than... Đáng kiếp cho ngươi, nếu con của Chúa có nổi giận và quăng ngươi xuống vực sâu... Đáng kiếp cho ngươi, lũ người tham lam đã che giấu xấu xa và hận thù trong bộ áo thầy tu. Đáng kiếp cho ngươi, kẻ thù của Chúa, miệng thì nam mô mà bụng chứa một bồ dao... Đáng kiếp cho ngươi, kẻ quý trước bàn thờ Chúa mà lòng thì chống lại Chúa. Ngươi thật như bản tội lỗi vì ngươi đã trừng phạt ta, chỉ vì ta đi qua mảnh đất mà ông bà cha mẹ ta đã mua để cúng hiến cho ngươi. Khi ta xin ngươi hãy vì Chúa mà tha thứ cho ta thì ngươi lại chế diễu. Hãy cầm lấy cuốn sách này và chỉ cho bọn thầy dòng đang hơn hờ xem là có bao giờ Chúa lại từ chối không tha tội cho con chiên không...Hãy đọc cả cuốn sách này về Chúa và tìm xem có bao giờ Chúa ngừng nói tới tha thứ và thương yêu không, dù là khi Chúa truyền giáo ở trên núi hay giảng kinh trong nhà thờ ? Có

phải là từ Cây Thánh giá Chúa đã vươ
tay ra ôm nhân loại vào lòng không ?
Hãy ngó tới nhà cửa của lũ chúng tôi
để thấy kẻ ốm đau nằm rên la trên phản
cứng... Hãy nhìn vào nhà tù để thấy kẻ
ốm đau vô tội trở thành nạn nhân của
dân áp, bất công... Hãy ngó xuống những
người hành khất thân thể tả tơi và tâm
hồn nhục nhã đang chìa tay ăn xin...
Hãy nghĩ tới đám giáo dân nô lệ khốn
khở vì đói khát trong khi người sống
một cuộc đời sa hoa thờ ơ trước đám
dân nghèo làm ruộng trồng nho cho người
ăn trái. Chưa bao giờ người viếng thăm
một người đau khổ, an ủi một kẻ thất
tình, hay dứt ăn cho một kẻ đói khát ;
người cũng chưa bao giờ cho một kẻ lỡ
độ đường vào trú ngụ hay giúp đỡ kẻ tật
nguyền... Còn chưa vừa lòng với những
gì người đã bóc lột của ông cha ta, người
còn vươn tay ra như những đầu rắn độc
cướp nốt một chút tiền cơm của người
góa phụ đã dành dụm mãi sau biết bao
lam lũ, của người nông dân đã tần tảo
để riêng lo cho tương lai con cái !

John hít một hơi dài, rồi dịu giọng
chàng nói tiếp : « Các người thì đông mà
ta chỉ có một mình. Các người có thể
làm gì ta cũng được. Trong bóng tối
của đêm đen lũ chó sói có thể ăn thịt
con cừu nhỏ, nhưng vết máu sẽ còn
dính lại trên những tảng đá trong thung
lũng cho đến khi bình minh lên, mặt
trời sẽ tố giác tội ác đó với mọi người ».

Những lời chàng nói có một mãnh
lực lạ lùng khiến cả đám thầy tu chú ý
nghe và tức giận vô cùng. Họ run lên
vì giận giữ và chỉ đợi Cha sở ra dấu là

se nhảy vào đánh gục chàng. Một phút
im lặng, như một cơn cuồng phong bỗng
ngưng thịnh nộ sau khi đã phá tan tác
cả khu vườn; Cha sở bỗng ra lệnh: « Hãy
trời thẳng từ tù này lại, tước lấy cuốn
Thánh kinh, rồi đem giam nó vào hầm
đá tối vì nó đã dám xúc phạm tới những
đấng thiêng liêng đại diện của Chúa, nó
sẽ không bao giờ được tha thứ dù ở trên
trái đất này hay mãi mãi. Đám thầy tu
nhảy xổ vào cùm tay John và đem giam
chàng vào trong một nhà ngục nhỏ.
Không một ai nhìn thấy hay hiểu được
sự can đảm của chàng dù cho đó là kẻ
chỉ biết nhắm mắt phục tùng, kẻ bị
bọn hoặc bạo chúa ở khắp cái xứ thiếu
tự do mà người Đông phương quen gọi
là « viên ngọc trên vương miện lãnh chúa ».

Ở trong tù chàng suy ngẫm về
những sự đau khổ vô ích mà đồng bào
chàng phải chịu vì những chuyện ham
hố mà chàng vừa mới trải qua. Chàng
nhếch mép cười thương xót, một nụ cười
chua chát có thể thấm qua thể xác nhập
vào tâm hồn, một nụ cười khiến hồn ta
cũng lên đên và nếu không khéo tự chủ
sẽ làm ta rơi lệ.

Chàng đứng nhìn qua khe cửa sổ
thấy một vùng thung lũng đầy ánh sáng.
Chàng cảm thấy một niềm hoan lạc vô
tu vầy quanh và một sự bình yên trong
hồn trở tới. Người ta đã giam giữ
chàng, nhưng tâm hồn chàng đã
thoát ra trôi theo gió mỏng giữa vùng
đồi núi và đồng cỏ. Lòng tin yêu Chúa
nơi chàng không thay đổi và tra tấn đầy
đọa cũng thế làm đổi được ý chàng vì
chàng có chân lý đứng bên. Socrate cũng

đã chẳng từng là nạn nhân hay sao ? Chỉ khi nào trái lời lương tâm chúng ta mới đau khổ, và khi phản bội nội tâm chúng ta đã tự đi vào con đường tự sát.

PHẦN II

Cha mẹ John được người ta báo tin cho hay là chàng bị tù và đàn bò của chàng bị tịch thu. Mẹ chàng chống gậy, lần tới Tu viện quý rạp xuống đất hôn chân Cha sở và van nài xin ông xót thương mà tha thứ cho thằng con duy nhất của bà. Cha sở ngửa mặt lên trời nói : « Ta tha cho con người cái tội điên khùng, nhưng nhà thờ không thể tha tội cho kẻ đã dám xâm nhập vào đất Chúa ». Nhìn Cha sở bằng đôi mắt đầm lệ, bà già đáng thương cúi sợi dây chuyền bạc đeo cổ dâng lên ông và nói : « Đây là báu vật duy nhất của con mà mẹ con đã cho con làm quà cưới. Xin ngài nhận cho con để chuộc tội cho thằng John ». Cha sở cầm lấy sợi dây rút vào túi, cúi nhìn mẹ John đang hôn tay ông để tỏ lòng cung kính biết ơn, ông nói : « Thật đáng thương cho cái thời đại đầy tội lỗi này. Các người đã bóp mép lời Chúa dạy trong Thánh kinh để đến nỗi con cái người ăn phải của chua khiến các người sốt ruột ; Bà già cứ về đi, và hãy cố xin Chúa cứu vớt cái thằng con điên đại của bà ».

John ra khỏi ngục im lặng dật bỏ đi cạnh mẹ chàng. Khi về tới túp nhà tranh xiêu vẹo, chàng cột bò vào chuồng rồi ra ngồi bên cửa sổ chờ hoàng hôn xuống.

Một lát sau chàng nghe thấy tiếng cha thì thầm với mẹ chàng rằng : « Tôi đã bảo bà nhiều lần là thằng John nó điên ; vậy mà bà không tin tôi. Bây giờ thì chắc bà đồng ý với tôi rồi chứ, nhất là bà đã thấy tận mắt và đã nghe Cha sở nói với bà những điều mà tôi đã nói với bà bao lâu nay ». John tiếp tục nhìn về phía chân trời xa xôi, ngắm hoàng hôn đỏ xuống.

Lễ Phục-sinh đến, vào đúng lúc ngôi nhà thờ ở tỉnh Bsherri vừa xây xong. Ngôi nhà thờ đồ sộ này trông giống như lâu đài vua chúa nằm ngay giữa một đám nhà tranh lụp xụp của lũ dân nghèo. Người ta tấp nập sửa soạn đón rước vị Hồng-y được cử tới khai mạc ngôi nhà thờ mới. Đám dân đen đứng sắp hàng hai bên đường để nghênh đón. Tiếng thánh ca hòa vào tiếng chuông đồ tiếng trống vang, âm động cả bầu trời.

Cuối cùng vị Hồng y tới nơi, cưỡi ngựa có yên cương mạ vàng. Khi ngài xuống ngựa, các giáo sĩ và nhà cầm quyền địa phương đón rước ngài bằng những lời chào mừng thanh mỹ nhất và đưa ngài tới trước bàn thờ. Ngài mặc quần áo thêu chỉ vàng và dát ngọc, đầu đội vương miện vàng và tay cầm gậy lệnh trạm vàng, theo sau ngài là các lính mục, những người cầm nến và rước hương.

Lúc đó John đứng ở giữa đám nông dân, phía sau cột. Chàng nhìn quang cảnh

Cảnh mà lòng xót xa, chua chát vì chàng nhìn thấy những tấm áo đất tiền, chiếc vương miện và gậy lệnh quý giá, những lọ lộc bình và đồ lễ vật xa xỉ một cách vô ích, trong khi đó thì đám ngu dân từ những làng mrc cận tới tham dự cuộc lễ này trông thật khốn cùng và đói khổ.

Những vị chức sắc huy chương đeo dây ngực quỳ xuống cầu kinh oang oang trong khi đó thì đám nông dân khốn cùng đứng xa xa hồi hộp lăm lăm những lời cầu nguyện chân thành phát ra từ thâm sâu trái tim đau khổ của họ.

Uy quyền của những vị chức sắc và nhà cầm quyền đó giống như những dây lá vạn niên thanh sống bám vào những cây bạch dương. Trong khi đó thì đời sống của đám dân nghèo như con thuyền mà người cầm lái chèo đã tới số, mà chân vịt con thuyền bị long mất, cánh buồm cũng đã bị cuồng phong xé nát để đến nỗi con thuyền trôi nổi trong một vùng mênh mông thịnh nộ và bão táp thét gào.

Bạo lực và phục tùng mù quáng... cái nào đã phát sinh ra cái kia? Có phải chẳng bạo lực là một loài cây lớn không mọc trên mặt đất thấp, hay chính sự phục tùng là một cánh đồng hoang không có thảo vật nào mọc lên ngoại trừ loài gai góc? Những ý nghĩ và suy tư đó đã ám ảnh tâm tư John, trong suốt cuộc lễ, chàng ôm lấy ngực những sợ tim chàng có thể nổ tung vì xót đau cho sự phân hóa của con người trong tấn thảm kịch đầy trái ngược này.

Chàng trần trối nhìn những sinh vật căn cỗi của nhân loại đau khổ.

Những sinh vật trái tim đã khô mòn, và sinh lực còn ẩn giấu trong lòng đất, trông như những kẻ hành hương ép xác đi tìm tận sinh trong một vùng đất mới.

Khi cuộc lễ chấm dứt và mọi người sửa soạn giải tán, John cảm thấy như có một sức mạnh đặc biệt nào đó thúc đẩy chàng phải lên tiếng thay cho đám dân bị áp bức nghèo khổ. Chàng tiến ra một góc, giơ hai tay lên trời, và trong tiếng trống vắng vắng, chàng cất lời nói: «Xin Chúa Giê-su đang ngự trị trong vùng ánh sáng, xin Chúa lắng nghe con. Xin Chúa nhìn xuống trần gian này, nơi gai góc đang đâm nát những cánh hoa mà với bao tin yêu Chúa đã dựng trồng. Hỡi Đấng Chấn Cữu cao cả, bọn chó sói đang ăn thịt những con cừu yếu đuối mà Chúa đã từng ôm ấp trong lòng. Chính máu tươi của Chúa thấm sâu vào lòng đất và dấu chân Chúa đã biến trái đất thành thiêu liêng. Nhưng kẻ thù của Chúa đã biến mặt đất này thành một đấu trường nơi đó những kẻ mạnh nghiền bẹp những người yếu. Những kẻ ngồi trên ngai thuyết giảng giáo điều của Chúa đã ngoảnh mặt làm ngơ, bịt tai không để ý tới những tiếng kêu của kẻ khốn cùng và tiếng than của người tuyệt vọng. Những con chiên mà Chúa gửi xuống trần gian này nay đã trở thành loài chó sói ăn thịt những con cừu mà Chúa từng nuôi dưỡng và ban cho ân sủng.

« Những lời Phúc âm phát sinh từ tâm Chúa đã biến khỏi bản kinh và được thay bằng những lời giảng rỗng trống nghe kinh sợ lỗ tai. Lạy Chúa, họ đã

xây nhà thờ và trang trí toàn bằng gốm vóc bạc vàng để tự đắc quang... Và họ để mặc đám con nghèo của Chúa quần áo tả tơi co ro trong đêm lạnh. Họ bọc không khí bằng mùi hương và khói sáp nhưng họ làm ngơ để đám tin đồ ngoan đạo của Chúa đói khát cơ hàn. Họ cất giọng hát toàn thánh ca và xưng tụng Chúa ; Nhưng họ giả diếc trước tiếng kêu than của những người góa phụ và lũ con côi.

«Lạy Chúa, xin Ngài hãy tới đây để đuổi kẻ đã rao bán đức tin của Ngài ra khỏi những đền thờ tôn nghiêm bởi vì họ đã biến những nơi này thành những hang tối ám u chỉ toàn giống người đạo đức giả và dối trá bỏ lê như loài rắn độc ».

Tiếng nói của John nghe mạnh mẽ và chân thành. Những tiếng thì thầm tán đồng, và những lời quở trách trong đám đông đều không át nổi tiếng chàng. Rồi như thu thêm được can đảm và nhớ tới kinh nghiệm quá khứ bản thân, John nói tiếp :

«Lạy Chúa, xin ngài giáng xuống hỏi tội những kẻ đã cướp của người nghèo và của Chúa những gì không phải là của họ. Khu vườn nho Chúa đã tự tay trồng nay đã bị đám sâu bọ tham lam ăn hồng và những giàn nho cũng bị đâm nát. Những đứa con hòa bình của Chúa đang phản hóa và đánh giết nhau, khiến đám dân nghèo thành nạn nhân chính của khu đồng sống gió. Rồi trước bàn thờ Chúa, họ cầu nguyện và giả thích là vì vinh quang của Chúa, vì hòa bình cho thế gian và vì nhân ái đối

với nhân loại. Liệu Đức Thánh Cha trên thiên đàng có cảm thấy được suy tôn khi những trái tim rỗng, những đôi môi tội lỗi và những chiếc lưỡi gian trá phát âm tên Ngài ? Liệu có thể có được hòa bình trên thế gian này khi mà con cái của kẻ cùng khổ phải lam lũ ở ngoài đồng để nuôi sống những kẻ mạnh và bạo chúa ? Liệu hòa bình có tới kịp để cứu thoát họ khỏi móng vuốt của cơn bão cùng ? Hòa bình là gì ? Có phải là hòa bình ở trong đôi mắt trẻ thơ nằm ngậm vú mẹ đói cơm khổ sữa trong túp lều lạnh giá ? Hay hòa bình ở trong túp lều tranh của kẻ nghèo hèn đêm ngủ trên giường ván và ngày ngày cố tranh cướp cho được một miếng cơm thừa mà các thầy và Cha vẫn đồ ra để nuôi béo bầy lợn ? Lạy Chúa vạn năng. Hoan lạc là gì ? Liệu đó có phải là khi Emia đã chiếm đoạt sức mạnh dân ông và danh dự dân bà bằng những đe dọa chém giết hay bằng tiền bạc hay không ? Hay hoan lạc là ở chỗ hiến dâng, nỗ lực hóa thân xác và linh hồn cho những kẻ đeo thẻ bài và đội vương miện kim cương sáng lóa ? Mỗi một lời than phiền tới tai những kẻ ban giữ hòa bình của Chúa thì họ lại đáp lời bằng cách gửi quân binh với gươm giáo đẩy mình tới đây dọa đàn bà con trẻ và chém giết chúng con. Lạy Chúa đầy thương yêu và ân sủng, xin Chúa hãy vươn đôi tay vạn năng của Ngài mà che chở cho chúng con thoát khỏi nanh vuốt của bọn đạo tặc đó, hay xin Chúa phái tử thần tới đón chúng con đi, đưa chúng con tới nhà mồ để chúng con có thể an nghỉ dưới thánh giá, và đợi Chúa trở về. Hỡi Chúa Giê-su vạn năng,

thế gian này chỉ là một ngục tù đen tối... Một sân chơi cho ma quỷ và một rạp hát có những bộ xương người. Cuộc đời của chúng con chỉ toàn thấy những gương dao giấu dưới nệm giường rách nát trong bóng đen kinh hoàng của đêm khuya. Rồi buổi sáng, gương giáo sẽ dựng ở trên đầu chúng con như một loài ác quỷ, và bắt chúng con theo lũ nô lệ lam lũ ở ngoài đồng. Lạy Chúa, xin Chúa xót thương những kẻ nghèo khổ đã đến đây hôm nay để đón mừng Phục sinh của chúa... Xin Chúa xót thương họ vì họ là những kẻ yếu hèn khốn khổ.»

Lời nói của John làm một số người vừa lòng và một số khác khó chịu. Một người nói : «Hắn nói sự thực, và đó là tiếng nói của chúng ta trước Thượng đế. Một người khác nói : «Hắn là một phù thủy, vì hắn nói toàn giọng ma quỷ». Người thứ ba bàn thêm : «Chưa bao giờ tôi nghe thấy những lời bi đỗi đến thế, ngay cả đến cha tôi cũng không bao giờ nói vậy ! Chúng ta phải chấm dứt ngay những lời xàm xỡ này». Một người đàn ông thì thăm với một người đứng cạnh : «Nghe chàng nói tôi thấy lòng rộn ràng lạ lùng. Người đàn ông bên cạnh thêm vào : «Nhưng các cha các thầy phải biết rõ những nhu cầu của chúng mình hơn anh chàng kia ; và nếu chúng ta không tin như thế thì chúng ta thật đặc tội». Trong khi lời qua tiếng lại vang lên từ mọi phía như tiếng đại dương gào, một linh mục tiến tới bắt John và giải chàng ra tòa. Sau đó chàng bị dẫn tới dinh Lãnh Chúa.

Khi bị hỏi cung, John không hề nói một lời, vì chàng biết là Chúa cũng

đã từng im lặng trước những kẻ lên án Ngài. Vị lãnh chúa ra lệnh giam chàng ; Ở trong tù chàng đã dựa đầu vào tường đá ngủ yên với một tâm hồn thanh thản.

Ngày hôm sau cha chàng tới thăm với Vị Lãnh Chúa là con mình điên và ông nói : «Đã nhiều lần tôi thấy nó nói một mình và nói những chuyện lạ kỳ mà không ai thấy hay hiểu nổi. Đã nhiều lần nó ngồi trong bóng đêm nói lẩm nhẩm. Tôi đã nghe thấy nó lên giọng phù thủy gọi hồn ma về. Ngài có thể hỏi hàng xóm láng giềng đã từng nói chuyện với nó và ai cũng biết chuyện nó điên khùng. Khi người ta nói với nó không bao giờ nó trả lời, và khi nói, nó chỉ thốt ra những câu bí ẩn và không ai hiểu gì hết. Mẹ nó biết rõ nhất. Đã nhiều lần mẹ nó thấy nó ngồi mơ màng nhìn ra chân trời xa xa và say mê nói về những suối nước, hoa lá và trăng sao như một đứa trẻ con. Xin ngài cứ hỏi vị linh mục nó đã dám chỉ trích khi ngài giảng đạo ở Lent thì biết ngay.

«Thưa ngài, nó điên khùng nhưng đối với tôi và mẹ nó nó rất hiểu thảo và giúp đỡ chúng tôi nhiều trong lúc tuổi già nhờ nó chịu khó làm lụng và phụng dưỡng chúng tôi đầy đủ Xin ngài rủ lòng thương xót nó và chúng tôi».

Sau đó, John được phóng thích và khắp làng ai cũng biết chuyện chàng điên. Khi nói tới tên John thì dân làng chằm chằm nhìn nhau, và có những nàng con gái thường buồn rầu nhìn chàng và nói với nhau : Cứ nhìn con người này thì thật không thể hiểu nổi ý trời. Tại sao trời

lại kết hợp cái đẹp và cái điên nơi người thanh niên này ; sao trời lại đem đôi mắt sáng hiền từ của chàng làm cửa sổ cho cái nội tâm tăm tối kia ?.



Giữa những ruộng lúa và đồng cỏ bên cạnh ngọn đồi trải mướt một tấm thảm xanh, điểm những bông hoa dại thật đẹp, John lang thang một mình như một bóng ma, không còn bận tâm về những cực nhọc của con người ; chàng

đứng nhìn đàn bò bình yên ăn cỏ. Vớ đôi mắt đắm lệ chàng nhìn về phía làng mạc rải rác ở hai bên thung lũng và nhắc lại trong một tiếng thở dài: « Các người thì đông và ta chỉ có một mình ; lũ chó sói dù có ăn thịt được đàn cừu trong bóng tối đêm khuya, nhưng máu kia sẽ in vết trên phiên đá trong thung lũng, và khi bình minh bừng nở mặt trời lên cao sẽ tố giác tội ác đó với mọi người ».

KAHLIL GIBRAN

THẢO-SƯƠNG dịch

Hãy tìm mua

MỘT CUỐN SÁCH KHÔNG THỂ THIẾU
TRONG TỦ SÁCH GIA ĐÌNH :

CÔ BÉ TREO MÙNG

tác phẩm thứ tư của HOÀNG NGỌC TUẤN

- Những câu truyện quyến rũ, êm đềm viết về một tà áo lụa, một tâm hồn phiêu lãng, một thời thơ dại bên sông Hương, một cuộc tình lạ lùng qua máy điện thoại, một loài hoa Ô-kim-đan và một cô bé treo mừng.

TRÍ ĐĂNG xuất bản

giải đáp thắc mắc

Trong nhiều năm qua, chúng tôi đã làm quen với bạn đọc trên Tập san Văn, Tân Văn. Gần đây hơn, trên Tập san Giao Điểm. Vì anh Trần Phong-Giao bị đau bệnh, tờ Giao Điểm tạm ngưng xuất bản, chúng tôi còn giữ lại một số thư của bạn đọc. Nay xin đề Chính Văn đăng tải bài trả lời những thư còn đọng lại từ trước, khá nhiều.

Bạn đọc Chính Văn muốn nêu những thắc mắc, xin tạm thời giới hạn một câu hỏi trong mỗi thư và xin chỉ hỏi trong lãnh vực văn học tổng quát.

Chúng tôi sẽ cố gắng giải đáp giùm những thắc mắc của quý bạn. Vì đó cũng là dịp để chúng tôi tự học, trau dồi thêm kiến văn và học thức vốn nông cạn của mình.

THƯ - TRUNG

(với sự giúp đỡ của Một nhóm Học giả)

● Một độc giả ở Long-an, hỏi :

Kính xin ông cho biết tiểu sử các nhà văn : Vũ Bằng, Tam Ích, Thiên Tướng.

— Trả lời :

Về nhà văn quá cố Tam-ích, đề nghị bạn coi tập san VĂN HỌC, số đặc biệt Tưởng niệm Tam Ích, số 145, ra ngày 01 tháng 4 năm 1972. Bạn có thể hỏi mua lại số báo cũ này, bằng cách gửi 100 đồng, kèm tên họ và địa chỉ rõ ràng cho Cô Nguyễn-thị Ngọc Liên, số 61 đường Lê văn Duyệt, Sài Gòn.

Thiên Tướng là một trong nhiều bút hiệu của nhà văn Vũ Bằng.

Nhà văn Vũ Bằng sinh ngày 3 tháng 6 năm 1913, tại Hà-nội, Bắc Việt, thuộc dòng dõi Nho gia (họ Vũ Bồn) đất Lương-ngọc, tỉnh Hải-dương.

Từ năm 16 tuổi, ông bắt đầu làm báo (Trung Bắc Tân Văn của Nguyễn Văn Vinh) khi còn theo học tại Lycée Albert Sarraut.

Tác phẩm đầu tay của ông là tập tạp văn trào phúng *Lạ Văn*, in năm 1930. Phóng sự đầu tiên về nạn chết đói tại tỉnh Bắc-giang (*Lục ngàn trên rừng chết*) đăng trên báo *Tương Lai* năm 1937. Ông bắt đầu nổi tiếng từ tập tiểu thuyết đầu tay, *Một mình trong đêm tối*, do Trung Bắc Tân Văn xuất bản năm 1937.

Gắn liền với sinh hoạt báo chí từ hơn bốn chục năm qua, Vũ Bằng đã ký rất nhiều bút hiệu, đã viết rất nhiều văn loại: tiểu thuyết, phóng sự, bút ký, hồi ký, tùy bút, tạp văn, tiểu luận, khảo luận. Ngoài ra, ông còn dịch văn, soạn sách giáo dục, sưu tầm cổ văn, viết truyện nhi đồng...

Liệt kê văn nghiệp cũng như tác phẩm ông đã viết, đã cho xuất bản, mất ít ra cũng 3 trang báo và đó là điều khuôn khổ chật hẹp của mục này không cho phép. Đề nghị bạn tìm đọc thiên hồi ký *«Bốn mươi năm nói láo»* của ông (Phạm Quang Khai xuất bản, 1969), thiên tự truyện *«Phù dung ơi, vĩnh biệt!»* (Thế Giới xuất bản, 1969). Cũng đề nghị bạn đón coi trong cuốn *«Tiểu luận các Tác gia Hiện đại»* của Trần Phong-Giao, sắp được ấn hành, — bộ sách mà chúng tôi đã mượn nhiều tài liệu để trả lời bạn đây.

● Ông Nguyễn Gia Tường, Sài-gòn, hỏi:

1) Trong quyển *«Thành ngữ Điển tích»* của Diên-Hương, trang 229, có bài *«Thơ Lục-Nga»*:

*Lục-nga thi vịnh lụy triền khâm,
Vạn cổ vô cùng hiếu tử tâm.
Một bồn thủy nguyên ân mạc trắc,
Cần sanh khôn dục đức du thâm.
Canh trường trở đậu kỳ lai cách,
Phương phất âm dung tự hữu lâm.
Nhứt phiến thương thành tu báo bổ,
Hiếu ân nhi tắc cồ như cảm.*

Chúng tôi nghi những câu: 5,7 và 8 phải là:

*Chương thường trở đậu kỳ lai cách,
Nhứt phiến tình thành tu báo bổ.*

và: *Hiếu tư duy tắc cồ như cảm.*
mới có nghĩa. Xin ông cho biết ý ấy có đúng không?

Bài thơ Lục-Nga trong Kinh thi làm theo luật *«Đường»* mà Kinh Thi đã có từ các đời Thương, Châu. Vậy phải chăng sau khi đọc những việc hiểu thảo trong thiên Lục-Nga, một Nho sĩ nào đó đã cảm tác nên bài này? Nếu quả vậy thì xin ông có thể cho biết tác giả của bài thơ đó.

2) Xin ông vui lòng cho biết vị trí biên *«Linh-đỉnh»* và thác *«Hoàng-khủng»* vì rằng bài *«Quá Linh-đỉnh dương»* của Văn Thiên Tường có c u:

*«Hoàng-khủng than đầu thuyế
hoàng khủng.*

*«Linh-đỉnh dương lý thần linh
đỉnh!»*

Hiện nay biên và thác ấy có mang tên mới nào trên lãnh thổ Trung quốc không?

— Trả lời:

1) Thơ Lục-Nga trong Kinh Thi nguyên văn như sau:

*«... Ai ai phụ mẫu, sinh ngã cù
lao..., phụ hề sinh ngã, mẫu hề cúc ngã,
phủ ngã, sắc ngã, trưởng ngã, dục ngã,
cổ ngã, phục ngã, xuất nhập phúc ngã,
dục báo chi đức, hiệu thiên yong cực.»*

"Thương thay cha mẹ, sinh ta khó nhọc... cha đẻ ta, mẹ nâng đỡ ta, vuốt ve ta, cho ta bú mớm, nuôi ta đến lớn, dạy dỗ ta, chăm nom ta, xem tính ta mà uốn nắn, ra vào gìn giữ ta... ân đức ấy, mệnh mỏng như bầu trời vô cùng, báo sao cho xiết.)

Bài Đường luật mà ông chép là do một nhà hậu nho (không biết là ai) làm ra. Những câu 5, 7, 8, ông đánh chánh lại, chúng tôi cho là đúng hơn bản chép trong "Thành ngữ Điển tích".

2) Hoàng-khủng than : một trong 18 ghềnh nước, ở tỉnh Giang-tây, huyện Van-an, cũng có tên là Hoàng - công than. Ghềnh Hoàng-khủng là nơi hiểm nhất trong 18 ghềnh.

Linh-dinh dương : phía Nam huyện Trung-sơn, tỉnh Quảng-dông, có núi Linh-dinh. Núi giáp biển Nam-hải. Nơi biển ở chân núi tên là Linh-dinh dương.

● Nguyễn Tha nh Long, Lam-sơn, hỏi :

Xin cho biết văn tắt tên, sự nghiệp tác giả của thiên truyện "Hai mươi bốn giờ trong đời một người đàn bà", và tên

của dịch giả đã dịch thiên truyện ấy ? Nghe nói, nhà văn Võ Phiến đã dịch tác phẩm trên sớm nhất, nhưng dịch phẩm của ông đã không được xuất bản. Hiện giờ hỏi mua bản dịch ở đâu ?

— Trả lời :

Tác giả là Stefan Zweig, văn hào Đức (1881 - 1942), Muốn tìm hiểu sự nghiệp của Zweig, đề nghị ông coi lại Tập san Văn số 7 (ngày 1-4-1964).

Dưới bút hiệu Tiêu Liêu, nhà văn Vũ Bằng đã dịch thiên truyện này. Sách do nhà Văn Hồng Thịnh xuất bản tại Hà nội năm 1948.

Dưới bút hiệu Trảng Thiên, nhà văn Võ Phiến cũng đã dịch thiên truyện của Zweig. Sách do nhà Thời Mới xuất bản tại Sài Gòn năm 1963. Muốn mua bản dịch này, bạn có thể biên thư hỏi nhà xuất bản Thời Mới, số 160 đường Phan-dinh Phùng, Sài Gòn.

Mấy câu thơ bạn hỏi, chúng tôi không biết là của ai. Có điều : thơ đó tồi quá, bạn cũng chẳng nên bận tâm tìm hiểu làm chi.

THU-TRUNG

ĐÃ PHÁT HÀNH

VŨ TRỤ THƠ

tập tiểu luận của ĐẶNG TIẾN

GIAO ĐIỂM xuất bản

HỘP THƯ BẠN ĐỌC

THÂN GỬI BẠN ĐỌC

Thư từ gửi cho tôi, mong anh em bằng hữu khắp nơi cứ gửi về địa chỉ cũ số 473/2 đường Hai bà Trưng, Sài Gòn-3.

Liên lạc trực tiếp, xin mời anh em ghé vào buổi chiều vì buổi sáng tôi bận đi làm. Gợi dây nói, xin kêu số 99-751.

Trần PHONG-GIAO



SÁCH BẢO MÔI

Tòa soạn CHÍNH VĂN vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trang trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc:

☆ **CÔ BÉ TREO MỪNG**, Hoàng Ngọc Tuấn, Trí Đăng xuất bản. Sách dày 196 trang, giá 250 đồng.

Tác phẩm thứ tư của Hoàng Ngọc Tuấn là một tập truyện gồm 6 đoản thiên. HNT là một tác giả trẻ hiện đang được độc giả mến chuộng.

○ **MỘT ĐỜI HỐI TIẾC**, Ngô Đình Hùng, Thiên Thai xuất bản. Sách dày 44 trang, không ghi giá bán.

Thi phẩm đầu tay của một nhà thơ trẻ.

☆ **NEU NGÀY MAI GIẢI NGŨ**, Hồ Chí Bửu, Động Đất xuất bản. Sách dày 44 trang, không ghi giá bán.

Thi phẩm đầu tay của một nhà thơ trẻ, còn có nhan đề phụ: « Những bài thơ làm trên lô-cốt. »



★ *Một số bạn đọc, khắp nơi :*

Chính Văn đã ra được 2 bộ : Bộ I, Nguyệt san, tất cả gồm 6 tập ; Bộ II : Bán nguyệt san, gồm 6 tập. Nay là Bộ III. Hi vọng sẽ ra được đều đặn và dài hơi hơn những bộ trước. Được hay không, cũng là nhờ sự tiếp tay ủng hộ của quý bạn vậy. Mong quý bạn, không những đọc mà còn cổ động giúp cho Chính Văn nữa.

Về các số báo cũ, hiện nay tòa báo chỉ còn giữ được số rất ít và cũng không được trọn bộ. Quý bạn cần mua

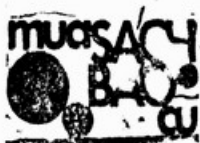
báo cũ, xin biên thư cho Ty Trị sự, sẽ có hồi âm nhanh chóng. Cùng thư, xin quý bạn nhớ kèm tem (10 đồng). Đa tạ.

○ Cao Nguyễn, Nha-trang :

Tôi thôi làm báo VĂN đã 10 tháng nay. Muốn giao dịch với VĂN, xin bạn biên thư gửi ông Nguyễn Xuân Hoàng, thư ký tòa soạn. Chúc lành. (TPG)

★ Nguyễn Duy Khanh, Châu đốc :

LHP là một nhạc sĩ nổi danh từ tiền chiến, hiện còn sống.



1) Tuần báo Thiếu Nhi từ số 1 đến số 28 xuất bản tại Sài Gòn khoảng 1943. Bạn nào có xin nhượng lại hoặc cho mượn.

2) Bán nguyệt san Văn số 8, 32 và 41. Bạn nào dư dùng xin tự định lấy giá và liên lạc với Tòa soạn Chính Văn.



Trong Chính Văn số 2, bài Giải đáp Thắc mắc, tr-tr. 106-107, có mấy lỗi in sai. Xin chân thành cáo lỗi và mong bạn đọc sửa lại giùm :

a) Câu thơ : Sắt máu con lòng hận chữa người; xin sửa là : Sắt máu son lòng hận chữa người.

b) Năm sanh của kịch tác gia Võ Khắc Khoan là 1917 (thay vì 1971, như đã in sai.)

CÁO LỖI

Vì nơi anh cư ngụ bị hứng đạn pháo kích ngày đêm. PHAN DU đã không thể viết được bài về Phan Chu Trinh, như đã loan báo và in tên ngoài bìa.

Vì giá giấy tăng cao, chúng tôi buộc phải rút bớt số trang, nên đã phải tạm gác một số mục thường xuyên.

Xin được chân thành cáo lỗi cùng toàn thể bạn đọc.

Tòa soạn CHÍNH VĂN



Nhấn
Tin
Riêng

☆ Yên Uyên Sa (?)

Muốn trả lời thư 28-7 của bạn mà không rõ địa chỉ. Mong tin và chúc lành.

○ Ô. ô. Ngô Chương Long, Hà-vĩ Giang-châu :

Chính Văn sẽ đăng truyện « Lối mòn quen thuộc » và bài thơ « Cho Võ Sĩ », căn cứ Ái-tử, nếu còn xuất bản

được sau số 4. Mong quý bạn cho biết địa chỉ để tiện liên lạc.

★ Hồ Minh Dũng, Huế.

Sẽ đăng «Hàng cây hai bên đường». Chúc lành cho cả Công-ty. Tình thân.

○ Yên Bằng, Bạc-liêu.

Sẽ đăng «Một đôi điều không thể nói.» Chúc lành. Tình thân.

★ Vũ Hữu Định, Đà-nẵng.

Sẽ đăng «Phơi áo». Tình thân.

○ Võ Chân Cửu, Sài-gòn.

Sẽ đăng «Miền lục trúc.» Tình thân.

○ Quý bạn : Dương Thanh Tùng, Mang Viên Long, Phạm Thanh Chương, Nguyễn Minh Nữ, Trần Hoài Thư, Trần Dạ Lê, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Văn Ngọc.

Xin được chân thành cảm tạ. Tình thân.

BÀI LAICAO



Chúng tôi đang đọc những bài của quý bạn có tên sau đây. Những bài được chọn đăng sẽ có tin nhắn riêng. Mong quý bạn tiếp tục gửi sáng tác mới khác cho Chính Văn. Đa tạ.

○ VẤN ;

Quý bạn : Cao Nguyễn. Văn Nhựt Ba. Nguyễn Công Minh.

○ THƠ ;

Quý bạn : Hùng Linh. Hoàng Chi Phố. Vũ Văn. Cao Nguyễn. Văn Nhựt Ba. Nguyễn Ngao Ngán. Trần Hoàng Vy. Nguyễn Ngọc Nghĩa. Thanh Toàn. Kỳ Hoàng.

○ GHI CHÚ :

Những con số ghi trong hai đầu ngoặc đơn chỉ số lần nhận được bài. Ngoài ra, còn một số bài khác, các tác giả yêu cầu miễn ghi nên tuy nhận được chúng tôi đã không ghi trong Hộp thư này.

Tìm đọc :

một chút cho tình yêu

thơ ĐÌNH TRẦN CA

Tập thơ tình nồng nàn, mát như dòng sông Thu Bồn của đất Quảng, cũng buồn bã và đau thương trong tình yêu đời đời hoài vọng.

Phát hành toàn quốc trung tuần tháng 8-72

THƯƠNG NGÂN HÀNG

SỞ CHÍNH: 422, Trần Hưng Đạo — Saigon
Điện thoại 98.495-98.496 — QS : 60.078-61.421
Điện tín : Incombank

CHI NHÁNH : **CHỢ LỚN :**

144, Tổng Đốc Phương — Cholon
Điện thoại 37.936 — QS . 61.579

CÔNG-TRƯỜNG ĐIỆN-HỒNG

2, Phạm Ngũ Lão — Saigon
(ga xe lửa Saigon)
Điện thoại 96,310

HUẾ :

55, Trần Hưng Đạo, Huế

THỰC HIỆN MỌI NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG :

- Nhận và trả mọi số tiền ký thác
- Cho vay dưới mọi hình thức
- Mở tín dụng khoản xuất nhập cảng
- Chuyển ngân
 - Tồn khoản hoạt kỳ
- Mở trương-mục
 - Tồn khoản định kỳ
 - Tiết kiệm

VIỆN NGÂN HÀNG ĐÁNG TIN CẬY CHO MỌI GIỚI :

- Tiếp đón nông hậu
- Phục vụ mau lẹ và kin đáo.